ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN MINH QUANG

ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2015

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Hà Nội - 2025

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN MINH QUANG

ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2015

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Mã số: 9229010.02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
1. PGS.TS. LÊ VĂN THỊNH
2. TS. LÊ THỊ QUỲNH NGA

Hà Nội - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của tác giả dưới sự hướng dẫn tận tình của PGS.TS Lê Văn Thịnh và TS. Lê Thị Quỳnh Nga, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nội dung và kết quả nghiên cứu trong đề tài là do tác giả tự tìm hiểu, phân tích khách quan, trung thực và chưa được công bố dưới bất kỳ hình thức nào. Các số liệu thống kê, tài liệu tham khảo phục vụ mục đích nghiên cứu đề tài luận án này được sử dụng đúng quy định, không vi phạm quy chế bảo mật của Nhà nước.

Tôi cam kết hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm về tính trung thực và kết quả nghiên cứu của đề tài này.

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Minh Quang

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận án, cùng với nỗ lực của bản thân, Nghiên cứu sinh đã nhận được sự động viên, giúp đỡ của tập thể lãnh đạo, các nhà khoa học, các quý Thầy, Cô tại cơ sở đào tạo và các cơ quan nghiên cứu.

Nghiên cứu sinh xin chân thành cảm ơn đến quý Thầy, Cô trong Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tận tình giúp đỡ, truyền đạt tri thức, kỹ năng cho Nghiên cứu sinh trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu tại khoa.

Xin cảm ơn Ban Giám hiệu và các phòng, ban tại cơ sở đào tạo (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) và cơ quan nơi Nghiên cứu sinh công tác (Trường Đại học Hoa Sen) đã tạo điều kiện tốt nhất để Nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo Tiến sĩ.

Xin cảm ơn tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã luôn quan tâm, động viên, khích lệ trong suốt quá trình học tập, hoàn thiện luận án.

Đặc biệt, Nghiên cứu sinh xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới PGS. TS Lê Văn Thịnh và TS. Lê Thị Quỳnh Nga đã tận tâm hướng dẫn, chỉ bảo, giúp đỡ để Nghiên cứu sinh hoàn thành luận án này.

Trân trọng cảm ơn!

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Minh Quang

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CNH	Công nghiệp hóa
DTLS-VH	Di tích lịch sử - văn hóa
HĐH	Hiện đại hóa
SVHTTDL	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
SVHTT	Sở Văn hóa Thông tin
SVHTT-TT	Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao
THPT	Trung học phổ thông
TLLT	Tài liệu lưu trữ
UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

MỞ ĐẦU 3

1. Tính cấp thiết của đề tài 3

2. Mục tiêu nghiên cứu 5

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu 5

4. Nhiệm vụ nghiên cứu 6

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu 6

6. Nguồn tài liệu 7

7. Đóng góp khoa học của luận án 7

8. Kết cấu của luận án 8

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 9

1.1. Những công trình liên quan đến đề tài luận án 9

1.1.1. Những công trình nghiên cứu chung về di tích lịch sử - văn hóa 9

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trên phạm vi cả nước 17

1.1.3. Những công trình liên quan trực tiếp đến đề tài Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa từ năm 1996 đến năm 2015 25

1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ 31

1.2.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án 31

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung giải quyết 34

Chương 2. CHỦ TRƯƠNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2005 37

2.1. Những nhân tố tác động đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Đồng Nai 37

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và truyền thống lịch sử, văn hóa của tỉnh Đồng Nai 37

2.1.2. Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa 44

2.1.3. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Đồng Nai trước năm 1996 49

2.2. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa từ năm 1996 đến năm 2005 54

2.2.1. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa 54

2.2.2. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chỉ đạo công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa 59

Chương 3. ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2015 82

3.1. Những nhân tố mới tác động đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di các di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Đồng Nai 82

3.1.1. Bối cảnh lịch sử và những yêu cầu mới đặt ra cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Đồng Nai 82

3.1.2. Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa 88

3.2. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa những năm 2006 - 2015 91

3.2.1. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa 91

3.2.2. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chỉ đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa 96

Chương 4. NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM 121

4.1. Nhận xét 121

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân 121

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân 131

4.2. Một số kinh nghiệm 139

KẾT LUẬN 148

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 151

TÀI LIỆU THAM KHẢO 152

PHỤ LỤC

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Di tích lịch sử - văn hóa (DTLS-VH) là những "chứng tích sống" phản ánh quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc, "giúp con người biết được cội nguồn của dân tộc mình, hiểu về truyền thống lịch sử, đặc trưng văn hóa của đất nước" [46, tr. 27]; đồng thời là nơi kết tinh, bảo lưu các giá trị truyền thống quý báu của cộng đồng qua các thời kỳ lịch sử. Không chỉ có ý nghĩa về mặt lịch sử, các DTLS-VH còn góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc, là điểm tựa tinh thần cho nhân dân, là nguồn lực thúc đẩy phát triển du lịch, kinh tế - xã hội. Vì vậy, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH là yêu cầu khách quan, cấp bách trong chiến lược phát triển văn hóa của quốc gia; là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Tuy nhiên, trước tác động mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa và sự biến đổi của điều kiện tự nhiên, nhiều di tích có nguy cơ xuống cấp, hư hỏng, thậm chí bị xâm hại hoặc mất đi vĩnh viễn nếu không có các biện pháp bảo vệ, trùng tu, tôn tạo kịp thời. Trong bối cảnh đó, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích càng trở nên cấp thiết và cần được nhìn nhận như một nội dung chiến lược, lâu dài gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững.

Nhận thức sâu sắc vai trò và tầm quan trọng của các DTLS-VH, ngay từ những năm đầu giành được độc lập, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, trong đó Sắc lệnh số 65/SL ngày 23-11-1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký là dấu mốc quan trọng thể hiện tư duy tiến bộ, tầm nhìn xa rộng của Đảng trong việc bảo tồn cổ tích và di sản văn hóa dân tộc. Trải qua các giai đoạn phát triển, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, nhận thức của Đảng về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong đó có các DTLS-VH tiếp tục được khẳng định và thể chế hóa bằng nhiều nghị quyết, chương trình, đề án cụ thể. Đặc biệt, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ: "Chú trọng gìn giữ, phát triển các di sản văn hóa phi vật thể, tôn tạo và quản lý tốt các di sản văn hóa vật thể, các di tích lịch sử" [26, tr. 208]. Đây là quan điểm thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH. Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà

nước Việt Nam tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách đồng bộ nhằm tạo hành lang pháp lý và cơ chế phù hợp để các địa phương triển khai hiệu quả công tác bảo tồn di sản. Nhờ đó, nhiều DTLS-VH sau khi được trùng tu, tôn tạo đã trở thành những "địa chỉ đỏ" để giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc, góp phần phát triển du lịch văn hóa, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đồng Nai là vùng đất giàu truyền thống lịch sử - văn hóa, nơi hội tụ nhiều di tích mang giá trị lớn về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học và giáo dục. Theo thống kê, Đồng Nai hiện có 50 DTLS-VH đã được xếp hạng, trong đó có 01 di tích được xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt, 28 di tích cấp quốc gia và 21 di tích cấp tỉnh [233, tr. 7]. Đây là nguồn tài nguyên di sản phong phú vừa phản ánh sinh động tiến trình hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Để khai thác hiệu quả và phát huy giá trị to lớn của kho tàng di sản văn hóa, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tập trung đẩy mạnh công tác bảo tồn, trùng tu và phục hồi các DTLS-VH. Dưới sự chỉ đạo sâu sát của Đảng bộ tỉnh, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: hệ thống chủ trương, chính sách về bảo tồn di tích được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; công tác quản lý nhà nước về di tích từng bước được kiện toàn; nhiều di tích được trùng tu, phục hồi, góp phần gìn giữ tính nguyên vẹn và giá trị lịch sử, văn hóa; công tác kiểm kê, phân loại và lập hồ sơ di tích được triển khai đồng bộ, khoa học; việc kết hợp bảo tồn với phát triển du lịch văn hóa bước đầu mang lại hiệu quả, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội tại địa phương.

Trong những năm 1996-2015, Đồng Nai bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ về công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) và đô thị hóa, trở thành một trong những trung tâm kinh tế trọng điểm của khu vực phía Nam. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng về kinh tế - xã hội cũng đặt ra nhiều thách thức đối với công tác quản lý và bảo vệ di sản văn hóa, đặc biệt là nguy cơ mai một, xâm lấn và xuống cấp của các DTLS-VH. Trước thực tế đó, nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH là

yêu cầu khách quan; là trách nhiệm chính trị, văn hóa quan trọng của địa phương, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Đồng Nai trong tiến trình hội nhập và phát triển. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách hệ thống quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015 là cần thiết. Đây không chỉ là yêu cầu thực tiễn của địa phương, mà còn góp phần bổ sung cơ sở lý luận về vai trò lãnh đạo của Đảng trong công tác bảo tồn di sản, đồng thời đưa ra những kinh nghiệm và giải pháp thiết thực phục vụ cho giai đoạn phát triển mới.

Vì tất cả những lý do trên, tác giả quyết định lựa chọn nghiên cứu đề tài "***Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa từ năm 1996 đến năm 2015***" làm luận án tiến sĩ, chuyên ngành lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015; bước đầu đúc rút một số kinh nghiệm để vận dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH của Đồng Nai trong giai đoạn tiếp theo.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Luận án nghiên cứu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH gồm nhiều nội dung, luận án chỉ tập trung nghiên cứu: Công tác xây dựng cơ chế, tổ chức bộ máy quản lý DTLS-VH; Công tác bảo tồn các DTLS-VH; Công tác phát huy giá trị các DTLS-VH; Xã hội hóa công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH.

- *Về thời gian:* Từ năm 1996 đến năm 2015. Năm 1996, Đồng Nai tiến hành Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI. Năm 1998, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) *"Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*. Năm 2015, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ X để triển khai thực hiện Nghị quyết Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) *Về xây dựng văn hóa và phát triển con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.

- *Về không gian:* Nghiên cứu công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong đối sánh với các địa phương lân cận, có nét tương đồng.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

- Làm rõ những yếu tố tác động đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở tỉnh Đồng Nai từ năm 1996 đến năm 2015.

- Phân tích, làm rõ chủ trương và quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chỉ đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015.

- Đưa ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế và bước đầu đúc rút một số kinh nghiệm chủ yếu trong quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa nói chung và bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử và logic và sự kết hợp hai phương pháp này. Trong đó:

Phương pháp lịch sử được sử dụng để phục dựng, mô tả chân thực về quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH theo một trật tự thời gian từ năm 1996 đến năm 2015.

Phương pháp logic: để xâu chuỗi các sự kiện, phân tích, đánh giá quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015, bước đầu đúc rút một số kinh nghiệm.

Phương pháp nghiên cứu liên ngành: sử dụng các kết quả nghiên cứu của các ngành khác trong khoa học xã hội để bổ sung, hoàn thiện những nội dung liên quan đến luận án.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng các phương pháp khác như: phương pháp mô tả, phân tích, thống kê, so sánh, tổng hợp, … để làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trong các giai đoạn (1996-2005 và 2006-2015), mô tả, bình luận những nội dung nghiên cứu liên quan đến luận án, từ đó đưa ra các nhận định, đánh giá khách quan, khoa học và trình bày các kết quả luận án.

6. Nguồn tài liệu

Nguồn tài liệu được sử dụng gồm:

- Các văn kiện Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH.

- Các văn kiện của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân, Sở Văn hóa thông tin tỉnh Đồng Nai về tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH.

- Các công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án.

7. Đóng góp khoa học của luận án

7.1. Đóng góp về mặt lý luận

- Làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015; bước đầu rút ra những nhận xét, kinh nghiệm qua thực tiễn lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai.

- Góp phần nghiên cứu lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai trên lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH.

7.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp luận cứ khoa học, phục vụ cho các đơn vị chức năng trong việc đề xuất chủ trương, chính sách, xây dựng kế hoạch, chương trình đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn tiếp theo, nhằm giải quyết hài hòa các mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển; phát triển kinh tế gắn với bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, tạo động lực cho sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội của địa phương.

- Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 8 tiết.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Những công trình liên quan đến đề tài luận án

Theo *Luật Di sản văn hóa* Việt Nam năm 2001 (sửa đổi năm 2009): "Di tích lịch sử - văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học" [66, tr. 2]. Như vậy, DTLS-VH là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc bao gồm những công trình, địa điểm, hiện vật có giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, khảo cổ… gắn liền với những sự kiện, nhân vật, thời gian tiêu biểu trong tiến trình phát triển của dân tộc.

"Bảo tồn là giữ lại không để mất đi" [240, tr. 12]. Bảo tồn DTLS-VH là quá trình gìn giữ, tu bổ, phục hồi di tích nhằm đảm bảo tính nguyên vẹn về mặt vật chất và giá trị tinh thần của di tích. Đây không đơn thuần là việc "bảo vệ cái cũ", mà là hoạt động có tính chất chủ động, khoa học và kế thừa, nhằm giữ gìn di sản trong mối quan hệ hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa quá khứ và tương lai.

Phát huy là "làm cho cái hay, cái tốt lan tỏa tác dụng và tiếp tục nảy nở thêm" [240, tr. 157]. Phát huy giá trị các DTLS-VH là quá trình khai thác hợp lý, hiệu quả giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật của các di tích để phục vụ mục tiêu giáo dục, nghiên cứu, du lịch, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

DTLS-VH là "tài sản" quý của cộng đồng dân tộc. Vì vậy, bảo tồn và phát huy giá trị DTLS-VH được rất nhiều nhà khoa học, các tổ chức xã hội quan tâm, nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau. Qua tổng hợp các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án, có thể khái quát thành các nhóm sau:

1.1.1. Những công trình nghiên cứu chung về di tích lịch sử - văn hóa

Tác giả Lưu Minh Trị với công trình nghiên cứu "*Tìm trong di sản văn hóa Việt Nam Thăng Long Hà Nội*" do nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội ấn hành năm

2002 [187] đã giới thiệu về các di sản văn hóa tiêu biểu của Thăng Long Hà Nội như múa rối, cải lương, kiến trúc… và các di tích lịch sử, danh thắng nổi tiếng của các tỉnh, thành phố. Đồng thời khái quát giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Thăng Long Hà Nội trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, chỉ ra nguy cơ, thách thức trong việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ở nơi đây. Từ đó, đề xuất một số giải pháp phát huy hiệu quả giá trị của các di sản văn hóa Thăng Long Hà Nội.

Công trình "*Ancient Town of Hoi An*" (*Phố cổ Hội An*) do Thế giới Publishers xuất bản năm 2003 [248] gồm tập hợp các tham luận nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, kiến trúc và công tác bảo tồn di sản phố cổ Hội An. Được hình thành từ thế kỷ XVI, Hội An hiện còn lưu giữ hơn 1.000 di tích kiến trúc và được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới năm 1998. Ngày nay, nơi đây trở thành điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước.

Tác giả Doãn Đoan Trinh với công trình nghiên cứu "*Hanoi addresses for cultural tourism*" (*Hà Nội địa chỉ du lịch văn hóa*) do nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội ấn hành năm 2003 [189] đã cố gắng sắp xếp các địa điểm du lịch sinh thái văn hóa tiêu biểu theo từng quận, huyện. Ở mỗi nơi đều giới thiệu cô đọng, đầy đủ từng DTLS-VH, địa điểm du lịch theo thứ tự A-B-C.

Tác giả Đinh Trung Kiên với bài viết "*Di tích lịch sử và tư liệu lịch sử với việc phát triển du lịch Việt Nam*" đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn, Số 3, năm 2003 [47] đã phân tích vai trò, ý nghĩa to lớn của các di tích lịch sử, đặc biệt là đối với phát triển du lịch Việt Nam hiện nay. Từ đó khẳng định Đảng, Nhà nước và các địa phương cần có kế hoạch bảo tồn, tôn tạo hệ thống các di tích còn lại.

Tác giả Văn Tạo với công trình nghiên cứu "*Di sản lịch sử đối với thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*" đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, Số 240-241, năm 2005 [145] đã khẳng định vị trí, vai trò và giá trị của di sản lịch sử mà ông cha để lại; đồng thời, phê phán các quan điểm sai lầm về kế thừa di sản lịch sử và sự vận dụng sáng tạo quan điểm duy vật lịch sử và duy vật biện chứng của chủ nghĩa

Mác - Lênin nhằm khắc phục các sai lầm, lệch lạc về nhiệm vụ bảo vệ và phát huy giá trị các di sản lịch sử ở Việt Nam hiện nay.

Tác giả Nguyễn Quốc Hùng với bài nghiên cứu "*Truyền thống Việt Nam qua di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh*" đăng trên Tạp chí Di sản văn hóa, Số 4, năm 2008 [43] đã thống kê và phân loại hệ thống di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên cả phương diện không gian và thời gian; nhấn mạnh vai trò của di tích khảo cổ như những bằng chứng vật chất xác thực cho các thời kỳ tiền - sơ sử, đồng thời khẳng định giá trị nghệ thuật và bản sắc dân tộc thể hiện qua các di tích kiến trúc nghệ thuật.

Năm 2008, Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định đã phối hợp với Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc phát hành công trình "*Di tích lịch sử văn hóa tỉnh Nam Định*" [6], thống kê và khảo sát 74 di tích cấp quốc gia trên địa bàn. Nghiên cứu đã góp phần tuyên truyền, giới thiệu giá trị văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng và nghệ thuật kiến trúc đặc sắc của vùng đất Nam Định, đồng thời khơi dậy niềm tự hào về một địa phương giàu tiềm năng di sản. Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương khác, do tác động của nhiều yếu tố, các di tích ở Nam Định có dấu hiệu xuống cấp, mai một. Do đó, việc bảo tồn và phát huy giá trị gốc của các di tích luôn là nhiệm vụ quan trọng được các cấp, ngành tại địa phương quan tâm.

Tác giả Lưu Minh Trị là chủ biên của công nghiên cứu "*Hà Nội - Danh thắng và di tích*", tập 2, do nhà xuất bản Hà Nội ấn hành năm 2010 [188] đã khái quát văn hóa Thăng Long - Hà Nội thông qua việc chọn lọc, thống kê và giới thiệu các di sản văn hóa, danh thắng và di tích lịch sử tiêu biểu của Thủ đô. Nghiên cứu không chỉ cung cấp thông tin tư liệu toàn diện, mà còn góp phần giáo dục truyền thống, bồi đắp tình yêu quê hương, niềm tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ Hà Nội.

Tác giả Douglas C. Comer với công trình nghiên cứu "*Tourism and archaeological heritage management at Petra: driver to development or destruction*?" (*Quản lý di sản khảo cổ và du lịch tại Petra: động lực phát triển hay hủy diệt?*) do Spring, New York, USA xuất bản năm 2011 [243] đã khái việc quản lý di sản khảo cổ và du lịch tại Petra - thành phố cổ được UNESCO công nhận là Di sản thế giới từ năm 1985. Nghiên

cứu đặt ra vấn đề cốt lõi: liệu du lịch có đang thúc đẩy sự phát triển hay gây tổn hại đến các di tích khảo cổ tại đây, đồng thời đánh giá hiệu quả công tác quản lý di sản tại Petra.

Tác giả Nguyễn Quốc Hùng với công trình nghiên cứu "*Di tích cách mạng - bằng chứng của sự thay đổi*" đăng trên Tạp chí Di sản Văn hóa, Số 2, năm 2012 [45] đã khái quát sự phong phú của di sản cách mạng ở Việt Nam gắn với các sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu, nhiều di tích trong số đó đã được xếp hạng quốc gia đặc biệt; đồng thời làm rõ thực trạng các di tích do không được bảo quản kịp thời đã bị hư hỏng, xuống cấp, nhất là trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Từ đó, tác giả mạnh sự cần thiết phải có giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị các di tích cách mạng.

Công trình "*Di sản văn hóa trong xã hội Việt Nam đương đại*" do nhiều tác giả biên soạn [58] với sự tài trợ của Viện Harvard Yenching đã tập hợp các bài viết đa góc nhìn về di sản văn hóa trong bối cảnh xã hội hiện nay. Nghiên cứu làm rõ sự biến đổi của di sản dưới tác động của chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; đồng thời phân tích các vấn đề như: bảo tồn, phục hồi, khai thác di sản trong thời kỳ hội nhập, cùng những thuận lợi, thách thức và mâu thuẫn trong cách tiếp cận di sản hiện đại.

Công trình "*Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội, di sản văn hóa thế giới*" do Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội biên soạn [191] đã giới thiệu hệ thống tư liệu phong phú về khu di tích khảo cổ học thành cổ Hà Nội và trung tâm Hoàng thành Thăng Long. Đây là hai quần thể di tích không chỉ chứa đựng giá trị lịch sử - văn hóa đặc sắc của dân tộc, mà còn gắn bó mật thiết với những biến cố lớn trong tiến trình lịch sử Việt Nam và khu vực, khẳng định tầm vóc toàn cầu của di sản Thăng Long ngàn năm văn hiến.

Công trình "*The management of cultural world heritage sites and development in Africa: history, nomination processes and representation on the World Heritage list*" (*Quản lý các di sản văn hóa thế giới và sự phát triển ở Châu Phi: lịch sử, quy trình đề cử và đại diện trong danh sách Di sản Thế giới)* của tác giả Simon Makuvaza [247] là công trình đầu tiên chuyên biệt bàn về quản lý di sản văn hóa thế giới gắn với phát triển ở châu Phi. Tác giả nhấn mạnh di sản văn hóa là tập hợp các giá trị do

con người sáng tạo, đồng thời khẳng định vai trò thiết yếu của việc quản lý di sản, đặc biệt từ khi những địa điểm đầu tiên như Đảo Gorée (Senegal) và Nhà thờ Đá đẽo (Ethiopia) được UNESCO công nhận từ cuối những năm 1970.

Công trình nghiên cứu "*Historic preservation: Caring for our expanding legacy*" (*Bảo tồn lịch sử: Chăm sóc di sản di sản ngày càng mở rộng của chúng tôi*) của tác giả Michael A.Tomlan [246] đã phân tích toàn diện giá trị và quan điểm bảo tồn di tích lịch sử, khảo cổ, danh thắng tại Hoa Kỳ qua các thời kỳ; đồng thời làm rõ các thách thức, yếu tố ảnh hưởng, cơ sở pháp lý từ cấp liên bang đến địa phương, cũng như những nỗ lực, thành tựu và định hướng chính sách bảo tồn di tích trong tương lai.

Công trình "*Archaeological Heritage in a Modern Urban Landscape The Ancient Moche in Trujillo, Peru*" (*Di sản khảo cổ trong cảnh quan đô thị hiện đại Moche cổ ở Trujillo, Peru*) của tác giả Jorge Gamboa [245] đã phân tích các vấn đề bảo tồn, vai trò của cộng đồng và công tác quản lý di sản khảo cổ tại Trujillo - Trung tâm văn hóa Moche ở bờ biển phía Bắc Peru. Nghiên cứu là tài liệu tham khảo giá trị, góp phần hỗ trợ tác giả trong việc hoàn thiện luận án và đưa ra những so sánh khách quan về công tác bảo tồn di tích lịch sử tại địa phương.

Tác giả Nhật Minh biên soạn công trình "*Priceless heritage of Thang Long imperial citadel*" (*Di sản vô giá của Kinh thành Thăng Long*) [55] đã khái quát vị trí chiến lược và chiều sâu lịch sử của khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội. Đồng thời, giới thiệu hệ thống di tích trên mặt đất và trong lòng đất, cùng những hiện vật tiêu biểu được khai quật, qua đó làm nổi bật giá trị lịch sử, văn hóa và chiều sâu văn minh của kinh đô ngàn năm tuổi - một biểu tượng sinh động cho tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Công trình nghiên cứu "*In search of the Thang Long imperial citadel heritage sit*" (*Tìm hiểu khu di sản Hoàng Thành Thăng Long*) do Nguyễn Thị Hải Yến dịch [241] đã khái quát quá trình hình thành và phát triển của Thăng Long - Hà Nội, làm rõ vai trò lịch sử của Hoàng thành Thăng Long qua các thời kỳ, đồng thời giới thiệu

giá trị nổi bật của khu trung tâm di sản như một minh chứng sống động cho nền văn hóa lâu đời của dân tộc Việt Nam.

Công trình "*Thang Long - Ha Noi national treasures*" (*Bảo vật quốc gia Thăng Long - Hà Nội*) do Trương Minh Tiến chủ biên [151] đã giới thiệu các bảo vật quốc gia tiêu biểu đang lưu giữ tại Thăng Long - Hà Nội, từ văn hóa Đông Sơn đến thời Nguyễn như: trống đồng Cổ Loa, chuông Thanh Mai, 82 bia Tiến sĩ, tượng Phật Bà Quan Âm... Qua đó, làm nổi bật giá trị lịch sử, văn hóa và ý nghĩa biểu tượng của các hiện vật đối với di sản dân tộc và quá trình phát triển đất nước.

Công trình "*Digital Hampi: preserving Indian cultural heritage*" (*Hampi kỹ thuật số: bảo tồn di sản văn hóa Ấn Độ*) do các tác giả Anupama Mallik, Santanu Chaudhury, Vijay Chandru và Sharada Srinivasan biên tập [242] là tập hợp các nghiên cứu trong dự án bảo tồn di sản do Bộ Khoa học và Công nghệ Ấn Độ thực hiện. Nghiên cứu trình bày về các kỹ thuật bảo tồn kiến trúc, nghệ thuật của di tích cổ đại tại Ấn Độ, đồng thời giới thiệu giải pháp bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ở Ấn Độ và khu vực.

Công trình "*Di tích lịch sử - văn hóa Việt Nam*" của tác giả Nguyễn Lan Phương [64] đã giới thiệu các di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, xem đó như những "pho sử sống" mang giá trị giáo dục lòng yêu nước và gìn giữ ký ức dân tộc. Hơn 3.000 di tích và danh thắng trên cả nước đều gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần, văn hóa cộng đồng. Trước nguy cơ mai một do thời gian và biến động lịch sử, việc bảo vệ, gìn giữ các di tích là nhiệm vụ cấp thiết nhằm gìn giữ truyền thống văn hóa dân tộc.

Tác giả Vũ Thiên Bình với công trình "*Di tích lịch sử cách mạng Việt Nam*" do nhà xuất bản Lao động, Hà Nội ấn hành năm 2018 [14] đã hệ thống hóa ba nội dung chính: cơ sở pháp lý về di sản (Luật Di sản và các văn bản hướng dẫn thi hành), danh mục các Quyết định xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, và phần sưu tầm, tuyển chọn các di tích lịch sử cách mạng tiêu biểu trên cả nước. Công trình là nguồn tư liệu quan trọng phục vụ nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản cách mạng Việt Nam.

Công trình "*Di tích lịch sử và di sản văn hóa Việt Nam*" do nhiều tác giả cùng biên soạn [60] đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của các DTLS-VH đối với cộng đồng dân tộc Việt Nam, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Với những nội dung dễ hiểu và gần gũi, công trình đã đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về các giá trị văn hóa, di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh của Việt Nam.

Tác giả Minh Hạnh với công trình "*Di tích thắng cảnh Việt Nam*" do nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, Hà Nội ấn hành năm 2018 [35] đã giới thiệu những địa chỉ di tích thắng cảnh tiêu biểu trải dài trên khắp đất nước, có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách. Với 30 bài viết ngắn gọn, súc tích, cô đọng, công trình đã diễn tả đầy đủ vẻ đẹp thiên nhiên, sự kỳ diệu của tạo hóa cùng với bàn tay khối óc của con người muôn đời xây dựng, thể hiện trí tuệ và bản sắc văn hóa Việt Nam.

Công trình "*International symposium proceeding: Sustainable management and appropriate utilization of the cultural landscape and historical-eco system at royal tombs of Nguyen dynasty and Huong river's upstream basin*" (*Tài liệu hội thảo quốc tế: Quản lý và sử dụng bền vững cảnh quan văn hoá, hệ thống sinh thái - lịch sử tại các lăng tẩm Hoàng gia triều Nguyễn và khu vực thượng nguồn sông Hương*) của tác giả Hirai Yukihiro [244] đã tập trung giới thiệu hệ thống di tích gắn liền với dòng sông Hương, đặc biệt là các di tích thời Nguyễn. Tác giả còn phân tích đặc điểm, vai trò và tiềm năng phát triển của cảnh quan văn hóa, sinh thái tại khu vực các lăng tẩm nhà Nguyễn, đồng thời nêu lên các vấn đề liên quan đến quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững không gian và di tích tại đây.

Tác giả Huỳnh Thị Tuyết Nhung "*Can Tho city historical - Cultural heritage*" (*Di tích lịch sử - văn hóa Thành phố Cần Thơ*) do nhà xuất bản Cần Thơ ấn hành năm 2019 [61] đã giới thiệu khái quát về giá trị lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, lễ hội và sinh hoạt văn hoá truyền thống của 34 DTLS-VH đã được xếp hạng và 2 công trình tưởng niệm lịch sử của thành phố Cần Thơ.

Công trình "*Co Loa vestige site*" (*Khu di tích Cổ Loa*) do các tác giả Lê Viết Dũng, Hoàng Công Huy, Nguyễn Thị Thủy, Đào Thị Mai tuyển chọn và biên soạn [21] đã giới thiệu khu di tích Cổ Loa, các di tích tiêu biểu ở vùng lân cận và những

truyền thống văn hoá tốt đẹp của Thủ đô ngàn năm tuổi, cùng với những giá trị du lịch, quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị khu di tích Cổ Loa.

Công trình "*Các di tích lịch sử - văn hóa tín ngưỡng nổi tiếng Việt Nam*" do nhóm Trí Thức Việt biên soạn [237] đã giới thiệu các DTLS-VH và tín ngưỡng nổi tiếng của dân tộc như Khu di tích Đền Hùng, Yên Tử, Cổ Loa, Chùa Trấn Quốc, Bạch Đằng, các di tích cách mạng tại Tuyên Quang, ATK Định Hóa, Chùa Một Cột, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Pắc Bó, Thiên Mụ.., và nhiều di tích khác. Mỗi di tích gắn liền với sự kiện lịch sử, chiến công oanh liệt, là minh chứng cho sự đa dạng văn hóa của từng vùng miền, mang giá trị lớn và là "cẩm nang" tìm hiểu cội nguồn dân tộc.

Công trình "*Di tích lịch sử văn hóa Tây Nguyên*" do tác giả Nguyễn Tùng biên soạn [193] đã cung cấp những hiểu biết tổng quan về các di sản văn hóa đặc sắc ở Tây Nguyên như: cồng chiêng, đàn đá, nhà rông, nhà mồ, lễ hội truyền thống và văn học dân gian. Trong đó, cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể. Dù số lượng di tích ít hơn so với các vùng khác, nhưng nhiều di tích ở Tây Nguyên đã được bảo tồn tốt để phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch. Công trình cung cấp nguồn tài liệu quan trọng cho việc tra cứu và tham khảo.

Công trình "*Di tích lịch sử 13 nhà tù trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ*" do tác giả Hoàng Lan và Hoàng Hoa biên soạn [38] đã giới thiệu chi tiết về 13 nhà tù và trại giam như: nhà tù Sơn La, Lao Bảo, nhà lao Playku, nhà giam Buôn Mê Thuột, nhà tù Côn Đảo, nhà lao Phú Quốc… được xây dựng trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để trấn áp các hoạt động cách mạng. Công trình không chỉ mô tả các địa chỉ lịch sử, công cụ tra tấn, mà còn chia sẻ ký ức của cựu tù nhân, tái hiện lịch sử đấu tranh kiên cường, góp phần nâng cao nhận thức và bảo tồn giá trị lịch sử của các nhà tù trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

Bên cạnh các công trình tiêu biểu trên, còn có một số nghiên cứu chung về di tích lịch sử như: Nguyễn Ngọc Thao, Lê Thế Loan và Ngô Đăng Lợi (2001), *Một số vấn đề di sản văn hóa của Hải Phòng*, NXB Hải Phòng, Hải Phòng; Phạm Quang Vinh, Trần

Hùng và Nguyễn Luận (2002), *Đô thị cổ Hội An*, NXB Kim Đồng, Hà Nội; Đỗ Khắc (2007), *Bước đầu tìm hiểu di sản Hán nôm ở Bình Dương,* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội; Nguyễn Hữu Thái (2012), *Di sản văn hóa phi vật thể của người Thái*, NXB Lao động, Hà Nội; Ban Quản lý di tích tỉnh Bắc Giang (2017), *Di tích Bắc Giang*, (tập 3), NXB Hà Nội, Hà Nội; Hoàng Đạo Cương (2019), *Kiến trúc đình làng Việt qua tư liệu Viện Bảo tồn di tích*, tập 3, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội,…

Qua thống kê, phân tích các công trình nghiên cứu chung về DTLS-VH kể trên, có thể thấy, các nghiên cứu này đã kết hợp đa dạng các lĩnh vực khoa học như: Lịch sử, Nghiên cứu Văn hóa, Nghệ thuật, Địa lý, Du lịch… để làm rõ các loại hình di sản văn hóa, di tích lịch sử của đất nước và vấn đề quản lý di sản trong bối cảnh hiện đại. Các công trình này khái quát được tính thời đại của di sản, nhu cầu của con người trong việc khai thác, bảo tồn và phát triển bền vững các di sản văn hóa, giúp nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng đối với việc bảo tồn các giá trị văn hóa quý báu.

Tuy nhiên, chưa có một công trình khoa học nào đi sâu nghiên cứu nghiên cứu quá trình lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa của dân tộc qua từng thời kỳ. Đảng đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng, tổ chức và triển khai các chính sách bảo tồn di sản văn hóa, đặc biệt là trong các giai đoạn chiến tranh, tái thiết và hội nhập quốc tế. Việc thiếu các nghiên cứu toàn diện và khoa học về vấn đề này là một khoảng trống cần được lấp đầy để làm rõ những đóng góp của Đảng trong công cuộc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trên phạm vi cả nước

Công trình nghiên cứu "*Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*" của tác giả Hoàng Vinh [238] đã làm rõ các quan niệm về di sản văn hóa, cơ sở lý luận, cũng như vai trò và chức năng của di sản văn hóa trong xã hội. Đồng thời, tác giả còn tập trung phân tích chính sách bảo tồn và phát triển di sản văn hóa qua các kỳ Đại hội Đảng, từ đó chỉ ra những thành tựu và thách thức trong công tác bảo tồn. Bên cạnh

đó, tác giả còn nghiên cứu thực trạng bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp, trong đó có sự tham khảo các chính sách bảo tồn của Nhật Bản, nhằm học hỏi kinh nghiệm và áp dụng vào thực tiễn bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc.

Bài nghiên cứu "*Công tác quản lý di tích trong quá trình đô thị hóa ở Thủ đô Hà Nội*" của tác giả Nguyễn Doãn Tuân [192] khẳng định Hà Nội là một thành phố có tốc độ đô thị hóa nhanh chóng, việc xây dựng Thủ đô Hà Nội - thành phố vì hòa bình văn minh, hiện đại và thanh lịch là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Trong đó, quản lý và bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa là một chiến lược quan trọng. Sau khi đánh giá thành tựu và hạn chế trong công tác quản lý di tích, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị di tích ở Hà Nội trong tương lai.

Bài nghiên cứu "*Một vài suy nghĩ về tình hình thực hiện các dự án bảo tồn tu bổ di tích ở nước ta trong thời gian qua*" của tác giả Nguyễn Quốc Hùng [42] đã phân tích quá trình triển khai các dự án bảo tồn di tích từ cuối thập niên 1980 đến đầu những năm 1990. Tác giả đánh giá cao những thành quả đạt được về khoa học và thực tiễn, đồng thời chỉ ra các hạn chế như tiến độ chậm, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu bảo tồn. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả, hướng đến phát triển bền vững di tích phù hợp với bản sắc văn hóa Việt Nam.

Công trình "*Bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước*" của tác giả Hà Văn Tấn [146] đã nhấn mạnh vai trò của các DTLS-VH như nguồn "sử liệu trực tiếp" giúp các nhà khoa học, nhà nghiên cứu có được những tư liệu quan trọng để phục dựng các sự kiện lịch sử hùng tráng, bi tráng của dân tộc; đó cũng là "bức thông điệp" của cha ông để lại cho thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau [146, tr. 3]. Trước nguy cơ mai một trong thời kỳ CNH, HĐH, tác giả phân tích thực trạng, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm bảo vệ, phát huy giá trị di tích trong bối cảnh mới.

Bài nghiên cứu "*Di sản cố đô Huế dưới ánh sáng của chính sách bảo tồn di sản văn hóa dân tộc của Đảng*" của tác giả Hồ Xuân Mãn [51] đã khẳng định di sản văn hóa dân tộc là "tài sản vô giá của lịch sử để lại, là mạch nối giữa quá khứ, hiện tại và

tương lai. Vì vậy, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo của Đảng, Nhà nước Việt Nam [51, tr. 3]. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Thừa Thiên Huế đã triển khai hiệu quả dự án bảo tồn, phát huy giá trị Di tích Cố đô Huế, đạt nhiều thành tựu và hứa hẹn tiếp tục nâng tầm di sản trong thời gian tới.

Bài nghiên cứu "*Tiếp cận thực trạng công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo tinh thần của Luật di sản văn hóa*" của tác giả Đặng Văn Bài [1] đã nhấn mạnh bản sắc văn hóa là yếu tố cốt lõi, quyết định sự tồn vong của quốc gia. Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm khai thác hiệu quả giá trị của các di sản văn hóa.

Bài viết "*Bảo tồn di tích, nhân tố quan trọng của phát triển bền vững*" của tác giả Lê Thành Vinh [239] đã chỉ rõ vai trò và ý nghĩa thiết yếu của công tác bảo tồn di tích trong sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Tác giả khẳng định rằng, bảo tồn không chỉ là hành động giữ gìn giá trị lịch sử - văn hóa, mà còn là nhân tố then chốt góp phần thúc đẩy phát triển bền vững. Việc kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển được xem như một "ứng xử thông minh" đối với di sản văn hóa dân tộc [239, tr. 26]. Vì vậy, bảo tồn và phát huy giá trị di sản không chỉ thể hiện trách nhiệm với tổ tiên mà còn là nghĩa vụ đối với cộng đồng hiện tại và các thế hệ tương lai.

Bài nghiên cứu "*Tu bổ và tôn tạo các di tích lịch sử và văn hóa là hoạt động có tính đặc thù chuyên ngành*" của tác giả Đặng Văn Bài [2] đã khẳng định tu bổ, tôn tạo di tích là hoạt động mang tính chất chuyên ngành, khác hoàn toàn so với việc xây dựng một công trình DTLS-VH mới. Tác giả cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ gìn tính nguyên gốc của di tích trong quá trình triển khai các dự án tu bổ di tích; đồng thời phân tích rõ quy trình quản lý, thực hiện các dự án bảo tồn, tu bổ và phát huy di tích.

Bài nghiên cứu "*Phát huy giá trị di tích phục vụ sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước*" của tác giả Nguyễn Thế Hùng [46] đã hệ thống các DTLS-VH và danh lam thắng cảnh Việt Nam, đồng thời khái quát những thành tựu và hạn chế

trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này, góp phần vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Công trình nghiên cứu "*Bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong bối cảnh hội nhập và phát triển*" của tác giả Trịnh Thị Hòa [39] đã làm rõ vai trò của các DTLS-VH theo Luật Di sản văn hóa. Tác giả nhấn mạnh đây là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc, luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm thông qua các chính sách pháp lý, cơ chế, kinh phí và đào tạo nhân lực trong từng giai đoạn lịch sử.

Công trình nghiên cứu "*Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam*" do nhiều tác giả biên soạn [57] đã đánh giá khách quan thành tựu trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc giai đoạn 2000-2009. Hơn nữa, nghiên cứu còn làm nhận thức khoa học về bảo tồn di sản; hệ thống văn bản pháp lý của UNESCO và Việt Nam; đồng thời, đưa ra các nhiệm vụ quan trọng trong việc sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản trong Chương trình mục tiêu quốc gia.

Công trình nghiên cứu "*Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội*" do tác giả Nguyễn Chí Bền chủ biên [15] đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn trong bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội; đồng thời, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và vận dụng phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Tác giả còn phân tích thách thức từ đô thị hóa, hiện đại hóa và đề xuất giải pháp phát huy giá trị di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội.

Bài nghiên cứu "*Bảo tồn di sản khảo cổ học tại Việt Nam - quá khứ, hiện tại và tương lai*" của tác giả Nguyễn Quốc Hùng [44] đã khái quát quá trình bảo vệ và phát huy giá trị di sản khảo cổ học Việt Nam từ khi thành lập nước đến công cuộc đổi mới. Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, nhưng công tác bảo tồn vẫn gặp khó khăn, thách thức, đòi hỏi sự quan tâm tăng cường từ các cơ quan chuyên trách để bảo vệ toàn vẹn di sản văn hóa trong bối cảnh đô thị hóa mạnh mẽ.

Bài nghiên cứu "*Công tác tu bổ di tích - thực tiễn và quản lý nhà nước*" của tác giả Đoàn Bá Cử [17] khẳng định DTLS-VH là phần quan trọng của di sản văn hóa vật thể Việt Nam, đóng vai trò trong bảo vệ và xây dựng đất nước. Vì vậy, trong quá trình tu bổ cần chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị các di tích. Trên cơ sở phân

tích, làm rõ thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH của dân tộc trong tương lai.

Bài viết "*Mấy vấn đề về hoạt động tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa*" của tác giả Lưu Trần Tiêu [152] đã khẳng định tầm quan trọng quan trọng của DTLS-VH đối với sự phát triển của dân tộc, là biểu tượng ghi dấu những chiến công hào hùng của dân tộc trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện sự hy sinh, đạo lý "uống nước nhớ nguồn", tinh thần đấu tranh kiên cường, tình yêu quê hương, đất nước của nhân dân Việt Nam. Với tầm quan trọng đó, tác giả đã đánh giá kết quả hoạt động tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các DTLS-VH và đưa ra một số giải pháp nhằm giữ gìn tính nguyên gốc của di tích.

Công trình "*Di sản văn hóa Việt Nam - Bản sắc và những vấn đề về quản lý bảo tồn*" của tác giả Nguyễn Thịnh [149] đã làm rõ tầm quan trọng của di sản văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện đại, di sản văn hóa Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ mai một và xuống cấp, bị tác động bởi cả yếu tố khách quan và chủ quan, làm cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản trở nên khó khăn và phức tạp hơn. Trước thực trạng đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phù hợp với thực tiễn đất nước.

Công trình nghiên cứu "*Nâng cao chất lượng hoạt động bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử quân sự Việt Nam*" do Tổng Cục chính trị và Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam biên soạn [182] đã nhấn mạnh tầm quan trọng của các DTLS-VH nói chung và di tích lịch sử quân sự nói riêng đối với sự phát triển của đất nước qua các thời kỳ. Đồng thời làm rõ thực trạng bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử quân sự và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác bảo tồn và tôn tạo các di tích trong tương lai.

Tác giả Trương Quốc Bình với công trình nghiên cứu "*Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam*" [13] gồm tuyển tập các bài viết chuyên sâu về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam. Trong đó, tác giả đã làm rõ vai trò quan trọng của các bảo tàng trong việc lưu giữ các hiện vật lịch sử, văn hóa của dân tộc,

đồng thời khái quát những sắc thái văn hóa đặc trưng của các vùng miền mà tác giả đã trực tiếp trải nghiệm trong quá trình công tác và tham quan.

Công trình nghiên cứu "*Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam*" của tác giả Nguyễn Kim Loan [49] đã làm rõ cơ sở lý luận về di sản văn hóa (khái niệm, đặc trưng, tiêu chí phân loại di sản văn hóa); đánh giá về vai trò của di sản văn hóa đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước hiện nay. Hơn nữa, tác giả còn phân tích làm rõ quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về di sản văn hóa; phân tích, mô tả kỹ năng nghiệp vụ trong việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa.

Bài nghiên cứu "*Bảo tồn di tích trong bối cảnh hiện nay*" của tác giả Nguyễn Viết Cường [18] đã đánh giá những sai lầm và thiếu sót trong nhận thức và cách ứng xử với di tích, đồng thời làm rõ thực trạng bảo tồn di tích trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ đó, tác giả đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn di tích, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

Công trình nghiên cứu "*Quản lý và khai thác di sản văn hóa trong thời kỳ hội nhập*" do nhiều tác giả cùng biên soạn [59] gồm 37 bài viết tiêu biểu đã phản ánh đầy đủ các nội dung chính về công tác quản lý di sản, vai trò của bảo tàng và di tích trong qua trình hội nhập và phát triển của đất nước, sự kết hợp giữa di sản văn hóa và phát triển du lịch và các phương pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa.

Công trình nghiên cứu "*Đảng bộ tỉnh Nghệ An lãnh đạo bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng từ năm 1996 đến năm 2015*" của tác giả Hoàng Văn Vân [236] đã tập trung làm rõ những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Nghệ An về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng; thực trạng quá trình quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Nghệ An qua hai giai đoạn: 1996-2005, 2006-2015, tập trung vào các nội dung như: lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích; chỉ đạo phân cấp quản lý, kiện toàn bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ; huy động nguồn vốn bảo tồn… Trên cơ sở đó, tác giả đánh giá khách quan các kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời rút ra một số kinh nghiệm thực tiễn có giá trị lý luận và ứng dụng trong công tác bảo tồn di tích lịch sử cách mạng ở địa phương.

Công trình nghiên cứu "*Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa từ năm 1998 đến năm 2014*" của tác giả Trần Thị Kim Ninh [62] đã làm rõ những yếu tố tác động đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời phân tích quá trình Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa từ năm 1998 đến năm 2014; đánh giá khách quan những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị thực tiễn cho công tác bảo tồn di sản văn hóa trong giai đoạn tiếp theo.

Công trình "*Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dựa vào cộng đồng*" của tác giả Nguyễn Thị Hiền [36] đã làm rõ vai trò quan trọng của công tác quản lý di sản văn hóa tại Việt Nam từ các triều đại phong kiến đến thời hiện đại với các chính sách hỗ trợ pháp lý, tài chính, nhân lực. Tác giả cũng chỉ ra sự thay đổi trong công tác quản lý di sản, đặc biệt sau khi Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO có hiệu lực, nhấn mạnh sự tham gia tích cực của cộng đồng. Bài viết cung cấp các kiến thức cơ bản về di sản văn hóa, cùng các giải pháp quản lý và phát huy giá trị di sản dựa vào cộng đồng, đồng thời chia sẻ các kinh nghiệm thực tiễn trong nước và quốc tế.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học về "*Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể Đông Nam Bộ trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*" do nhà xuất bản Tài Chính, Hà Nội ấn hành năm 2022 [48] đã tuyển chọn 104 bài tham luận từ gần 120 bài báo cáo khoa học của các nhà quản lý, nghiên cứu và đào tạo khoa học toàn quốc, tập trung làm rõ đặc điểm cư dân và tài nguyên văn hóa phi vật thể Đông Nam Bộ; Thực trạng di sản văn hóa phi vật thể ở Đông Nam Bộ trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay. Từ đó, đề xuất những định hướng và giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa phi vật thể Đông Nam Bộ trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

Ngoài ra, còn một số nghiên cứu tiêu biểu như: Nông Quốc Chấn, Tô Văn Đeng và Nông Viết Toại (1995), *35 năm gìn giữ và phát huy vốn di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam,* NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội; Lưu Trần Tiêu và các cộng sự (1996),

"*50 năm bảo tồn di sản văn hóa dân tộc*", Kỷ yếu Hội thảo khoa học thực tiễn kỷ niệm 50 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh bảo tồn di sản văn hóa dân tộc (23-11-1995), Cục Bảo tồn Bảo tàng, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội; Nguyễn Ngọc Thao, Lê Thế Loan và Ngô Đăng Lợi (2001), *Một số vấn đề di sản văn hóa của Hải Phòng*, NXB Hải Phòng, Hải Phòng; Hoàng Đạo Kính (2002), *Di sản văn hóa - Bảo tồn và trùng tu*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội; Phạm Mai Hùng (2003), *Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa dân tộc,* NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội; Trịnh Thị Minh Đức (chủ biên) (2007), *Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội; Nguyễn Thị Hạnh (2014), *Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa ở Thủ đô Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Nguyễn Thị Thu Trang (2016), *Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng ở Quảng Trị*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Trần Thị Kim Ninh (2020), *Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội,…

Nhìn chung, các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án đã được các tác giả, nhà nghiên cứu tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, giúp người đọc nhận diện, đánh giá bao quát, tổng thể về di sản văn hóa của dân tộc. Những nghiên cứu này không chỉ làm rõ thực trạng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, DTLS-VH của cộng đồng, mà còn đề xuất những định hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu đi trước chưa đề cập đầy đủ về vai trò của Đảng bộ các địa phương trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH. Đây là khoảng trống nghiên cứu cần được làm rõ nhằm phần minh chứng cho đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và việc thực thi chính sách bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp với đặc thù của từng địa phương.

1.1.3. Những công trình liên quan trực tiếp đến đề tài Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa từ năm 1996 đến năm 2015

Tác giả Huỳnh Văn Tới chủ biên công trình nghiên cứu "*Bản sắc dân tộc và văn hóa Đồng Nai*" do nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành năm 1998 [183] đã trình bày tổng quát những vấn đề chung về bản sắc dân tộc và sự vận hành của nó gắn với dòng chảy đời sống văn hóa ở Đồng Nai trong quá trình xây dựng và phát triển. Công trình còn tuyển chọn các bài viết về các địa danh văn hóa lịch sử, văn nghệ dân gian, đình làng, tín ngưỡng… của Đồng Nai; các bài viết về vấn đề bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc ở Đồng Nai đã được công bố trên các sách, báo, tạp chí Trung ương và địa phương.

Tác giả Lâm Hiếu Trung chủ biên công trình nghiên cứu "*Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*" do nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành năm 1998 [5] là công trình tập thể do các nhà khoa học nghiên cứu ở Đồng Nai biên soạn gồm 9 chương, giới thiệu vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai trong 300 năm (1698 - 1998) trên các lĩnh vực: địa lý, lịch sử, khảo cổ, kinh tế, văn hóa, xã hội, những di tích thắng cảnh, những trang sử vẻ vang chống ngoại xâm, những nhân vật tiêu biểu của vùng đất… Thông qua nguồn tư liệu lịch sử và phương pháp thể hiện, các nhà nghiên cứu đã chứng minh Biên Hòa - Đồng Nai trong lịch sử là vùng đất mang đậm dấu ấn đặc sắc văn hóa, văn nghệ, truyền thống lịch sử và truyền thống đấu tranh kiên cường chống giặc ngoại xâm đáng tự hào. Hiện nay, nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai không ngừng nỗ lực vươn lên, đoàn kết trong lao động và sản xuất, phát triển quê hương ngày càng giàu đẹp, phồn vinh.

Tác giả Huỳnh Ngọc Trảng chủ biên công trình "*Cù lao phố - Lịch sử và văn hóa*" do nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành năm 1998 [186] đã tập trung giới thiệu về lịch sử hình thành và phát triển của Cù Lao Phố - một quần thể di tích lịch sử nổi tiếng ở Biên Hòa - Đồng Nai. Cù Lao Phố vừa là một tụ điểm cư dân đa chủng - đông đảo nhất là người Việt và người Hoa, vừa là một trung tâm thương mại quốc tế, một đại phố đô hội lớn nhất ở phương Nam. Do vậy, bản thân của nó

chứa đựng nhiều vấn đề phong phú cần tìm hiểu, cuốn sách góp phần làm rõ sự hình thành và những biến đổi của Cù Lao Phố về các mặt lịch sử dân cư, kinh tế - xã hội, tập quán tín ngưỡng và truyền thống văn hóa trong suốt 300 năm lịch sử. Cù Lao Phố, trong 300 năm qua, là vùng đất có nhiều biến cố dữ dội, trong đó có những biến động đã tạo nên sự đứt gãy của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, làm xáo trộn dân cư và thay đổi về chất của tiến trình văn hóa, tập quán, tín ngưỡng…

Tác giả Huỳnh Minh Đức và các cộng sự biên soạn công trình "*Di sản chữ Hán trong các đình, chùa, miếu - mạo, từ đường ở Biên Hòa - Đồng Nai*" do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa ấn hành năm 1998 [31] là công trình nghiên cứu được thực hiện theo yêu cầu của UBND thành phố Biên Hòa nhân dịp kỷ niệm 300 năm Biên Hòa - Đồng Nai. Trong đó, hầu hết các di sản chữ Hán trong đình, chùa, miếu ở Biên Hòa đều được nhóm tác giả sưu tầm, phiên âm, dịch nghĩa,… gần như đầy đủ, bản dịch được Giáo sư Lý Việt Dũng - nhà nghiên cứu Hán Nôm góp ý và chỉnh sửa. Công trình nghiên cứu đã lựa chọn khảo sát khoảng 80 ngôi đình, đền, chùa, miếu trong tổng số hàng trăm cơ sở tín ngưỡng tôn giáo trên địa bàn Biên Hòa. Trải qua hơn 300 năm hình thành và phát triển, vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai giữ vị trí quan trọng, tự hào về lịch sử hào hùng của cha ông trong quá khứ và tiềm năng phát triển kinh tế trong thời kỳ hội nhập. Việc sưu tầm và bảo tồn di sản chữ Hán trong các đình, chùa, miếu ở Biên Hòa là góp phần gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa phi vật thể, là tinh hoa trí tuệ của dân tộc; thể hiện được tư tưởng, khát vọng, đề cao đạo đức, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo... của quần chúng nhân dân.

Ban Trị sự tỉnh hội Phật giáo Đồng Nai biên soạn công trình "*Những ngôi chùa Đồng Nai*" do nhà xuất bản Văn hóa Thông tin ấn hành năm 2002 [34] gồm 2 tập: Tập 1 (năm 2002), tập 2 (năm 2003) đã làm rõ quá trình hình thành và phát triển của các ngôi chùa, thiền viện, tu viện, tịnh xá, tịnh thất nói riêng và của nền Phật pháp nói chung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vốn được coi là cái nôi của Phật giáo Đàng Trong. Đồng thời, ghi nhận ân đức của Quý Hòa Thượng tiền bối và các vị hữu công đã cống hiến vào sự nghiệp phát triển Phật giáo Đồng Nai.

Tác giả Phạm Minh Quang với công trình nghiên cứu "*Tổng quan bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Đồng Nai*" do nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành năm 2007 [65] đã khái quát quá trình thực hiện công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử ở Đồng Nai theo Nghị định 22/2002/NĐ-CP và Chỉ thị 22/CT-UBT của UBND tỉnh Đồng Nai về "*Bảo vệ di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*". Đặc biệt, từ sau sau Đại hội X của Đảng, ngành Văn hóa - Thông tin tỉnh Đồng Nai đã chủ động, tích cực triển khai việc kiểm kê di tích, lập hồ sơ xếp hạng di tích, trùng tu, tôn tạo di tích, nghiên cứu, sưu tầm, xây dựng các sưu tập hiện vật bảo tàng… Hơn nữa, ngành Văn hóa - Thông tin tỉnh Đồng Nai còn phối hợp với các báo, truyền hình ở Trung ương và địa phương tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền, quảng bá các di sản văn hóa của địa phương, tổ chức nhiều cuộc thi tìm hiểu về di sản văn hóa tới mọi tầng lớp nhân dân…

Tác giả Lê Trí Dũng với bài nghiên cứu "*Đồng Nai với sự nghiệp bảo tồn, phát huy giá trị di tích và danh thắng*" đăng trên Tạp chí Di sản Văn hóa, Số 4, năm 2009 [19] phân tích làm rõ kết quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH và danh lam thắng cảnh của địa phương trong thời kỳ đổi mới. Đặc biệt, trong chương trình làm việc kiểm tra công tác thực hiện Luật di sản văn hóa ngày 18-7-2009, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Trần Chiến Thắng đã nhận định:

"Đồng Nai đã thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước di tích lịch sử văn hóa và danh thắng cảnh: các công trình trùng tu - tôn tạo di tích được thực hiện theo đúng các quy định của Luật di sản văn hóa và Quy chế bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh của Bộ Văn hóa thể thao… Hoạt động bảo tồn di tích ở Đồng Nai đã có những bước đi vững chắc, đội ngũ cán bộ có năng lực và kinh nghiệm, nhiệt tình, tâm huyết, gắn bó với sự nghiệp" [19, tr. 30].

Tác giả Lê Trí Dũng với công trình nghiên cứu "*Di tích Đình An Hòa*" do nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành năm 2011 [20] viết về di tích Đình An Hòa thuộc xã An Hòa, thành phố Biên Hòa (huyện Long Thành trước đây), tỉnh Đồng Nai. Cuốn sách được kết cấu ba phần: Phần thứ nhất, giới thiệu tổng quan về vùng đất An Hòa về địa lý hành chính, các dấu tích văn hóa cổ, về tôn giáo tín ngưỡng, sắc

thái văn hóa, truyền thống đấu tranh. Phần thứ hai, kiến trúc Đình An Hòa: lịch sử hình thành, các lần trùng tu, thành phần kiến trúc, di vật. Phần thứ ba, giới thiệu về lễ hội của Đình An Hòa.

Ban Thường vụ Thành ủy Biên Hòa biên soạn công trình "*Biên Hòa xưa*" do Nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành năm 2012 [9] là công trình nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, giáo dục của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa, gồm những bài viết về đất Đồng Nai - Biên Hòa xưa từ những trang chính sự như: "Gia Định thành thông chí" của Trịnh Hoài Đức; "Đại Nam nhất thống chí" của Quốc Sử quán triều Nguyễn; những công trình nghiên cứu biên khảo khác như "Biên Hòa sử lược toàn biên" của Lương Văn Lựu; "Gia Định Tam gia" của Huỳnh Văn Tới, Bùi Quang Huy; các tác phẩm nghiên cứu của Bùi Quang Huy về Lý Văn Sâm, Huỳnh Văn Nghệ, Bình Nguyên Lộc, Hoàng Văn Bổn - những nhân vật tạo nên diện mạo văn hóa của vùng đất này; các bài nghiên cứu về Đồng Nai của các tác giả Huỳnh Lứa, Huỳnh Minh Đức, Nguyễn Đình Đầu, Sơn Nam v.v... Đây là nghiên cứu có giá trị, đặc biệt là những bạn đọc quan tâm đến lịch sử - văn hóa của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai.

Nhóm tác giả Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, Nguyễn Trí Nghị biên soạn công trình "*Di tích - Danh thắng Đồng Nai*" do nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành năm 2015 [185] đã giới thiệu những di tích lịch sử và các điểm tham quan du lịch nổi tiếng của Đồng Nai, qua đó giáo dục, tuyên truyền cho thế hệ trẻ về lịch sử vùng đất địa linh nhân kiệt Đồng Nai với nhiều DTLS-VH. Cuốn sách là kết quả sưu tầm của nhiều tác giả với hơn 50 di tích danh thắng được xế hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh. Hệ thống di tích Đồng Nai khá đa dạng về ngoại hình như di tích khảo cổ, di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật và di tích truyền thống đấu tranh cách mạng gắn với dân cư cổ trên vùng đất này.

Nhóm tác giả Phạm Đức Mạnh, Nguyễn Giang Hải, Nguyễn Hồng Ân biên soạn công trình "*Hàng Gòn - Kỳ quan Cự thạch Việt Nam*" do nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội ấn hành năm 2015 [52] đã giới thiệu đầy đủ những thông tin quan trọng nhất và kết quả nghiên cứu mới nhất về di sản quý báu đến với độc giả trong nước và quốc tế về các nội dung: Điều kiện tự nhiên và nhân văn vùng đất đỏ bazan ở tỉnh

Đồng Nai; Các di tích văn hóa cự thạch trên vùng đất đỏ Long Khánh - Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; Quần thể di tích cự thạch Hàng Gòn trong bình diện văn minh kim khí Đồng Nai và văn hóa Cự thạch châu lục.

Tác giả Trần Quang Toại với công trình nghiên cứu "*Đồng Nai di tích lịch sử văn hóa*" do nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành năm 2019 [179] là tập hợp những bài viết cùng các hình ảnh trực quan sinh động giới thiệu về các di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng như: Mộ cự thạch Hàng Gòn (1982), cụm di tích chiến thắng La Ngà (1986), Nhà Xanh (1986), Chùa Long Thiền (1991), Nhà hội Bình Trước (1991), Quảng trường Sông Phố (1991), Đền thờ Nguyễn Tri Phương (1992), Nhà lao Tân Hiệp (1994), Mộ Nguyễn Đức Ứng và 27 nghĩa quân (1994), Căn cứ Khu uỷ miền Đông Nam Bộ (1997), Mộ và đền thờ Đoàn Văn Cự (1998), Địa đạo Suối Linh (1999), Địa đạo Nhơn Trạch (2001)… Và một số di tích tiêu biểu khác như Cù Lao Phố, Núi Chứa Chan… Di sản văn hóa là tài sản vô giá của một dân tộc gắn liền với nền văn hóa của nhân loại. Hệ thống di tích lịch sử nói chung, di tích lịch sử cách mạng ở Đồng Nai nói riêng những năm qua đã nhận được sự quan tâm, đầu tư hiệu quả, kịp thời của Bộ Văn hóa Thể thao du lịch, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đồng Nai. Hầu hết các di tích được công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia và cấp tỉnh đã được trùng tu, tôn tạo, quản lý và khai thác theo đúng quy định của Luật Di sản văn hóa.

Tác giả Phạm Đức Mạnh với công trình nghiên cứu "*Đến với lịch sử văn hóa Biên Hùng - Đồng Nai*" do nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành năm 2019 [53] gồm tập hợp 31 chuyên đề, giới thiệu về điều kiện tự nhiên và những tố chất môi trường sinh thái dung dưỡng con người và văn hóa nguyên thủy Nam Bộ; các di tích và di vật tiêu biểu cho các thời kỳ Khảo cổ học thời đại Đá, thời đại Kim khí và thời đại Lịch sử ở Đồng Nai và vùng ven, với các hệ thống dẫn liệu khảo cổ liên quan đến hoạt động cư trú và sáng tạo văn hóa của các tập thể người cổ từ thời kỳ Đá cũ đến những làng cổ làm nông, săn bắn, hái lượm lâm thủy sản và hoạt động thủ công, những nghĩa địa mai táng người chết trong mộ đất, mộ chum vò gốm, các kho tàng chôn đồ đồng trong họng núi lửa, mộ cự thạch thời Kim khí và những thành quách, những quần thể lăng

tẩm của quý tộc nhà Nguyễn ở Biên Hòa, Cù lao Phố, Long Thành, Nhơn Trạch thời kỳ lịch sử Trung đại và Cận đại.

Tác giả Huỳnh Văn Tới "*Di tích lịch sử văn hóa Thành cổ Biên Hòa xưa*" do nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành năm 2020 [184] đã cho nghiên cứu sinh những hiểu biết cơ bản về "Thành Biên Hòa", những giá trị quý giá của di tích về văn hóa, kiến trúc trong không gian và chiều dài lịch sử. Cuốn sách được kết cấu thành 6 phần theo thứ tự thời gian trong tiến trình lịch sử, ở mỗi phần tác giả đều tinh tế lựa chọn những thông tin ở các tài liệu tin cậy. Bằng những sơ đồ, bản đồ, hình ảnh minh họa giúp người đọc dễ hình dung về di tích lịch sử văn hóa Thành Biên Hòa trong suốt chiều dài lịch sử, trong không gian văn hóa thiêng liêng của xứ Đồng Nai, trong hoạt động bảo tồn và phát triển của chính quyền. Cụ thể các phần trong cuốn sách gồm: Dấu ấn thời gian và nội dung ghi lại chiều sâu văn hóa lịch sử của Thành Biên Hòa; Các công trình trong không gian văn hóa Thành Biên Hòa; Biên Thành thất thủ; Hiện trạng di tích khi chính quyền tiếp quản, quản lý; Quá trình phục dựng và tu bổ di tích để bảo tồn và phát triển; Kết quả khảo cổ chứng minh Thành cổ Biên Hòa gắn với văn hóa cổ thời khuyết sử ở Đồng Nai.

Tác giả Phạm Đức Mạnh chủ biên công trình nghiên cứu "*Mộ cổ Đồng Nai*" do nhà xuất bản Đồng Nai in phát hành năm 2020 [54] đã khái quát kết quả nghiên cứu khảo cổ học từ năm 1975 đến nay của Phó Giáo sư Tiến sĩ Phạm Đức Mạnh. Với dung lượng đồ sộ, nhóm tác giả đã giới thiệu 71 di tích lăng, mộ cổ ở Đồng Nai trong đối sánh với 447 di tích tiêu biểu ở Nam bộ, 257 di tích cùng thời ở Nam Trung bộ, 62 di tích đặc trưng ở Bắc bộ nhằm khẳng định vai trò của mộ cổ có mối liên hệ mật thiết với những lớp cư dân sinh tụ trên địa bàn Trấn Biên cổ, Biên Hòa xưa và vùng đất Đồng Nai ngày nay trong suốt chiều dài lịch sử khai khẩn, phát triển. Hiện nay, công tác khảo cổ nói chung và việc khảo cứu mộ cổ ở Đồng Nai được tiến hành đã cung cấp nhiều tư liệu về văn hóa Đồng Nai. Những tư liệu khoa học được thu thập, phát hiện thông qua các mộ cổ Đồng Nai (hoa văn, trang phục, đồ trang sức, đồ tùy táng...) đã bổ sung nguồn tư liệu cho việc nghiên cứu lịch sử vùng đất này.

Ngoài các công trình kể trên, còn có các nghiên cứu quan trọng khác như: Nguyễn Đình Đầu (1994), *Nghiên cứu địa bạ Triều Nguyễn: Biên Hòa,* NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh; Bảo tàng Đồng Nai (2002), *Việt Nam - Đồng Nai trăm năm nhìn lại*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai; Nguyễn Yên Tri (2002), *Làng đá Bửu Long*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai; Huỳnh Văn Tới, Bùi Quang Huy (chủ biên) (2005), *290 năm Văn miếu Trấn Biên,* NXB Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai; Nguyễn Tri Nguyên, Lê Trí Dũng (2018), *Giải pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Đồng Nai*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai; Nguyễn Thị Mai (2018), *Xã hội hóa trong bảo tồn di tích lịch sử – văn hóa ở Đồng Nai giai đoạn 1996–2015*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh…

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về lịch sử, văn hóa và di tích tỉnh Đồng Nai đã phản ánh khá toàn diện diện mạo văn hóa cũng như kho tàng di sản văn hóa của vùng đất này. Với những cách tiếp cận đa dạng như: Lịch sử, Văn hóa học, Chính trị học, Khảo cổ học…, các công trình đã làm nổi bật những giá trị văn hóa truyền thống, hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, đồng thời phân tích thực trạng công tác bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị DTLS-VH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trong giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2015.

1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ

1.2.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

Thông qua việc tìm hiểu, thống kê các nhóm công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, có thể khái quát một số vấn đề sau:

Về nội dung

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu chung về DTLS-VH đã làm sáng tỏ vai trò, vị thế và ý nghĩa sâu sắc của các di tích này trong tiến trình phát triển của đất nước. Hầu hết, các công trình đều thống nhất khẳng định: DTLS-VH không chỉ là

những tài sản vật chất quý giá, mà còn là kho tàng tinh thần vô giá của dân tộc - nơi lưu giữ những giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống và bản sắc dân tộc qua các thời kỳ. Các DTLS-VH đều phản ánh sinh động tiến trình dựng nước và giữ nước của cha ông, là cội nguồn hun đúc bản lĩnh, lòng yêu nước và tinh thần tự cường dân tộc. Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay, các DTLS-VH ngày càng khẳng định vai trò là nền tảng tinh thần vững chắc, đồng thời là nguồn lực nội sinh quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trên phạm vi cả nước đã góp phần hệ thống hóa và luận giải một cách toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến di sản văn hóa nói chung và DTLS-VH nói riêng. Các nghiên cứu đã làm rõ khái niệm, phân loại, vai trò và chức năng của DTLS-VH trong tiến trình phát triển bền vững của đất nước; đồng thời chỉ ra những đặc thù trong công tác bảo tồn, tôn tạo, khai thác và phát huy giá trị di tích vốn đòi hỏi sự kết hợp giữa tri thức chuyên ngành và trách nhiệm xã hội.

Một số công trình còn đi sâu phân tích thực trạng bảo tồn DTLS-VH ở Việt Nam và các địa phương trên cả nước, từ đó chỉ ra những thách thức, nguyên nhân dẫn đến tình trạng xuống cấp, mất mát hay biến dạng giá trị gốc của di tích, bao gồm cả yếu tố khách quan như thiên tai, khí hậu, chiến tranh và yếu tố chủ quan từ con người như nhận thức chưa đầy đủ, tác động tiêu cực của đô thị hóa, du lịch thiếu kiểm soát, hoặc sự buông lỏng trong quản lý, đầu tư trùng tu thiếu cơ sở khoa học.

Từ đó, các công trình nhấn mạnh vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị DTLS-VH không chỉ là trách nhiệm của một ngành, một cấp, mà là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài của toàn Đảng, toàn dân và toàn xã hội. Đồng thời, một số nghiên cứu cũng làm rõ quá trình hình thành, điều chỉnh và hoàn thiện chính sách của Đảng, Nhà nước đối với công tác bảo tồn di tích trong từng thời kỳ, đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới. Những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm từ thực tiễn bảo tồn cũng được chỉ ra, từ đó đề xuất các giải pháp có giá trị tham khảo trong việc gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

Thứ ba, những công trình liên quan trực tiếp đến đề tài Đảng bộ tỉnh Đồng Nai

lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015 đã bước đầu cung cấp những cơ sở nền tảng quan trọng cho việc tiếp cận và triển khai nghiên cứu chuyên sâu. Các công trình này đã khái quát tương đối đầy đủ về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa của Đồng Nai - những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến quá trình hình thành và phát triển hệ thống DTLS-VH tại địa phương. Đồng thời, phác thảo diện mạo tổng quan của các di tích và danh thắng tiêu biểu, phản ánh giá trị văn hóa - lịch sử phong phú của vùng đất này. Ngoài ra, một số nghiên cứu đã đi sâu phân tích thực trạng, chỉ ra những thành tựu và hạn chế của công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích trong thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở đó, các công trình đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai, góp phần định hướng cho công tác hoạch định chính sách và triển khai thực tiễn trong giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, các công trình này mới chỉ dừng lại ở mức độ khảo sát, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp, chưa thực sự đi sâu vào phân tích vai trò lãnh đạo toàn diện, xuyên suốt của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đối với lĩnh vực này.

Về phương pháp nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu khoa học trước đó có liên quan đến đề tài luận án được các nhà nghiên cứu, các học giả tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, trên từng lĩnh vực địa lý, lịch sử, văn hóa… với phạm vi rộng hẹp khác nhau. Bằng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp lịch sử, phương pháp diễn dịch, quy nạp, phân tích, phương pháp logic… các tác giả đã làm rõ từng nội dung liên quan đến vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc, trong đó có DTLS-VH. Phương pháp lịch sử và phương pháp logic được sử dụng nhiều nhất nhằm khảo sát, tái hiện quá trình lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị DTLS-VH nói chung và Đảng bộ các địa phương nói riêng; nhận xét, đánh giá khách quan ưu điểm, hạn chế và rút ra bài học kinh nghiệm trong tương lai. Với sự kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành, liên ngành, các nhà khoa học đã khái quát, hệ thống hóa đầy đủ, ngắn gọn các DTLS-VH trên khắp mọi miền đất nước; làm rõ yêu cầu bức thiết cần phải bảo tồn, bảo vệ các DTLS-

VH, nhất là các di tích đang có dấu hiệu mai một, xuống cấp nghiêm trọng.

Về tư liệu

Những kết quả nghiên cứu trên đây trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến di tích lịch sử và thực trạng công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ở nhiều góc độ lý luận và thực tiễn khác nhau đã cung cấp thông tin tham khảo phong phú, hỗ trợ tác giả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu đề tài của luận án. Qua đó, tác giả có thể kế thừa về nội dung và phương pháp trong quá trình nghiên cứu, viết luận án.

Nhìn chung, những kết quả đạt được từ các công trình khoa học liên quan là nguồn tư liệu có giá trị, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để tác giả vận dụng, kế thừa trong quá trình triển khai nghiên cứu. Các công trình này không chỉ góp phần định hướng nội dung, phương pháp tiếp cận mà còn bổ sung hệ thống tư liệu phong phú, giúp tác giả có điều kiện tiếp cận vấn đề một cách toàn diện và khoa học hơn, qua đó nâng cao tính thuyết phục và chiều sâu học thuật cho luận án.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung giải quyết

Qua quá trình khảo cứu và thống kê cho thấy, đã có nhiều công trình khoa học như luận án tiến sĩ, sách chuyên khảo, bài viết trên các báo, tạp chí chuyên ngành đề cập đến vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng. Các công trình này tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau: lịch sử, văn hóa học, chính trị học, quản lý di sản…, qua đó đóng góp quan trọng vào việc nhận diện giá trị, hiện trạng và định hướng bảo tồn di sản ở từng địa phương.

Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập trực tiếp và đi sâu nghiên cứu một cách có hệ thống về quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử từ năm 1996 đến năm 2015 dưới góc độ nghiên cứu khoa học Lịch sử Đảng. Do đó, việc nghiên cứu, hệ thống hóa các DTLS-VH ở Đồng Nai và đánh giá toàn diện hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các di tích trên địa bàn là một yêu cầu cấp thiết, vừa có ý nghĩa lý luận, vừa mang tính thực tiễn sâu sắc. Để làm rõ nội dung nghiên cứu, luận án tập trung vào một số vấn đề trọng tâm sau:

Một là, phân tích các yếu tố tác động đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai trong giai đoạn 1996-2015, bao gồm bối cảnh chính trị, kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, quá trình đô thị hóa và sự chuyển biến về nhận thức của hệ thống chính trị và nhân dân.

Hai là, làm rõ chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và quan điểm, định hướng của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong giai đoạn 1996-2015, từ đó thấy được sự kế thừa và phát triển phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

Ba là, trình bày có hệ thống quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chỉ đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH qua các phương diện cụ thể: xây dựng cơ chế, chính sách; tổ chức bộ máy quản lý bảo tồn, trùng tu; phát huy giá trị các DTLS-VH thông qua việc giáo dục, du lịch, truyền thông và vấn đề xã hội hóa các nguồn lực công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH.

Bốn là, đánh giá khách quan những kết quả đạt được, chỉ ra ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân; từ đó đúc rút một số kinh nghiệm chủ yếu trong quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015, làm cơ sở tham khảo cho giai đoạn sau.

Tiểu kết chương 1

Di tích lịch sử, văn hóa là tài sản vô giá của dân tộc, là nền tảng tinh thần, động lực nội sinh để phát triển đất nước bền vững. Do đó, đã có nhiều công trình nghiên cứu của các học giả trong nước và nước ngoài đề cập trực tiếp hoặc gián tiếp đến công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ở nhiều góc độ khác nhau với các phương pháp tiếp cận khác nhau. Vì vậy, việc khảo sát, nghiên cứu các công trình nghiên cứu có liên quan đề đến tài luận án có ý nghĩa quan trọng, giúp tác giả khái quát, đánh giá khách quan những kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu trước đó. Trên cơ sở tiếp thu, kế thừa, vận dụng sáng tạo các kết quả nghiên cứu về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của các học giả trong nước và nước ngoài, tác giả sẽ có cái nhìn tổng quan, định hướng đúng đắn nội dung, phương pháp để hoàn thành các nhiệm vụ của luận án.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu của các nhóm công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án đã gợi mở nhiều vấn đề mới giúp tác giả hoàn thành đề tài luận án. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH dưới góc độ Lịch sử Đảng. Vì vậy, luận án cần tập trung làm rõ các yếu tố tác động đến việc bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai; quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và chủ trương của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015; khái quát quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chỉ đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, từ đó đưa ra những nhận xét khách quan, khoa học về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH (bao gồm cả ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế), bước đầu đúc rút một số kinh nghiệm từ thực tiễn Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015.

Chương 2

CHỦ TRƯƠNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2005

2.1. Những nhân tố tác động đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Đồng Nai

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và truyền thống lịch sử, văn hóa của tỉnh Đồng Nai

2.1.1.1. Vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên

Đồng Nai là cửa ngõ kết nối vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung, tiếp giáp với nhiều vùng kinh tế - xã hội lớn của đất nước. Phía Đông giáp với tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp với Thành phố Hồ Chí Minh, phía Tây Bắc giáp với tỉnh Bình Dương, Bình Phước, phía Nam giáp với tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phía Bắc giáp với tỉnh Lâm Đồng. Đồng Nai là "mắt xích" quan trọng trong liên kết vùng thông qua kết nối đa phương tiện: đường bộ, đường sắt, đường thủy và đặc biệt là Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Với hệ thống giao thông thuận tiện, cùng nhiều tuyến đường huyết mạch quốc gia như: quốc lộ 1A, quốc lộ 51, quốc lộ 1K, quốc lộ 20, tuyến đường sắt Bắc Nam, gần cảng Sài Gòn, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Đồng Nai có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế trong vùng cũng như giao thương với cả nước.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Đồng Nai là vùng đất giữ vị trí chiến lược, nằm ở cửa ngõ phía Đông Nam của đất nước; là nơi giao thoa văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau. Địa danh hành chính đầu tiên của Đồng Nai là Trấn Biên, do Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn "lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên" vào năm 1698. Sau khi được khai phá, Đồng Nai trở thành một vùng đất trù phú, phồn thịnh. Kể từ đó đến nay, Đồng Nai đã có nhiều thay đổi về tên gọi và địa giới hành chính. Song, mỗi tên gọi đều gắn với sự kiện, con người của vùng đất Trấn Biên cổ kính, một Biên Hòa oai

dũng và một Đồng Nai trong lòng miền Đông Nam Bộ "gian lao mà anh dũng". Trải qua những thăng trầm của lịch sử, Đồng Nai đã có nhiều đóng góp quan trọng cho quá trình mở cõi, bảo vệ và xây dựng đất nước.

Đồng Nai có địa hình tương đối bằng phẳng xen kẽ giữa đồng bằng và bình nguyên với những đồi núi thấp. Ngoài ra, Đồng Nai còn có các vùng đất trũng, đầm lầy thường xuyên bị ngập nước. Với cấu trúc địa hình đa dạng, Đồng Nai có điều kiện thuận lợi cho phát triển các sản phẩm du lịch. Tỉnh Đồng Nai có quỹ đất phong phú, phì nhiêu với 10 nhóm đất khác nhau, trong đó, có một số loại đất tiêu biểu như đất đỏ bazan, đất phù sa, đất sét, đất cát…. Diện tích đất tự nhiên của Đồng Nai là 5.907,24 km^2, chiếm 1,76% diện tích của cả nước và 19,4% vùng kinh tế trọng điểm phía Nam [206, tr. 8]. Đồng Nai có đặc trưng rừng nhiệt đới với thảm thực vật phong phú, đa dạng. Đặc biệt, khu bảo tồn thiên nhiên vườn quốc gia Nam Cát Tiên ở Đồng Nai có rất nhiều loại động vật, thực vật quý hiếm.

Đồng Nai nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, với khí hậu ôn hòa, ít chịu ảnh hưởng của thiên tai, đất đai màu mỡ (phần lớn là đất đỏ bazan). Nhiệt độ trung bình từ 25-26^{0}C, thích hợp cho phát triển các loại cây trồng nhiệt đới, đặc biệt các cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu cao. Đồng Nai là địa phương có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn trái lớn. Lượng mưa trung bình từ 1.500-2.400 mm, phân bố không đều giữa các vùng. Lượng mưa tương đối lớn ở phía Bắc và giảm dần ở phía Nam. Đồng Nai có nhiều nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú gồm tài nguyên khoáng sản có vàng, thiếc, kẽm, nhiều mỏ đá, than bùn, đất sét, cát sông… tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế của tỉnh.

Đồng Nai có hệ thống sông, suối, thác dày đặc (hơn 40 sông suối lớn nhỏ). Sông Đồng Nai là sông lớn nhất ở Đông Nam Bộ bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên, đoạn chảy qua tỉnh dài 290 km, có nhiều phụ lưu như sông Bé, sông La Ngà. Ngoài cung cấp nước phục vụ cho nông nghiệp, sinh hoạt, sông Đồng Nai còn là nguồn "vàng trắng" với công trình thủy điện Trị An công suất 420.000 kw, cung cấp điện cho cả Nam Bộ. Ngoài ra, Đồng Nai còn có các sông suối lớn khác như: Đồng Môn, Lá Buông, Rạch Đông, Suối Cá, Thị Vải, Ông Kèo, rất thuận lợi cho

việc phát triển một số thủy sản như: tôm, cá, nuôi bè… Bên cạnh đó, Đồng Nai còn có tài nguyên rừng rộng lớn, đa dạng. Năm 2014, diện tích rừng của Đồng Nai là 181.464 ha với nhiều loài động, thực vật quý hiếm như báo, hổ, sóc bay, công, trĩ… Trong rừng có nhiều loại gỗ quý như cẩm, trắc, gõ, căm xe, giáng hương, bằng lăng… nhiều loại thuốc như tô mộc, sa nhân.

2.1.1.2. Đặc điểm dân cư và truyền thống lịch sử - văn hóa

Đồng Nai là vùng đất định cư của nhiều dân tộc, trong đó người Việt chiếm đa số với hơn 90%, tiếp đó là người Hoa, Nùng, Chơro, Tày, Mường, Khmer, Chăm, Dao, Mạ, Xtiêng… Quá trình hình thành cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai thực chất là quá trình hợp cư bởi các đợt di dân qua các thời kỳ. Chính những đợt di dân này đã góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng của người dân Đồng Nai. Khác với vùng Bắc Bộ - nơi làng xã thường có cấu trúc khép kín với lũy tre bao bọc và tính cố kết cao theo huyết tộc, ở Đồng Nai, các làng xã được hình thành mang tính chất mở, không phân biệt ngụ cư hay bản cư, dễ tiếp nhận cư dân mới và linh hoạt trong tổ chức xã hội. Mỗi làng thường là nơi hội tụ của nhiều dòng họ, nhiều nhóm cư dân cùng đến khai khẩn, lập ấp nên sớm hình thành lối sống cởi mở, khoan dung, ít bảo thủ và luôn thích nghi nhanh với sự thay đổi. Những đặc điểm về dân cư, làng xã ở Đồng Nai là cơ sở tạo bản sắc văn hóa Đồng Nai, vừa mang đậm tính hỗn dung, đa hệ, vừa cởi mở, năng động, sáng tạo. Như vậy, cơ cấu dân cư đa thành phần và văn hóa mang tính hỗn dung, đa hệ đã tạo nên sự phong phú cho các loại hình DTLS-VH ở Đồng Nai. Tuy nhiên, để bảo tồn sự đa dạng này, địa phương cần có cách tiếp cận linh hoạt, nhạy bén, phù hợp với thực tiễn trong từng thời kỳ.

Đồng Nai là vùng đất có bề dày lịch sử, là cửa ngõ phía Đông của Nam Bộ, nơi ghi dấu nhiều sự kiện quan trọng trong các thời kỳ kháng chiến và kiến quốc. Quá trình hình thành, phát triển của vùng đất này gắn với những cuộc di dân, khai phá, là nơi hội tụ và giao lưu văn hóa giữa các vùng miền và các dân tộc khác nhau. Chính yếu tố lịch sử - xã hội đặc thù này là nền tảng quan trọng hình thành hệ thống

DTLS-VH phong phú, đa dạng, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cao trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích phù hợp với tính chất đa dạng đó.

Trong thời kỳ đổi mới, cùng với quá trình CNH, HĐH, Đồng Nai đã chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng về quy mô dân số, do dân cư lao động ở các tỉnh thành khác đổ về các khu công nghiệp, các khu chế xuất để làm việc. Sự dịch chuyển này đã làm biến đổi sâu sắc cơ cấu dân cư, kéo theo sự gia tăng tỷ lệ dân số thành thị, mật độ dân cư tập trung cao tại các khu vực công nghiệp và đô thị mới hình thành. Điều này đã đặt ra áp lực lớn đối với hệ thống hạ tầng đô thị cũng như công tác quản lý các DTLS-VH của địa phương. Đây là những thách thức mới đòi hỏi Đảng bộ Đồng Nai vừa bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, vừa phải gìn giữ và phát huy giá trị các DTLS-VH trong điều kiện lịch sử mới.

Trải qua những thăng trầm của lịch sử, vùng đất Đồng Nai đã kiến tạo và gìn giữ nhiều di sản văn hóa, ẩm thực đặc sắc, phong phú và đa dạng. Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên đặc sắc và độc đáo cho văn hóa Đồng Nai đó là hệ thống các di tích lịch sử mang dấu ấn sâu đậm của bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Đồng Nai là vùng đất có nhiều DTLS-VH đã được xếp hạng, đa dạng về loại hình như: DTLS-VH, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ học, tín ngưỡng, lưu niệm danh nhân, di tích cách mạng… Năm 2015, Đồng Nai có 50 DTLS-VH, danh thắng đã được xếp hạng, trong đó, có 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt. Các DTLS-VH của Đồng Nai là những dấu tích về hoạt động của con người trong quá khứ, phản ánh lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai. Đây là một bộ phần di sản văn hóa của dân tộc, có ý nghĩa quan trọng đối với việc giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào cho cộng đồng, nhất là thế hệ trẻ; đồng thời, là nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Đồng Nai. Vì vậy, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của Đồng Nai là vấn đề quan trọng và cấp thiết.

Ngoài ra, Đồng Nai còn có hàng ngàn di tích phổ thông với nhiều loại hình khác nhau. Gắn với các DTLS-VH, di tích cách mạng kháng chiến, Đồng Nai hiện còn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc trưng được thể hiện qua các lễ hội truyền

thống như: lễ hội chùa Ông, lễ hội Kỳ yên đình Tân Lân, lễ hội vía ông Đá mộ cự thạch Hàng Gòn… Đặc biệt, Đồng Nai còn là một trong số các địa phương có nghệ thuật Đờn ca tài tử được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, góp phần tạo nên bức tranh văn hóa đặc sắc của vùng đất có bề dày lịch sử trên 300 năm hình thành và phát triển. Bên cạnh đó, Đồng Nai còn bảo lưu, gìn giữ nhiều ngành nghề truyền thống với những sản phẩm mang đậm nét văn hóa đặc sắc như: làng nghề đá Bửu Long, làng nghề gốm Tân Vạn - Biên Hòa, làng nghề mộc mỹ nghệ huyện Trảng Bom, làng nghề dệt thổ cẩm Tà Lài… Nhìn chung, sự hòa quyện giữa lịch sử và văn hóa đã tạo nên nét độc đáo, riêng biệt của Đồng Nai. Đó cũng là minh chứng cho sự phát triển của cư dân Việt và cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong tiến trình di dân, lập nghiệp ở vùng đất phương Nam.

2.1.1.3. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Xuất phát từ vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng nên sự phát triển kinh tế hàng hóa, thị trường ở Đồng Nai được hình thành khá sớm. Địa hình bằng phẳng, đất đai phì nhiêu, rộng lớn, khí hậu ôn hòa tạo điều kiện thuận lợi cho Đồng Nai phát triển nông nghiệp. Sông, suối, kênh rạch nhiều, dòng chảy hiền hòa rất thích hợp cho giao thông đường thủy, giao thương buôn bán trao đổi hàng hóa. Với vị trí là "cửa ngõ" kết nối vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung, Đồng Nai có điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

Nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, ngoài lợi thế về công nghiệp, được mệnh danh là thủ phủ công nghiệp, Đồng Nai còn có thế mạnh về phát triển du lịch sinh thái và du lịch văn hóa gắn liền với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Nơi đây còn ẩn chứa một kho tàng văn hóa phong phú, là nơi giao thoa văn hóa và sinh sống của hơn 30 dân tộc anh em, trong đó có người S'Tiêng, Chơro, người Mạ là những cư dân có mặt sớm trên vùng đất Đồng Nai.

Khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có, trong những năm 1996-2005, Đồng Nai đã tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh CNH, HĐH nhằm xây

dựng quê hương giàu đẹp, văn minh. Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Đồng Nai luôn duy trì ổn định khoảng 12,8%/năm, GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 785 USD. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 57%, dịch vụ chiếm 28%, nông - lâm - thủy sản chiếm 15% [163, tr. 4].

Sản xuất công nghiệp phát triển với mức tăng trưởng cao, đạt bình quân 20,3%/năm, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 31,3%, trong nước tăng 10%. Năng suất lao động ngành công nghiệp cao gấp 2 lần ngành dịch vụ và 14 lần ngành nông nghiệp [157, tr. 10]. Một số ngành công nghiệp chủ lực phát triển nhanh phục vụ đắc lực cho yêu cầu CNH, HĐH, bước đầu phát triển một số ngành công nghiệp kỹ thuật cao.

Hoạt động thương mại - dịch vụ được củng cố và phát triển, đã hình thành các mối quan hệ mua bán giữa các đơn vị sản xuất với ngành thương mại, thị trường hàng hóa nội địa được mở rộng đáp ứng cơ bản nhu cầu đời sống của nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Đến năm 2005, tổng mức bán lẻ hàng hóa trên địa bản tỉnh đã tăng gấp 2,5 lần so với năm 2000. Tổng kim ngạch xuất khẩu mỗi năm tăng 16,5% [163, tr. 4]. Một số loại hình dịch vụ như vận tải, xây dựng, bưu điện, tín dụng… phát triển.

Sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn được đẩy mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa, kinh tế nhiều thành phần trong nông nghiệp và nông thôn được khuyến khích phát triển. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng rộng rãi góp phần tăng năng xuất, chất lượng sản phẩm. Một số ngành nghề truyền thống được phục hồi, phát triển, mạng lưới dịch vụ phục vụ nông nghiệp được củng cố và mở rộng đến các xã vùng sâu, vùng xa.

Việc huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung được chú trọng, tạo chuyển biến mới cho thành thị và nông thôn. Tổng số số đầu tư trong năm 5 năm (1996-2000) của Đồng Nai đạt trên 46 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư trong nước chiếm 47,6%, tăng gấp 3,3 lần [163, tr. 4]. Do tích cực thực hiện các biện pháp thu hút

đầu tư, cải cách hành chính, đến năm 2005, Đồng Nai đã trở thành một trong những địa phương có số vốn đầu tư cao hàng đầu cả nước.

Cùng với sự phát triển kinh tế, trong những năm 1996-2005, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể dục thể thao của Đồng Nai được quan tâm đầu tư phát triển toàn diện. Hoạt động giáo dục - đào tạo phát triển theo hướng đa dạng hóa về loại hình, phức thức và nguồn lực. Trên 90% giáo viên đạt trình độ chuẩn hóa, chất lượng giáo dục được giữ vững. Hằng năm, tỷ lệ tốt nghiệp các cấp học đạt 90% trở lên, tỷ lệ học sinh giỏi đạt từ 10-15% [163, tr. 5]. Đồng Nai đã hoàn thành việc phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cở sở và đang triển khai phổ cập giáo dục trung học trong toàn tỉnh. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin được đổi mới cả về nội dung và hình thức. Hoạt động đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở được chú trọng. Đến năm 2000, trên địa bàn tỉnh đã có 8/11 huyện và 66 xã, phường, thị trấn xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao, trên 58% xã, phường có bữu điện văn hóa xã [163, tr. 5].

Như vậy, sự phát triển nhanh chóng về kinh tế - xã hội, đặc biệt là quá trình CNH, HĐH và đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ tại Đồng Nai trong những năm gần đây đã tác động trực tiếp đến công tác bảo tồn DTLS-VH. Quá trình này một mặt tạo ra nguồn lực đầu tư cho bảo tồn có điều kiện được tăng cường, song mặt khác, nhiều di tích bị xâm lấn, thu hẹp không gian tồn tại hoặc thậm chí biến mất do các dự án xây dựng, giao thông, khu công nghiệp, khu dân cư... Điều này đặt ra thách thức trong việc cân đối giữa phát triển kinh tế và bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH.

Hơn nữa, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai còn chịu ảnh hưởng từ yếu tố nhận thức xã hội và giáo dục cộng đồng. Đặc biệt, nhận thức của một bộ phận người dân về giá trị của di tích và vai trò của bảo tồn còn chưa đồng đều. Ở một số nơi, di tích chưa được coi là tài sản tinh thần cần gìn giữ, vẫn bị xem nhẹ hoặc thậm chí bị lãng quên. Công tác tuyên truyền, giáo dục văn hóa - lịch sử, nhất là với thế hệ trẻ còn thiếu chiều sâu và sức lan tỏa. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả phát huy giá trị DTLS-VH trong thực tiễn. Hiện nay, Đồng Nai đang bước vào thời kỳ hội nhập và phát triển, việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật,

đặc biệt là công nghệ số trong công tác bảo tồn và quảng bá di sản chưa được quan tâm đúng mức ở Đồng Nai. Việc số hóa di tích, xây dựng hệ thống dữ liệu di sản, bảo tàng số hay ứng dụng công nghệ vào phục dựng di tích... còn hạn chế, dẫn đến việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích chưa bắt kịp xu thế mới.

Nhìn chung, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chịu sự chi phối của nhiều yếu tố mang tính đa chiều, bao gồm điều kiện tự nhiên, bối cảnh lịch sử, bản sắc văn hóa, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, nhận thức của cộng đồng và sự tiến bộ của khoa học - công nghệ… Những yếu tố này là nền tảng quan trọng để tỉnh Đồng Nai đẩy mạnh đầu tư cho các hoạt động bảo tồn, trùng tu, phục dựng và khai thác giá trị di tích. Từ đó, giữ gìn giá trị của các di tích, góp phần tích cực vào phát triển du lịch, giáo dục truyền thống và xây dựng đời sống văn hóa cộng đồng. Đồng thời, sự phát triển kinh tế và tiến bộ công nghệ cũng mở ra nhiều cơ hội trong việc ứng dụng các phương pháp hiện đại vào công tác bảo tồn, tăng tính hiệu quả và bền vững. Tuy nhiên, sự đa dạng và phức tạp của các yếu tố trên cũng đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Đặc biệt, áp lực từ quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa đã ảnh hưởng đến không gian di tích, làm biến dạng cảnh quan văn hóa. Hơn nữa, một bộ phận cộng đồng nhận thức chưa đầy đủ về giá trị di tích dẫn đến tình trạng xâm hại, sử dụng sai mục đích. Ngoài ra, nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn còn hạn chế, thiếu đồng bộ, vấn đề cân bằng giữa phát triển kinh tế với bảo tồn giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai còn là "bài toán" khó giải quyết trong bối cảnh hiện nay. Trước thực trạng đó, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cần có những quyết sách chiến lược để kịp thời nắm bắt cơ hội, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương; khắc phục khó khăn, thách thức trong quá trình bảo vệ, phát huy giá trị các di tích lịch sử của địa phương.

2.1.2. Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

2.1.2.1. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Bước vào thời kỳ đổi mới, nhận thức rõ vai trò quan trọng của các DTLS-VH, Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt coi trọng công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH như một nhiệm vụ chiến lược nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phục vụ phát triển bền vững. Trong các văn kiện của Đảng giai đoạn này đều nhất quán khẳng định: DTLS-VH là kết tinh của lịch sử, là nền tảng tinh thần, biểu tượng truyền thống yêu nước, nhân văn, là tài sản vô giá của dân tộc cần được bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị. Đây là quan điểm cốt lõi, chi phối, định hướng toàn bộ công tác bảo tồn và phát huy giá trị DTLS-VH của đất nước. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (năm 1998) "*Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*" khẳng định di sản văn hóa nói chung và DTLS-VH nói riêng là "là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo các giá trị văn hóa mới và giao lưu văn hóa" [25, tr. 63]. Với tầm quan trọng đặc biệt đó, Đảng đề ra nhiệm vụ: "Nhà nước cùng với nhân dân xây dựng những cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho văn hóa, văn nghệ, giữ gìn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa"[22, tr. 72]; đồng thời "hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể" [25, tr. 63]; chú trọng "bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của đất nước" [24, tr. 111].

Hơn nữa, Đảng còn nhấn mạnh đến mối quan hệ biện chứng giữa bảo tồn và phát triển, không xem hai yếu tố này là mâu thuẫn, đối lập, mà là hai mặt gắn bó hữu cơ, hỗ trợ lẫn nhau. Việc bảo tồn giá trị DTLS-VH không chỉ nhằm lưu giữ quá khứ, mà còn là nền tảng để thúc đẩy phát triển bền vững ở hiện tại và tương lai. Vì vậy, tại Đại hội IX (2001) Đảng đã đề ra nhiệm vụ:

"Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; khai thác các kho tàng văn hóa cổ truyền. Tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa của nhân loại. Đấu tranh chống sự xâm nhập của văn hóa độc hại" [26, tr. 115]; "chú trọng

gìn giữ, phát triển các di sản văn hóa phi vật thể, tôn tạo và quản lý tốt các di sản văn hóa vật thể, các di tích lịch sử; nâng cấp các bảo tàng. Phát triển mạng lưới thư viện, hiện đại hóa công tác thư viện, lưu trữ. Xây dựng các công trình văn hóa, các khu vui chơi công cộng" [26, tr. 208].

Để huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, Đảng còn đưa ra chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo tồn, tôn tạo các di tích, khuyến khích các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia. Trong đó, Nhà nước giữ vai trò định hướng, ban hành chính sách và quản lý vĩ mô; các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư là lực lượng đồng hành tích cực và trực tiếp tham gia vào quá trình thực hiện. Đây là điểm nhấn mang tính chiến lược nhằm giải quyết hiệu quả bài toán nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH.

Nhìn chung, quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH không chỉ góp phần định hướng rõ ràng, nhất quán cho công tác bảo tồn DTLS-VH, mà còn tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa to lớn của các di tích đối với sự nghiệp phát triển đất nước. Những chủ trương này đã trở thành nền tảng chính trị và cơ sở pháp lý vững chắc để Nhà nước ban hành các văn bản quan trọng như Luật Di sản văn hóa (2001) và triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia về bảo tồn DTLS-VH. Đồng thời, thúc đẩy những chuyển biến tích cực trong công tác quy hoạch, trùng tu, tôn tạo, quảng bá di tích, góp phần làm lan tỏa giá trị lịch sử, văn hóa đến với cộng đồng, đặc biệt là trong giáo dục truyền thống và bồi dưỡng bản sắc dân tộc trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.

2.1.2.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Trong giai đoạn 1996-2005, quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước đã từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm thể chế hóa và cụ thể hóa nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH. Ngày 17-9-1998, Chính phủ đã ban hành "Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết

Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Chương trình đề cập đến Đề án bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, trong đó có các DTLS-VH như: Xây dựng phương án bảo tồn, phát huy các DTLS-VH đã được công nhận; tiến hành tổng điều tra di tích, có phương thức bảo tồn và biện pháp quản lý cụ thể; tiếp tục triển khai chương trình về văn hóa với mục tiêu chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử…

Ngày 29-6-2001, Quốc hội khóa X thông qua *Luật Di sản văn hóa*, có hiệu lực từ ngày 01-01-2002. Đây là lần đầu tiên Việt Nam có một đạo luật chuyên ngành điều chỉnh toàn diện các hoạt động liên quan đến di sản văn hóa, trong đó bao gồm cả DTLS-VH; thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước và toàn dân đối với tài sản văn hóa quốc gia, tạo nền tảng pháp lý cao nhất để bảo vệ và phát huy các giá trị các DTLS-VH. Với những điều khoản cụ thể, rõ ràng, *Luật Di sản văn hóa* đã xác lập các nguyên tắc cơ bản về bảo vệ và phát huy giá trị di sản, quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức và cá nhân trong công tác quản lý, bảo tồn, trùng tu và phát huy di tích. Như vậy, *Luật Di sản văn hóa* đã bao quát đầy đủ các vấn đề liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung và DTLS-VH nói riêng; đồng thời tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong việc bảo vệ và phát huy các giá trị các DTLS-VH.

Để hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa, ngày 11-11-2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 92/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa, Nghị định cụ thể hóa các khái niệm di sản văn hóa vật thể, cách phân loại di tích, cách xếp loại di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia và quốc gia đặc biệt, quy định về lập hồ sơ, khoanh vùng bảo vệ di tích… Cũng trong thời gian này, Chính phủ ban hành Quyết định số 71/2001/QĐ-TTg ngày 4-5-2001 về các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2001-2005. Đây là nguồn lực quan trọng để các địa phương tu bổ và phục hồi các di tích.

Ngày 24-7-2001, Bộ Văn hóa Thông tin ban hành Quyết định số 1706/QĐ-BVHTT về "Phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị DTLS-VH và danh lam thắng cảnh đến năm 2020, tầm nhìn 2030" thể hiện rõ quan điểm về

bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH phải đảm bảo tính "trung thực" về lịch sử hình thành các di tích, đảm bảo tính nguyên gốc của di tích; vấn đề bảo tồn phải gắn với phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương… Đây là văn bản định hướng căn bản cho các địa phương tổ chức triển khai và thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH.

Tiếp đó, ngày 18-2-2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 05/2002/CT-TTg "Về việc tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ cổ vật trong di tích và ngăn chặn đào bới, trục vớt trái phép di chỉ khảo cổ học". Thủ tướng yêu cầu các địa phương tập trung tăng cường kiểm tra, thanh tra, bảo vệ, trùng tu, tôn tạo và phát huy các di tích… Ngày 6-2-2003, Bộ Văn hóa Thể thao ra Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT về việc ban hành Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh. Trong đó, quy định các bước tiến hành bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử, góp phần tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện công tác tu bổ và tôn tạo di tích thuận lợi hơn. Ngày 17-6-2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 124/QĐ-TTg phê duyệt Đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam nhấn mạnh một số hoạt động quan trọng như điều tra, khảo sát, thống kê, quản lý, trùng tu DTLS-VH ở vùng dân tộc thiểu số. Tiếp đó, Bộ Văn hóa Thông tin ban hành nhiều văn bản liên quan đến chủ trương, chính sách về công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước như: Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT về phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020 (ngày 24-7-2001); Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT về việc ban hành Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh (ngày 6-2-2003). Ngày 24-2-2005, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 36/QĐ-TTg lấy ngày 23 tháng 11 hằng năm là "Ngày Di sản văn hóa Việt Nam" nhằm phát huy truyền thống và ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hóa, động viên và thu hút mọi tầng lớp

nhân dân tích cực tham gia vào sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa của dân tộc.

Nhìn chung, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH đã thể hiện sự quyết tâm của Nhà nước trong việc xây dựng một hệ thống đồng bộ về bảo vệ, phát huy giá trị của các DTLS-VH đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Hơn nữa, các chính sách xã hội hóa công tác bảo tồn DTLS-VH cũng tạo điều kiện để cộng đồng và các tổ chức tham gia vào quá trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích, góp phần làm phong phú thêm nguồn lực cho công tác này.

2.1.3. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Đồng Nai trước năm 1996

Trước năm 1996, hệ thống DTLS-VH ở Đồng Nai khá phong phú, phản ánh bề dày lịch sử, văn hóa lâu đời của vùng đất nằm ở cửa ngõ Đông Nam Bộ. Các di tích được phát hiện và ghi nhận trong giai đoạn này chủ yếu gắn liền với những dấu ấn cư trú sớm của người Việt cổ và các cộng đồng cư dân bản địa, tiêu biểu như di chỉ Cát Tiên - nơi còn lưu giữ nhiều dấu tích kiến trúc và hiện vật có giá trị khảo cổ học đặc biệt. Bên cạnh đó, các di tích lịch sử cách mạng như Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa, Chiến khu Đ, hay các địa điểm ghi dấu phong trào kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cũng được quan tâm bước đầu trong việc khảo sát, ghi nhận và bảo tồn. Tuy nhiên, chưa có một hệ thống quản lý và phân loại bài bản.

Trước thực trạng đó, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã nhận thức đúng đắn nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương không chỉ là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, mà còn là nhiệm vụ chung của toàn dân. Nhận thức rõ vai trò của các DTLS-VH là "hồn cốt", là "chứng nhân" cho sự hình thành và phát triển của địa phương, chứa đựng giá trị tinh thần quan trọng, là tài sản vô giá của dân tộc, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai xác định bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH là nhiệm vụ chiến lược, cần đặt trong kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa của tỉnh. Bên cạnh đó, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn khuyến khích cộng đồng dân cư cùng tham gia bảo tồn di tích; chú trọng phát huy giá trị các di tích gắn với giáo dục

truyền thống cách mạng, lịch sử địa phương cho các thế hệ trẻ. Mặc dù, giai đoạn này, tỉnh Đồng Nai phải đối mặt với nhiều khó khăn về kinh tế, song Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chủ trương gắn công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Như vậy, trước năm 1996, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã đưa ra những quan điểm, chủ trương về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH gắn liền với phát triển kinh tế- xã hội, hướng đến việc gắn kết giữa bảo tồn và phát triển, kết hợp giáo dục truyền thống và phát huy giá trị các di tích. Những quan điểm, chủ trương ở giai đoạn này góp phần tạo nền tảng cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Quán triệt chủ trương của Đảng bộ, Ty văn hóa Đồng Nai đã thành lập Phòng Bảo tồn - Bảo tàng có nhiệm vụ điều tra, sưu tầm tư liệu lịch sử về các di tích nhằm giữ gìn, phát huy các giá trị di sản văn hóa trên địa bản tỉnh. Năm 1976, các cơ quan chuyên môn của ngành văn hóa tỉnh Đồng Nai đã tiến hành khảo sát các di tích, sưu tầm tư liệu lịch sử về các di tích, lập hồ sơ đề nghị công nhận, xếp hạng các di tích. Kết quả từ năm 1976-1995, tỉnh Đồng Nai đã lập hồ sơ đề nghị xếp hạng 18 di tích cấp quốc gia; 02 di tích cấp tỉnh thuộc các loại hình di tích lịch sử cách mạng, văn hóa, danh lam thắng cảnh, kiến trúc nghệ thuật (Xem phụ lục 2).

Trong giai đoạn 1976-1986, công tác bảo tồn DTLS-VH chủ yếu do Ty Văn hóa - Thông tin phụ trách thực hiện. Do tình hình kinh tế - xã hội của Đồng Nai gặp nhiều khó khăn, phải khắc phục hậu quả chiến tranh, cùng với những yếu kém về công tác quản lý DTLS-VH, ý thức bảo tồn di sản văn hóa của chính quyền và nhân dân chưa cao, nên nhiều di tích đã bị xuống cấp, có một số di tích bị hư hại hoàn toàn, những hạng mục có giá trị không có điều kiện trùng tu, tôn tạo.

Sau năm 1986, đất nước bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện, diện mạo kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng đã có nhiều thay đổi. Cùng với sự phát triển năng động về kinh tế, chính quyền và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đã quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi về đầu tư kinh phí cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; thực hiện một số dự án trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử đã xuống cấp như: di tích chùa Bửu Phong (1989), Căn cứ Khu ủy miền

Đông Nam Bộ (1962-1967), Di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn (1992), di tích Đài Chiến sĩ (1992), Nhà lao Tân Hiệp, Nhà hội Bình Trước (1992), đình Cẩm Vinh (1992, 1993), di tích Đình An Hòa (1994), Đình Nguyễn Tri Phương (1995)...

Bên cạnh đó, Bảo tàng Đồng Nai còn chú trọng nghiên cứu, sưu tầm hiện vật cổ, hiện vật quý. Trong những năm 1976-1995, nhiều hiện vật sưu tầm được tiếp nhận từ các cuộc triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, tiêu biểu nhất là hơn 200 hiện vật gốm Biên Hòa của Trường Bá nghệ Biên Hòa là những hiện vật của triển lãm thành tựu kinh tế 10 năm sau giải phóng (1985); bộ sự tập máy quay phim của Đài Phát Thanh - Truyền hình Đồng Nai (1995) và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ như đan lát mây tre lá, hay gốm mỹ nghệ của các cơ sở sản xuất sau năm 1975. Công tác sưu tầm hiện vật trực tiếp ở cơ sở cũng thu được nhiều bộ sưu tập hiện vật khảo cổ, dân tộc học, những kỷ vật kháng chiến tiêu biểu như: tập vũ khí của quân đội Úc và cây thập tự Long Tân, những pho tượng thần bằng đá thuộc văn hóa Óc Eo, các bộ sưu tập theo chuyên đề như: Kỷ vật kháng chiến, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Tù Chính trị và các sưu tập hiện vật dân tộc học về văn hóa dân tộc người Chăm, Mường, Tày, Dao, Sán Dìu... cũng được sưu tầm về Bảo tàng. Bên cạnh đó, Bảo tàng Đồng Nai còn tiếp nhận các hiện vật quý của người dân như: bộ "qua" đồng Long Giao, tượng "trút" đồng Long Giao, tượng đá Vishnu, tượng Ganesha, chân tượng đồng Uma, các mẫu động thực vật hóa thạch...

Công tác khai quật khảo cổ học trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ngành Văn hóa - Thông tin triển khai tích cực. Trong những năm 1985-1986, trong chuyến điều tra khảo cổ học ở khu vực hồ thủy điện Trị An, các nhà khảo cổ học đã phát hiện di tích kiến trúc gạch Cây Gáo I, Cây Gáo II và Đồng Bơ, những di tích này đã được tiến hành khai quật nhằm thu thập tài liệu nghiên cứu. Năm 1996, Trung tâm Nghiên của Khảo cổ học (Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh) phối hợp với Bảo tàng Đồng Nai thực hiện cuộc khai quật Khu chế tác di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn với sự tham gia của các nhà khảo cổ Nhật Bản (TS. Mariko Yamagata, ThS. Nishimura Masanari). Qua các cuộc khảo sát, khai quật, những di chỉ khảo cổ học

thời tiền sử nổi tiếng ở Đồng Nai đã được phát hiện như: Cầu Sắt, Suối Chồn, Cái Vạn, Suối Linh, Bình Đa, Phú Hòa... Hàng trăm hiện vật thu được ở các địa điểm khai quật đã được đưa về kho cơ sở của Bảo tàng để lưu giữ, bảo vệ như: Công cụ đá cũ, rìu đá, mảnh tước, đồ trang sức, đồ gốm, đồ đồng, đồ gỗ và đặc biệt là bộ đàn đá Bình Đa được xem là bộ nhạc khí cổ duy nhất ở Việt Nam có niên đại trên 3000 năm cách ngày nay.

Cùng với việc bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể, tỉnh Đồng Nai còn quan tâm đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nhằm tái hiện diện mạo bản sắc văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh thông qua việc phục dựng các lễ hội truyền thống và những nét sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian đã bị bỏ quên như: Lễ hội cúng Sayangva, âm nhạc dân gian và múa của dân tộc Chơ ro; Lễ hội đâm trâu, truyện kể Tămpớt của dân tộc Mạ... Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tư liệu về hát chầu, Bóng rỗi, Địa - Nàng, múa lân; tìm về những nơi sinh hoạt văn hóa đã bị mai một như hò cấy, hát bội, hát sắc mùa. Các làn điệu dân ca, vũ điệu dân tộc cũng được sưu tầm, biên tập, nâng cao thành các tiết mục văn nghệ truyền thống để phổ biến cho nhân dân cùng biết.

Về các hoạt động phát huy giá trị các DTLS-VH, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai đã triển khai công tác tuyên truyền giới thiệu, quảng bá rộng rãi về các di tích lịch sử, danh lam - thắng cảnh, công bố kết quả nghiên cứu về DTLS-VH thông qua việc xuất bản các ấn phẩm sách, báo, tạp chí, phim tư liệu… nhằm giáo dục truyền thống văn hóa cho nhân dân địa phương, khẳng định giá trị của các di tích lịch sử, văn hóa và tính cấp thiết của công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa ở Đồng Nai. Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu được Nhà nước và tỉnh Đồng Nai quan tâm thực hiện tiêu biểu như: Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, truyện cổ dân gian Đồng Nai, Làng Bến Gỗ xưa và nay, Làng Bến cá xưa và nay, Cù Lao Phố lịch sử và văn hóa, Danh lam tự cổ Đồng Nai, Hào khí Đồng Nai... Về phim tài liệu có: Danh lam cổ tự Đồng Nai, Gốm Biên Hòa, Hào khí Đồng Nai, Nghề điêu khắc đá ở Bửu Long, Lễ hội đâm trâu của người Mạ...

Thực tế, hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị DTLS-VH ở Đồng Nai trước năm 1996 được Đảng bộ, chính quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện hiệu quả. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố tác động, công tác bảo vệ và phát huy các DTLS-VH giai đoạn này còn những hạn chế nhất định:

Một là, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân địa phương về vị trí, tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội của Đồng Nai còn hạn chế. Do đó, chưa có sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời, dẫn đến tình trạng nhiều DTLS-VH chưa được tôn tạo, bảo tồn và trùng tu đúng mức, chưa phát huy được những giá trị của di tích đối với sự phát triển kinh tế nói chung và kinh tế du lịch nói riêng.

Hai là, nhiều DTLS-VH bị xuống cấp do chưa được trùng tu, tôn tạo kịp thời hoặc trùng tu chưa tương xứng, một số di tích bị xóa bỏ để xây dựng công trình mới (di tích Tòa Bố Biên Hòa[1]). Việc lập hồ sơ xếp hạng di tích chưa đáp ứng yêu cầu, chưa đúng với thực tế, nhiều di tích chưa được khoanh vùng bảo vệ đầy đủ như: Không đưa di tích Miếu Tổ Sư vào khoanh vùng bảo vệ trong khu di tích danh thắng Bửu Long; di tích Nhà lao Tân Hiệp rộng 36.000m^2 nhưng khi xếp hạng chỉ khoanh vùng được 1.600m^2, nhiều hạng mục gốc bị xóa sổ; nhiều di tích có hai tiêu chí nổi bật nhưng khi nghiên cứu lập hồ sơ khoa học lại đề xuất công nhận di tích với một tiêu chí như: Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Long Thiền có hai tiêu chí là lịch sử và văn hóa có giá trị ngang nhau, nhưng đề nghị xếp hạng dựa trên một tiêu chí lịch sử. Tình trạng lấy cắp hiện vật (sắc thần, đồ thờ, vật trang trí), hành vi xâm lấn đất di tích còn xảy ra ở nhiều di tích trong tỉnh...

Ba là, hoạt động phát huy giá trị các DTLS-VH gặp nhiều khó khăn do Bảo tàng tỉnh Đồng Nai chưa có cơ sở ổn định, phải di chuyển nhiều lần đến các địa chỉ tọa lạc khác nhau, các cơ sở làm việc chỉ có phòng làm kho lưu trữ và bảo quản tài liệu, hiện vật, chưa có phòng trưng bày cố định để phục vụ nhân dân và khách tham quan. Các hoạt động phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch trước năm 1996 chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương. Các dự án khai thác

[1] Nay là Trụ sở cơ quan khối Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

giá trị DTLS-VH gắn với phát triển du lịch còn hạn chế, thiếu các phương án đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, chưa xây dựng được các sản phẩm du lịch văn hóa phù hợp với tiềm năng di sản sẵn có của tỉnh, chưa có các giải pháp để khai thác giá trị di sản văn hóa phụ vụ phát triển du lịch hiệu quả.

Nhìn chung, công tác bảo tồn và phát huy giá trị DTLS-VH của Đồng Nai trước năm 1996 đã đạt nhiều kết quả quan trọng, thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ và nhân dân địa phương. Mặc dù, còn nhiều hạn chế khách quan và chủ quan, nhưng những kinh nghiệm từ giai đoạn này là tiền quan trọng để Đảng bộ tỉnh Đồng Nai tiếp tục đề ra chủ trương đúng đắn để lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH đạt hiệu quả trong các giai đoạn tiếp theo.

2.2. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa từ năm 1996 đến năm 2005

2.2.1. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Đồng Nai là vùng đất địa linh nhân kiệt gắn với nhiều DTLS-VH, đánh dấu quá trình khai hoang, mở cõi, chống thù trong giặc ngoài của cha ông ta trong lịch sử. Với vị trí địa lý thuận lợi, được thiên nhiên ưu đãi ban tặng nhiều thắng cảnh đẹp, hệ thống DTLS-VH ở Đồng Nai khá đa dạng, phong phú góp phần tạo nên bản sắc văn hóa riêng của Đồng Nai. Các DTLS-VH của địa phương là nguồn lực quan trọng góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển nhanh và bền vững.

Nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí của văn hóa nói chung và giá trị các DTLS-VH nói riêng gắn với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, tại Đại hội lần thứ VI (nhiệm kỳ 1996-2000), Đảng bộ tỉnh Đồng Nai xác định phương hướng tổng quát trong 5 năm tới là:

"Giữ vững và tăng cường ổn định chính trị; nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thử thách; khai thác và tận dụng mọi nguồn lực cho yêu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phấn đấu xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh công nghiệp phát triển, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch,

tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ với mức tăng trưởng cao, liên tục, bền vững để đến năm 2000 hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế liên tục, vững chắc với giải quyết các vấn đề về văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, nâng dần mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân" [155, tr. 45-46].

Trên cơ phân tích sâu sắc những thành tựu và hạn chế trong xây dựng và phát triển văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đưa ra chủ trương: "giải quyết tốt các vấn đề văn hóa - xã hội, gắn với tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội" [155, tr. 61]; gắn chặt chiến lược xây dựng và phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đa dạng, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, bảo đảm công cuộc xây dựng và phát triển bền vững của tỉnh, phù hợp với lợi tích của con người và cộng đồng xã hội. Cùng với việc xác định quan điểm, chủ trương cho phát triển văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chỉ rõ nhiệm vụ xây dựng các công trình văn hóa phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể của địa phương; xây dựng chương trình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin và thể dục thể thao gắn với việc phục vụ nhiệm vụ chính trị, các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh; kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, các quan điểm văn hóa - nghệ thuật lệch lạc, mơ hồ, các văn hóa phẩm độc hại phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc; đầu tư thích đáng xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động văn hóa để nâng dần mức sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, nhất là ở nông thôn, các xã miền núi. Đặc biệt, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhấn mạnh nhiệm vụ:

"Thực hiện tốt công tác bảo tồn, bảo tàng. Tu bổ, tôn tạo đi đôi với quản lý bảo vệ, khai thác tốt các di tích văn hóa lịch sử nhằm giáo dục truyền thống dân tộc cho các thế hệ, nhất là thanh thiếu niên và thu hút khách tham quan du lịch, giới thiệu văn hóa Việt Nam với nước ngoài" [155, tr. 67].

Ngày 10-1-1997, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 18 NQ/TU năm 1996 và ra Nghị quyết nhiệm vụ của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 1997. Nghị quyết đưa ra 5 mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Đồng Nai đến năm 2000. Trong đó, nhấn mạnh đến mục

tiêu "phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội vì mục tiêu xây dựng xã hội công bằng, văn minh" [4, tr. 145].

Quán triệt vận dụng quan điểm của Đảng về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, ngày 4-11-1998, Tỉnh ủy Đồng Nai ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TU Về Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (Khóa VIII) "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc". Trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng, căn cứ vào thực tiễn địa phương, Đảng Bộ tỉnh Đồng Nai đưa ra phương hướng tổng quát là:

"Tập trung thực hiện và phát huy chủ nghĩa yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ, tự cường xây dựng và phát huy tryền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại; làm cho ý thức văn hóa dân tộc, những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp, sống có đạo lý, trọng nghĩa tình thấm sâu vào từng gia đình, từng cá nhân, từng tập thể và cộng đồng trong mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ xã hội, tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội" [156, tr. 8].

Trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đặc biệt chú trọng đến một số vấn đề chủ yếu sau:

Xây dựng phương án bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, bao gồm di sản văn hóa dân gian truyền thống, nhất là các di sản văn hóa quốc gia, di sản cách mạng tiêu biểu và di sản cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn.

Xây dựng quy hoạch tổng thể các di sản văn hóa được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận, có phương thức bảo tồn và biện pháp quản lý huy động các nguồn lực của xã hội; tôn tạo, giữ gìn di sản văn hóa dân tộc (cả các di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc ít người trên địa bàn).

Từng bước quy hoạch, có phương thức bảo tồn và biện pháp quản lý, áp dụng công nghệ, kỹ thuật lưu trữ tiên tiến, nghiên cứu, sưu tầm và bảo tồn những

di sản văn hóa tinh thần tiêu biểu độc đáo ở địa phương, ưu tiên đối với những dân tộc ít người, những nghệ nhân cao tuổi và những trung tâm văn hóa dân gian tiêu biểu.

Tiếp tục triển khai chương trình về văn hóa: Chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử. Điều tra sưu tầm, nghiên cứu, phát huy vốn văn hóa dân tộc [156, tr. 17].

Đây là những định hướng quan trọng để Đảng bộ tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở tổng kết những thành tựu kinh tế - xã hội đã đạt được, Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa VII đã chỉ ra những tồn tại, yếu kém và những bài học kinh nghiệm giai đoạn 1996-2000, từ đó đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong nhiệm kỳ 2001-2005, cụ thể: Về phương hướng, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chỉ rõ: Tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, giữ vững ổn định chính trị, phát huy tối đa mọi nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh phù hợp tiến trình hội nhập quốc tế và khu vực góp phần tích cực đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung sức phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, lợi thế ở địa phương; ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ phục vụ sản xuất vào đời sống, tạo nền tảng đến năm 2010 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao, bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân với thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ và tái tạo môi trường sinh thái. Phấn đấu đến năm 2010 tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người tăng hơn 2 lần so với năm 2000 với cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hợp lý, làm giảm đáng kể tình trạng chênh lệch giữa thành thị và nông thôn [157, tr. 32].

Trong sự nghiệp văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chủ trương cải tiến hình thức, nội dung nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan thông tin tuyên truyền, báo đài, xuất bản. “Phát triển các loại hình văn hóa hiện đại, nhưng phải chú trọng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc” [157, tr. 50]. Đồng thời, quản lý tốt các hoạt động văn hóa - thông tin - thể dục

thể thao trên địa bàn. Hướng dẫn nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, xây dựng gia đình văn hóa, làng, ấp văn hóa, nếp sống văn minh đô thị. Phấn đấu đến năm 2005 có trên 50% ấp, khu phố được công nhận đạt danh hiệu văn hóa và 70% hộ gia đình đạt gia đình văn hóa [157, tr. 50]. Chú trọng tăng cường đầu tư trang thiết bị củng cố nhân lực, công tác quản lý của Đài phát thanh truyền hình đảm bảo đủ điều kiện nâng cao chất lượng nội dung chương trình và phủ sóng trong khu vực các tỉnh miền Đông; Đầu tư chiều sâu cho cơ sở văn hóa, đặc biệt là việc quy hoạch và triển khai xây dựng các thiết chế văn hóa ở xã, phường theo hướng hoạt động đa năng, gắn hoạt động văn hóa với du lịch, thể thao và vui chơi, giải trí. Hơn nữa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chú trọng "củng cố tổ chức và hoạt động của Nhà Bảo tàng, đẩy mạnh công tác quản lý, tôn tạo, bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử trên địa bàn tỉnh phục vụ tốt hơn nữa yêu cầu giáo dục truyền thống văn hóa, cách mạng cho các thế hệ trẻ" [157, tr. 51].

Để triển khai hiệu quả Nghị quyết Trung ương khóa 8 về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc" và triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII, ngày 15-1-2002, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai ban hành Nghị quyết số 18/NQ-TU về "Phát triển sự nghiệp văn hóa thông tin". Trong đó, nhấn mạnh đến vấn đề thực hiện các mục tiêu về văn hóa đã nêu ra trong Nghị quyết Đại hội VII của Đảng bộ tỉnh; đồng thời, chú trọng phát triển nguồn nhân lực ngành văn hóa thông tin, xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở, chế độ chính sách đối với hoạt động văn hóa thông tin, thông tin lưu động.

Như vậy, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH là định hướng đúng đắn và kịp thời, thể hiện tầm nhìn chiến lược trong việc gìn giữ những giá trị cốt lõi của văn hóa dân tộc. Đây là nền tảng quan trọng để chính quyền các cấp, các ngành và toàn xã hội cùng chung tay thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn, đưa di sản trở thành "nguồn lực mềm" để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Qua đó, góp phần xây dựng Đồng Nai ngày càng văn minh, hiện đại và đậm đà bản sắc văn hóa riêng có của vùng đất giàu truyền thống lịch sử.

2.2.2. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chỉ đạo công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

2.2.2.1. Chỉ đạo công tác xây dựng cơ chế, tổ chức bộ máy quản lý di tích lịch sử - văn hóa

Đồng Nai có nhiều di sản văn hóa phong phú và đa dạng với loại hình như: khảo cổ, di tích lịch sử, kiến trúc, tín ngưỡng, lưu niệm danh nhân, truyền thống cách mạng... góp phần tạo nên diện mạo văn hóa Đồng Nai đặc sắc trong quá trình hình thành và phát triển. Để triển khai hiệu quả nhiệm vụ bảo tồn DTLS-VH của địa phương, năm 1976, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo thành lập Ty văn hóa Thông tin tỉnh Đồng Nai trên cơ sở Ban Tuyên huấn khu Đông Nam Bộ, sau đó đổi tên thành Sở Văn hóa Thông tin (SVHTT) Đồng Nai. Sau khi được thành lập, Ty văn hóa Thông tin Đồng Nai đã tiến hành sưu tập tài liệu lịch sử liên quan về những di tích có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học trên địa bàn tỉnh để tiến hành lập hồ sơ, đề nghị công nhận, xếp hạng các di tích; đồng thời, đặt trách nhiệm đối với chính quyền, nhân dân trong việc gìn giữ, phát huy giá trị các di tích.

Tháng 12-1990, SVHTT Đồng Nai và Sở Thể dục thể thao Đồng Nai được sáp nhập thành Sở Văn hóa Thông tin và Thể thao Đồng Nai (theo Quyết định số 694/QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai). Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, Sở Văn hóa, Thông tin - Thể thao Đồng Nai (SVHTT-TT) đã xây dựng Báo cáo về hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao của tỉnh trong từng năm nhằm đánh giá khách quan những thành tựu đạt được; chỉ ra những hạn chế, yếu kém còn tồn tại. Trên cơ sở đó, SVHTT-TT Đồng Nai xác định phương hướng, mục tiêu, giải pháp phát triển sự nghiệp văn hóa của tỉnh trong những năm tiếp theo. Trong Báo cáo số 18/BC-VHTT (ngày 1-8-1996) và Báo cáo số 38/BC-VHTT-TT (ngày 20-12-1996) về hoạt động thông tin - thể thao của tỉnh năm 1996, SVHTT-TT Đồng Nai đã đánh giá khách quan những thành tựu và hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực văn hóa ở cơ sở, đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề:

"Bộ máy quản lý thống nhất của ngành ở cấp huyện, xã đến nay vẫn chưa được tổ chức thống nhất nên chưa tạo được sự mạnh của toàn ngành. Đến nay mới

có 4/9 huyện có Trung tâm văn hóa thông tin, tổ chức bộ máy chưa thống nhất, chưa ổn định, hoạt động bị hạn chế" [65, tr. 6].

Trước những khó khăn, vướng mắc chưa được giải quyết, SVHTT-TT Đồng Nai đã kiến nghị với UBND tỉnh, Bộ Văn hóa Thể thao hỗ trợ thúc đẩy hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao ở địa phương hoạt động hiệu quả hơn nữa.

Để hoàn thành các mục tiêu về phát triển văn hóa do Đảng bộ tỉnh đề ra, SVHTT-TT Đồng Nai còn chủ động xây dựng phương hướng, nhiệm vụ triển khai đường lối xây dựng và phát triển văn hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII. Trong Báo cáo số 38/BC-VHTT (ngày 25-2-1997) và Báo cáo số 35/BC.VHTT-TT (ngày 5-12-1997) SVHTT-TT Đồng Nai đặc biệt nhấn mạnh đến các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa ở địa phương theo định hướng của Đảng. Căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ phát triển văn hóa của Đảng bộ tỉnh, SVHTT-TT Đồng Nai đã lập kế hoạch bao quát, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đề ra. Đồng thời, đề xuất giải pháp và kiến nghị với UBND tỉnh, Bộ Văn hóa Thông tin, Ban Tổ chức Chính Phủ những vấn đề liên quan trực tiếp đến lĩnh vực văn hóa của Đồng Nai.

Để nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác văn hóa và lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH tại địa phương, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo kiện toàn bộ máy đội ngũ cán bộ, chuyên viên văn hóa; chú trọng chăm lo, nâng cao nhận thức cách mạng cho đội ngũ làm công tác văn hóa; đồng thời, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo ngắn hạn, dài hạn cho mọi đối tượng từ cán bộ chuyên trách cấp xã, phường, cán bộ người dân tộc ít người, vùng núi đến cán bộ nguồn trong diện quy hoạch đào tạo trên đại học để từng bước chuẩn hóa cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, phát triển đội ngũ đồng bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới [156, tr. 20]. Hơn nữa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với cán bộ văn hóa, đặc biệt là cán bộ ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về triển khai Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, SVHTT-TT Đồng

Nai đã phối hợp chặt chẽ của các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao, văn nghệ sôi nổi, chủ động tuyên truyền, mở rộng các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao đến toàn thể nhân dân trong tỉnh nhằm tạo không khí vui tươi, bổ ích, tạo ra nhiều hoạt động gắn kết cộng đồng, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của con người Đồng Nai. Sau một năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), ngành Văn hóa, Thông tin - Thể thao Đồng Nai đã đạt được những kết quả nhất định. Trên cơ sở khái quát đặc điểm tình hình của địa phương, SVHTT-TT Đồng Nai đã khái quát những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực như thông tin cổ động, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, sản xuất kinh doanh. Đồng thời, chỉ ra những khó khăn còn tồn tại trong công tác văn hóa, thông tin, thể thao của tỉnh trong năm 1999. Trong đó, nhấn mạnh đến khó khăn về việc thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, kinh phí còn hạn hẹp, cơ sở vật chất còn thiếu thốn...

Năm 2001 là năm đầu tiên Đồng Nai triển khai thực hiện chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội (2001-2010) của Đảng và hiện thực hóa các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa VII, được sự quan tâm sâu sắc của các cấp lãnh đạo, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, ngành Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai đã hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm đặt ra trong giai đoạn (1996-2000). Trong thời gian này, SVHTT Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 833/2001/QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho UBND thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao và du lịch; thực hiện một số quyền hạn theo ủy quyền của UBND tỉnh. SVHTT Đồng Nai là cơ quan trực tiếp xây dựng các quy chế về quản lý, bảo tồn di sản văn hóa ở địa phương; tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ di tích; quản lý, hướng dẫn thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa; thực hiện thẩm định, thu nhận, bảo quản di tích, cổ vật, bảo vật… Ngay sau khi được thành lập, SVHTT Đồng Nai đã xây dựng Chương trình số 50/CT.SVHTT-TT về hoạt động văn hóa - Thông tin năm 2001

và báo cáo với UBND tỉnh về công tác văn hóa thông tin trong năm 2000. Trên cơ sở đánh giá giá khách quan thành tựu và hạn chế của ngành trên các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, bảo tồn, bảo tàng, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở... SVHTT Đồng Nai nhấn mạnh đến một số vấn đề chưa được giải quyết như kinh phí đầu tư cơ sở vật chất phục vụ sự nghiệp phát triển văn hóa, sự chênh lệch trong hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, chính sách bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương. Đồng thời, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa thông tin - thể dục thể thao của địa phương trong những năm tiếp theo. Trong vấn đề xây dựng tổ chức bộ máy ngành, SVHTT Đồng Nai nhấn mạnh cần "củng cố hệ thống tổ chức bộ máy của ngành, ổn định tổ chức, tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) đi đôi với việc chăm lo đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức của ngành, đảm bảo hoàn thành mọi nhiệm vụ, kế hoạch được giao" [86, tr. 14]. "Tăng cường bổ sung nhân sự Ban Giám đốc, Ban cán sự của 2 Sở. Kiện toàn sắp xếp bộ máy ổn định theo tinh thần thông tư liên bộ 28 của Bộ Văn hóa Thông tin, Ban Tổ chức Chính phủ, Ủy ban Thể dục Thể thao" [86, tr. 15]. SVHTT Đồng Nai kiến nghị 100% xã, phường có đủ cán bộ theo Nghị quyết số 812.QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của ngành.

Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của Bộ Văn hóa Thông tin và Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, xuất phát từ thực tiễn tình hình của địa phương, SVHTT Đồng Nai đã xây dựng Chương trình hành động số 07/SVHTT ngày 1-3-2002 nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết 18/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về nâng cao chất lượng giáo dục - phát triển văn hóa - khoa học công nghệ". Trong đó, nhấn mạnh đến công tác bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; khai thác, chăm sóc, tôn tạo các di tích xếp hạng cấp quốc gia nhằm gìn giữ bản sắc và truyền thống dân tộc; xây dựng quy chế quản lý, tu bổ các di tích của địa phương như Đền Nguyễn Tri Phương, Chiến khu Đ, Đình Tân Lân, địa đạo Phước An... [89, tr. 3]. Ngoài ra, SVHTT Đồng Nai còn đề xuất một số giải pháp triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 18/TU của

Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, đặc biệt quan tâm đến vấn đề đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực ngành văn hóa thông tin; kiện toàn bộ máy các phòng ban VHTT-TT và các Trung tâm Văn hóa thông tin và đội ngũ cán bộ.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về việc quản lý di tích, danh thắng, SVHTT Đồng Nai đã triển khai thành lập Ban Quản lý di tích căn cứ Khu ủy miền Đông (kèm theo Tờ trình 60/TT-S.VHTT ngày 28-12-2001) gồm 8 người, có nhiệm vụ quản lý, bảo vệ di tích; tổ chức, hướng dẫn khách tham quan khu di tích; tham mưu, nghiên cứu, đề xuất sưu tầm tư liệu, hiện vật lịch sử có liên quan đến di tích, đề xuất với cấp trên các phương án trùng tu, tôn tạo di tích khi cần thiết. Ban Quản lý di tích căn cứ Khu ủy miền Đông được thành lập đánh dấu bước đột phá trong công tác quản lý di tích của địa phương, thể hiện sự chỉ đạo đúng đắn của Đảng bộ, UBND tỉnh Đồng Nai trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ở địa phương. Tiếp đó, SVHTT Đồng Nai đã triển khai thành lập bộ máy Ban quản lý di tích lịch sử căn cứ Khu ủy miền Đông và thành lập Phòng quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa - Thông tin; thống nhất với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh trình Chủ tịch UBND Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động của Ban quản lý di tích Căn cứ khu ủy miền Đông (Chiến khu Đ) trong tháng 5-2002 nhằm theo dõi chặt chẽ, chỉ đạo khai thác hiệu quả các công trình lịch sử và di tích văn hóa đã được Nhà nước xếp hạng, đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Ngày 1-8-2002, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Chỉ thị số 22/CT-UBND về "Bảo vệ di sản văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai" quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa. Chỉ thị nêu rõ công tác bảo vệ di sản văn hoá dân tộc trên địa bàn tỉnh cần tập trung vào những nội dung chủ yếu:

Thứ nhất, xác nhận trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khi phát hiện di sản văn hóa: Tất cả các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (kể cả công dân các tỉnh và công dân là người nước ngoài đang làm việc tại tỉnh Đồng Nai) khi phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có trách nhiệm thông báo cho cơ quan hành

chính nhà nước nơi gần nhất biết địa điểm để khai quật và giao nộp di vật do mình phát hiện được.

Thứ hai, quy định về vấn đề quy hoạch phát triển đô thị, trong đó nhấn mạnh: Khi sử dụng đất để xây dựng các cơ sở, công trình kinh tế, xã hội phải thực hiện công việc giám sát, khẳng định giá trị văn hóa trên diện tích đất sử dụng để kịp thời xử lý theo Luật bảo vệ di sản văn hóa. Nếu trong quá trình xây dựng công trình, phát hiện các di vật, hiện vật trên hiện trường, trong lòng đất, các tổ chức, cá nhân phải tạm dừng thi công và thông báo cho SVHTT hướng dẫn tiến hành theo quy định của Nhà nước.

Thứ ba, Giám đốc SVHTT có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện từng giải pháp cụ thể, phối hợp với các ngành chức năng có liên quan và UBND các huyện, thành phố thực hiện nghiêm túc việc quản lý, bảo vệ di tích, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hoạt động đào bới, trục vớt trái phép các di chỉ khảo cổ học trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ tư, phát huy vai trò của Báo, Đài Phát thanh Truyền hình Đồng Nai trong việc đưa tin, bài nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức giáo dục pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, chính quyền và mọi tầng lớp nhân dân trong việc bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc.

Thứ năm, UBND các huyện, thành phố Biên Hòa chỉ đạo UBND các xã, phương, thị trấn phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tại địa phương mở cuộc vận động tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân hiểu biết về những quy định của nhà nước về bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc, đưa nội dung này vào hương ước, quy ước để nhân dân bàn bạc, dân chủ, xây dựng và thực hiện. Chỉ thị quy định rõ trách nhiệm của UBND các xã phường, thị trấn trong việc phối hợp quản lý, bảo vệ di tích [201, tr. 1-2].

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, SVHTT Đồng Nai đã xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động của ngành, tiến hành tổng kết đánh giá hoạt động văn hóa, thông tin. Trên cơ ở đó, SVHTT Đồng Nai đã chỉ ra những khó khăn còn

tồn tại và đề xuất một số giải pháp chủ yếu, nhấn mạnh đến vấn đề chăm lo đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành từ tỉnh tới cơ sở; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hoạt động văn hóa, đầu tư cơ sở vật chất nâng cao chất lượng của các phòng, ban Văn hóa thông tin... Tiếp đó, SVHTT Đồng Nai đã xây dựng Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai (kèm theo Quyết định số 185/QĐ-SVHTT ngày 5-4-2006). Theo Quyết định này, Ban Quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai là một đơn vị sự nghiệp thuộc SVHTT Đồng Nai có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, có nhiệm vụ tham mưu cho SVHTT thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về di tích, danh thắng của địa phương theo quy định của Nhà nước; tham mưu cho SVHTT, UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý di tích, danh thắng; Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập tư liệu hồ sơ khoa học trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét, công nhận di tích, danh thắng. Tổ chức bộ máy và các phòng ban chuyên môn của Ban Quản lý Di tích và Danh thắng thực hiện nhiệm vụ theo từng lĩnh vực công tác được phân công. Sau khi được thành lập, Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Đồng Nai đã nhanh chóng triển khai hướng dẫn thực hiện Luật Di sản văn hóa, các quy định của Nhà nước và Chính phủ và của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị DTLS-VH ở các huyện, các xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; đồng thời, tham mưu cho SVHTT, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành một số văn bản liên quan đến công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích trên địa bàn tỉnh tiêu biểu như Văn bản số 591/SVHTT ngày 29-9-2005 đề nghị UBND tỉnh xếp hạng di tích năm 2005 và 2006; Văn bản số 595/SVHTT-NV ngày 3-10-2005 xin điều chỉnh kế hoạch đăng ký xếp hạng di tích năm 2005, đăng ký với UBND tỉnh xếp hạng 05 di tích cấp tỉnh gồm: Thành Biên Hòa, Nhà cổ Trần Ngọc Du, Đình Phú Mỹ, chùa Hóc Ông Che, Núi Chứa Chan; Đây là những văn bản pháp lý quan trọng để các cơ quan chuyên môn của tỉnh xây dựng và triển khai quy hoạch về quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn thực hiện CNH, HĐH.

Nhìn chung, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, công tác xây dựng cơ chế, tổ chức bộ máy quản lý DTLS-VH được thực hiện hiệu quả. Hầu hết cán bộ, đảng viên của ngành văn hóa có lập trường, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy với công việc. Bộ máy quản lý DTLS-VH hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cơ chế phối hợp giữa các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể được xác lập và ngày càng hoàn thiện theo hướng rõ trách nhiệm, đồng bộ hóa và gắn kết chặt chẽ. Trong đó, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai vừa là nhân tố quyết định phương hướng, vừa là chất xúc tác tạo nên sự lan tỏa, đồng thuận và huy động nguồn lực trong toàn xã hội cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH. Tuy nhiên, trong lãnh đạo và quản lý có lúc có biểu hiện buông lỏng, né tránh, hữu khuynh. Việc phối hợp giữa các đơn vị vẫn còn thiếu nhịp nhàng; một số địa phương còn lúng túng trong tổ chức thực hiện hoặc chậm cụ thể hóa chủ trương thành hành động cụ thể. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ còn nhiều bất cập [156, tr. 7]. Vì vậy, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cần có những giải pháp đồng bộ để phát huy những thành tựu đạt được, đồng thời khắc phục những hạn chế còn tồn tại, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương.

2.2.2.2. Chỉ đạo công tác bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa

Bảo tồn DTLS-VH là hoạt động gìn giữ tính nguyên gốc ban đầu của di tích, bảo vệ di tích không bị hư hỏng, mai một. Bảo tồn giá trị các DTLS-VH nhằm mục đích trước tiên và trên hết nhằm giữ gìn tính nguyên vẹn, không biến đổi và lâu dài của các di tích. Duy trì sự nguyên vẹn của di tích là giữ gìn những thông tin lịch sử mà di tích hàm chứa như đặc điểm, tính nguyên gốc và thời gian của di tích. Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước Việt Nam, Đảng bộ Đồng Nai đã chỉ đạo các cấp, các ngành ở địa phương thực hiện nghiêm túc các nội dung về bảo tồn, tu bổ, tôn tạo phục hồi di tích đảm bảo giữ nguyên vẹn giá trị của di tích.

Tháng 8-2003, UBND tỉnh Đồng Nai Công văn số 3188/UBT chỉ đạo SVHTT-TT và Nhà Bảo tàng Đồng Nai tiến hành khảo sát thực tế tình trạng các di tích, điều tra di tích phổ thông, lập hồ sơ công nhân di tích theo quy định nhằm đề xuất các phương án, biện pháp giải quyết, kịp thời quy hoạch bảo vệ di sản văn hóa. Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Văn hóa - Thông tin, Cục Bảo tồn - Bảo tàng và sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh, SVHTT-TT Đồng Nai đã lập kế hoạch tổng điều tra di tích. Công tác kiểm kê, điều tra di tích được thực hiện từ năm 1999 đến tháng 4-2005 trên địa bàn 8 huyện và 01 thành phố nhằm tạo cơ sở cho việc phân loại, quy hoạch di tích, giúp cho việc quản lý, bao gồm: phân cấp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích, tiến tới duy hoạch di tích trên địa bàn tỉnh. Đối tượng điều tra là tất cả các DTLS-VH, di tích cách mạng, di tích tín ngưỡng, tôn giáo dân gian là hệ thống các đình, chùa. Kết quả điều tra, kiểm kê di tích có ý ngĩa quan trọng giúp các cơ quan chức năng nắm được những vấn đề liên quan đến nội dung, hiện trạng, tình hình bảo vệ, việc sử dụng và phát huy tác dụng của các di tích đó. Thông qua đợt điều tra này, SVHTT-TT Đồng Nai đã kiểm kê, đánh giá với 1.161 di tích. Trong đó, có 30 di tích (5 di tích cấp tỉnh, 25 di tích cấp quốc gia), gồm nhiều loại hình như đình, miếu, chùa, nhà thờ, mộ cổ, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - cách mạng... [108, tr. 1] đã được xếp hạng từ năm 1997 đến năm 2005. Đặc biệt, năm 1998, Bảo tàng Đồng Nai đã phối hợp với Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh và các chuyên gia của trường Đại học Nữ Chiêu Hòa (Nhật Bản) tiến hành điều tra khảo sát 401 ngôi nhà ở dân gian truyền thống trên địa bàn tỉnh và chọn ra 25 ngôi nhà tiêu biểu, đặc sắc đưa vào diện nghiên cứu, bảo tồn lâu dài [65, tr. 22]. Ở các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, Long Khánh, Xuân Lộc và thành phố Biên Hòa, Nhà bảo tàng Đồng Nai đã thực hiện điều tra, khảo sát, kiểm kê đối với 950 di tích gồm đình, chùa, miếu, am, nhà thờ. Trong đó, có 42 ngôi đình tiêu biểu, mang đậm dấu ấn lịch sử và văn hóa con người Đồng Nai thời kỳ mở đất. Thông qua việc điều tra, kiểm kê cho thấy, các di tích được xếp hạng do nhiều cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý hoặc do tư nhân sở hữu, các công trình kiến trúc nghệ thuật

như đình, chùa, miếu còn do các tổ chức như Ban Quản trị, Ban Trị sự tham gia quản lý. Thực trạng đó khiến cho việc bảo vệ, sửa chữa cũng như khai thác và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai khó được thực hiện một cách thống nhất và đồng bộ. Thông qua kết quả điều tra, kiểm kê phổ thông di tích đã giúp cho việc phân loại di tích được thực hiện hiệu quả. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất việc phân cấp quản lý, lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ, trùng tu, tôn tạo di tích. Đây là cơ sở quan trọng để tỉnh Đồng Nai tiếp tục hoàn chỉnh, tiến tới quy hoạch di tích ở địa phương trong giai đoạn tiếp theo.

Sau khi *Luật Di sản văn hóa* được ban hành (năm 2001), SVHTT-TT Đồng Nai đã kết hợp chặt chẽ với Phòng Văn hóa - Thông tin các quận, huyện giải quyết những vấn đề liên quan đến quản lý các loại hình DTLS-VH ở nhiều địa phương như: Văn bản số 397/SVHTT ngày 4-8-2003 về việc bảo vệ 42 di tích (kèm theo danh mục đình); Văn bản số 27/SVHTT ngày 12-1-2004 về bảo tồn nguyên trạng di tích "Thành Biên Hòa"; Văn bản số 232/SVHTT ngày 13-6-2004 đề nghị UBND tỉnh cho phép Nhà Bảo tàng lập dự án nâng cấp di tích nhà lao Tân Hiệp với các hạng mục như nâng cấp mặt nền di tích, nhà trưng bày, nhà bảo vệ, cổng, tường rào... Nhìn chung, sau khi *Luật Di sản văn hóa* được ban hành, hoạt động bảo tồn, trùng tu các DTLS-VH ở Đồng Nai đã có nhiều khởi sắc:

Về kiểm kê, xếp hạng di tích đã được thực hiện chặt chẽ, theo đúng quy định của Nhà nước và Thông tư số 09/2011/TT-BVHTT của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trên cơ sở kết quả kiểm kê phổ thông di tích và danh thắng trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai đã giao cho ngành văn hóa chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ngành chức năng có liên quan tiếp tục nghiên cứu, khảo sát xác định giá trị, lập hồ sơ xếp hạng đối với các công trình, địa điểm đủ tiêu chí xếp hạng và trình UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận di tích cấp tỉnh hoặc đề xuất với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét công nhận khi đủ tiêu chuẩn di tích cấp quốc gia. Các DTLS-VH sau khi được xếp hạng đều được khoanh vùng, cắm mốc và trùng tu, bảo tồn theo đúng quy định của *Luật Di sản văn hóa*. Quy trình xếp hạng và hồ sơ di tích được thực hiện nghiêm ngặt, theo trình tự nhất định

nhằm tránh tình trạng lãng phí, rườm rà trong quá trình xử lý các thủ tục hành chính. Việc xác định giá trị di tích và khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích được thực hiện chặt chẽ, khoa học hơn, số lượng di tích được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh tăng lên, đáp ứng nguyện vọng tìm hiểu về văn hóa, lịch sử, con người của vùng đất Đồng Nai.

Về việc quy hoạch, quản lý di tích, SVHTT tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo lập bản đồ di tích, trong đó có chấm điểm các di tích đã được xếp hạng, có bảng chú thích các công trình, địa điểm dự kiến lập hồ sơ xếp hạng di tích dựa trên kết quả của công tác điều tra phổ thông di tích đã được thực hiện trước đó. Đồng thời, thực hiện phân cấp quản lý di tích dựa trên quy mô, số lượng các di tích phân bố tại các địa phương như Ban Quản lý di tích xã Hiệp Hòa, Ban quản lý di tích Căn cứ khu ủy miền Đông (Chiến khu Đ)... Qua đó, tăng cường quyền hạn, trách nhiệm cho cơ sở, bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất và thông suốt của các cấp chính quyền, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH.

Công tác bảo quản, tôn tạo và trùng tu di tích được cơ quan chuyên môn của tỉnh Đồng Nai thực hiện với nhiều hình thức khác nhau như: Bảo quản thông thường, định kỳ ngắn hạn, dài hạn và chống xuống cấp di tích; Thường xuyên kiểm tra, phát hiện vấn đề, tùy theo tình trạng của mỗi di tích, trên cơ sở đó lập kế hoạch và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện bảo quản, tu bổ, sữa chữa kịp thời, nhằm hạn chế sự xuống cấp và làm thay đổi cảnh quan môi trường khu di tích; Xây dựng kế hoạch trùng tu, tôn tạo, bảo vệ và sử dụng theo Pháp lệnh của Nhà nước; Tổ chức thực hiện bảo tồn, tôn tạo di tích theo đúng quy định, đảm bảo đúng tiến độ, giữ vững yếu tố gốc của di tích; Xử lý mối mọt, nấm mốc nhằm bảo quản tốt cho các di tích được xếp hạng. Cùng với việc bảo quản, trùng tu, tôn tạo di tích, các cơ quan chức năng của tỉnh còn phối hợp chặt chẽ để xử lý các hành vi xâm phạm di tích như lấn chiếm đất đai di tích, sử dụng sai chức năng, tùy tiện sửa chữa hoặc xây dựng các công trình mới trong di tích. Ngoài ra, SVHTT Đồng Nai còn thường xuyên tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các

quy định của pháp luật về di sản văn hóa, thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn nâng cao nghiệp vụ, kiến thức về công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH cho cơ sở, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan, các địa phương để kịp thời giải quyết những vướng mắc về công tác quản lý, bảo quản di tích, góp phần đưa hệ thống DTLS-VH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thực sự phát huy giá trị, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong giai đoạn 1996-2005, tỉnh Đồng Nai đã thực hiện tôn tạo, trùng tu đối với một số di tích như: Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, khu mộ Trịnh Hoài Đức, xây dựng tượng đài chiến thắng La Ngà và đặc công Rừng Sác, bia tưởng niệm xã Hiệp Hoà, thi công hạng mục nhà chính của Văn miếu Trấn Biên; trùng tu, tôn tạo di tích căn cứ Trung ương cục miền Nam... Nhờ bảo tồn được nhiều giá trị nguyên gốc của di tích, nên trong những năm 1996-2005, tỉnh Đồng Nai đã thu hút một số lượng lớn khách du lịch đến tham quan, tìm hiểu về vùng đất, con người và văn hóa Đồng Nai.

Nhìn chung, trong giai đoạn 1996-2005, công tác bảo tồn các DTLS-VH ở tỉnh Đồng Nai đã có những chuyển biến tích cực, bước đầu đạt được một số kết quả quan trọng: Đảng bộ tỉnh và chính quyền các cấp đã thể hiện sự quan tâm, chú trọng hơn đến việc bảo tồn di tích. Các cơ quan chức năng đã nỗ lực triển khai công tác điều tra, sưu tầm, phân loại và lập hồ sơ xếp hạng cho nhiều loại hình di tích; từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý di tích ở địa phương. Công tác bảo quản, trùng tu, tôn tạo các di tích đã được đẩy mạnh, qua đó góp phần gìn giữ giá trị lịch sử, văn hóa của di tích, phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục truyền thống và phát triển du lịch của tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo tồn di tích trong giai đoạn này còn tồn tại một số hạn chế, bất cập như: một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý, đặc biệt ở cấp cơ sở, chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc về vai trò, ý nghĩa của công tác bảo tồn di tích, dẫn đến sự thiếu chủ động và lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện. Công tác lập hồ sơ xếp hạng di tích mới chỉ mang tính chất theo dõi hàng năm, chưa có quy hoạch dài hạn, dẫn đến tình trạng hồ sơ chậm trễ, chất lượng chưa đảm bảo theo yêu cầu chuyên môn. Việc trùng tu, tôn

tạo các di tích vẫn chủ yếu tập trung vào các di tích đã được xếp hạng, trong khi nhiều di tích có giá trị khác chưa được chú ý đúng mức. Tình trạng xâm phạm, lấn chiếm khu vực di tích vẫn diễn ra khá phổ biến, công tác xử lý còn thiếu kiên quyết, thiếu chế tài phù hợp và chưa được thực hiện một cách đồng bộ. Vì vậy, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cần tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trong giai đoạn tiếp theo.

2.2.2.3. Chỉ đạo công tác phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Cùng với các hoạt động triển khai thực hiện bảo tồn, trùng tu di tích đã xếp hạng, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn quan tâm chỉ đạo phát huy giá trị các DTLS-VH thông qua nhiều hình thức phong phú, đa dạng như:

Thứ nhất, tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh các di tích lịch sử - văn hóa của địa phương với nhiều hình thức phong phú

Hoạt động tuyên truyền, bảng bá giới thiệu các loại hình di sản văn hóa, di tích lịch sử đến với mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh và du khách tới tham quan được tỉnh Đồng Nai xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH. Vì vậy, trong những năm 1996-2005, công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về các DTLS-VH ở Đồng Nai được các ngành chức năng liên quan, các địa phương phối hợp chặt chẽ với nhiều hình thức phong phú, đa dạng như:

Xây dựng các bộ phim tài liệu khoa học với chủ đề: Vùng đất con người Đồng Nai, Đồng Nai di tích văn hóa, Người Đồng Nai, Những ngôi chùa Đồng Nai, Văn hóa các dân tộc Đồng Nai, Những làng nghề truyền thống ở Đồng Nai, Những lễ hội dân gian Đồng Nai, Nghệ thuật Múa Bóng rỗi - Địa nàng, Khảo cổ học Đồng Nai thời Tiền sử, Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển (tập 3)... Xuất bản các ấn phẩm về vùng đất, con người và di tích, danh thắng nổi tiếng ở Đồng Nai như: Địa chí Đồng Nai, Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai giai đoạn 1930-2000, Đồng Nai Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm, Địa danh Hành chính - văn hóa - lịch sử Đồng Nai, Đồng Nai Di tích - Danh thắng, Danh thắng Đồng Nai, Di tích Quốc gia đặc biệt Mộ cự thạch Hàng Gòn, Di tích Mộ,

đền thờ Đoàn Văn Cự, Di tích chùa Long Thiền, Di tích Đình Phú Mỹ, Di tích Đình Tân Lân, Văn hóa văn vật Đồng Nai, Những ngôi nhà cổ tiêu biểu ở Đồng Nai, Di sản Làng dân tộc Chơro... Bên cạnh đó, còn có hàng ngàn bài viết có giá trị khoa học liên quan đến công tác bảo tồn DTLS-VH của Đồng Nai được đăng tải trên các website, tập san chuyên ngành về di sản văn hóa của Trung ương và địa phương.

Công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về các DTLS-VH còn được thực hiện thông qua hình thức tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh ở Đồng Nai hằng năm cho các đối tượng là học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức trong tỉnh; tổ chức hoạt động như giao lưu, dã ngoại, nói chuyện về các giá trị của DTLS-VH trên địa bàn tỉnh. Qua đó, giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, yêu quê hương và tinh thần quả cảm của các thế hệ anh hùng Đồng Nai trong các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc cho người dân; nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ Đồng Nai về tầm quan trọng của công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng và hoàn thiện quy chế quản lý, bảo vệ và sử dụng đối với các loại hình DTLS-VH, danh lam thắng cảnh; cho lắp đặt các biển chỉ đường, bảng nội dung giới thiệu về các di tích để du khách và nhân dân tới quan tham thuận lợi tìm hiểu.

Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ, kiến thức về công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH cho đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa cơ sở, Ban quản lý di tích cấp huyện về hoạt động tuyên truyền, giáo dục giá trị di sản văn hóa cho nhân dân địa phương, đồng thời quán triệt nội dung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động bảo tồn di sản văn hóa nói chung và DTLS-VH nói riêng như *Luật Di sản văn hóa*, các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành có liên quan về hướng dẫn thi hành luật. Trong những năm 1996-2005, quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TU ngày 4-11-1998 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện các chính sách văn hóa, UBND tỉnh Đồng Nai còn thực hiện rà soát, bổ sung và ban hành hơn 50 văn bản

pháp quy về các lĩnh vực văn hóa thể thao du lịch gồm 18 văn bản quy định và đề án về lĩnh vực văn hóa, 20 văn bản, quyết định, kế hoạch về lĩnh vực thể dục thể thao, 4 văn bản quy định về lĩnh vực du lịch và 9 văn bản quy định về phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và gia đình. Trong đó, có một số văn bản quan trọng như: Chỉ thị số 10-CT/TU "về việc nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và văn hoá" ngày 31-5-2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 1-8-2002 của UBND tỉnh Đồng Nai về "Bảo vệ di sản văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai"; Thông tri số 17-TT/TU ngày 24-1-2003 về việc tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) theo tinh thần Chỉ thị 18-CT/BBT ngày 24-1-2003 "về công tác văn học, nghệ thuật trong tình hình mới"; Quyết định số 254-QĐ/TU ngày 10-6-2003 thành lập Ban Chỉ đạo và Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 12-6-2003 chỉ đạo các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh và các ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh tiến hành kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 39-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (khóa VI)...

Ngoài ra, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chỉ đạo ngành văn hóa phối hợp với các cơ quan liên quan in sách và đĩa DVD lưu trữ và làm tài liệu để giáo dục truyền thống và thành lập Giải thưởng văn học, nghệ thuật Trịnh Hoài Đức, Giải thưởng báo chí Dương Tử Giang, sửa đổi chế độ nhuận bút báo chí trong tỉnh theo Nghị định số 62/NĐ-CP của Chính phủ, Chế độ hỗ trợ, đãi ngộ cho diễn viên Đoàn Nghệ thuật Cải lương và Đoàn Ca múa kịch tỉnh.

Thứ hai, đẩy mạnh hoạt động của bảo tàng và nhà truyền thống

Bảo tàng tỉnh Đồng Nai có nhiệm vụ sưu tầm, bảo quản, nghiên cứu, trưng bày, giới thiệu các hiện vật, cổ vật, di sản văn hóa... nhằm phục vụ mục tiêu nghiên cứu, tham quan, hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Bảo tàng Đồng Nai là một trong những nơi lưu giữ, bảo quản, trưng bày các hiện vật về thiên nhiên, con người của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai qua từng giai đoạn lịch sử khác nhau. Thông qua các đợt đón tiếp du khách trong nước và quốc tế, các nhà nghiên cứu, học sinh, sinh

viên tới tham quan, học tập, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ tại bảo tàng đã giúp du khách và nhân dân có những hiểu biết sâu sắc về di sản văn hóa của dân tộc cũng như về các di tích lịch sử, vùng đất con người Đồng Nai, góp phần giáo dục ý thức, trách nhiệm cho cộng đồng về việc gìn giữ, bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH của quê hương, đất nước.

Trong giai đoạn 1996-2002, Bảo tảng tỉnh Đồng Nai đã quản lý trên 15.000 hiện vật các loại, quản lý 21 DTLS-VH, cách mạng, danh thắng được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng và hơn 1.700 di tích phổ thông; thường xuyên tổ chức các đợt trưng bày hình ảnh, hiện vật có giá trị, nhiều cuộc triển lãm với chuyên đề ý nghĩa như "Vĩ tuyến 17 - Những dấu ấn tội ác chiến tranh" đã thu hút hơn 40.000 lượt khách tham quan [98, tr. 6]. Ngoài ra, Nhà Bảo tàng còn nghiên cứu đề xuất phương án thực hiện xã hội hóa trong hoạt động bảo tàng gắn với việc phổ biến các kiến thức khoa học, giới thiệu về di sản văn hóa dân tộc… Trong hoạt động sưu tầm hiện vật, năm 2005, Nhà Bảo tàng đã sưu tầm được 258 hiện vật và trên 1000 hiện vật khảo cổ; tổ chức trưng bày, triển lãm chuyên đề về Đảng, Bác Hồ, Quốc khánh 2/9, khảo cổ Đồng Nai… Hướng dẫn phục vụ cho hơn 30.000 lượt khách tham quan đến Nhà Bảo tàng [109, tr. 6].

Xuất phát từ nhận thức đẩy mạnh các hoạt động bảo tàng nhằm gìn giữ, phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo Bảo tàng Đồng Nai đổi mới các hình thức tuyên truyền, giáo dục và tăng tính hấp dẫn của bảo tàng. Hằng năm, ngoài các cuộc trưng bày cố định, Bảo tàng Đồng Nai còn thực hiện nhiều cuộc triển lãm nhằm giới thiệu về các giá trị di sản văn hóa truyền thống của dân tộc, các di tích lịch sử, nét đẹp về thiên nhiên, đất nước con người Đồng Nai với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Các chuyên đề trưng bày về hình ảnh, hiện vật và các thông tin tư liệu đã được Bảo tàng cập nhật, thay đổi thường xuyên để thu hút khách tham quan. Hơn nữa, Bảo tàng Đồng Nai còn phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức nhiều chương trình phục vụ du khách đến tham quan như: Phối hợp với ngành giáo dục thực hiện phong trào "Trường học thân thiện, học sinh tích cực" nhằm khuyến khích học sinh tìm hiểu về văn hóa,

lịch sử dân tộc, lịch sử địa phương. Thông qua các chương trình mang lại những trải nghiệm thú vị cho học sinh, đồng thời, giúp họ có được giờ học ngoại khóa bổ ích. Phối hợp với Tỉnh đoàn, Hội Thanh niên tổ chức cho đoàn viên, thanh niên chương trình tìm hiểu về di sản văn hóa qua trưng bày bảo tàng nhằm giáo dục truyền thống, đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc, giáo dục tình yêu quê hương đất nước cho các thế hệ trẻ ở Đồng Nai. Ngoài ra, Bảo tàng Đồng Nai còn đẩy mạnh giao lưu văn hóa với các nước bạn thông qua tổ chức triển lãm nhân kỷ niệm 10 năm (1992-2002) thiết lập quan hệ hữu nghị giữa tỉnh Đồng Nai với tỉnh Gyeongnam (Hàn Quốc).

Hơn nữa, Bảo tàng Đồng Nai còn giúp các địa phương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh xây dựng nội dung trưng bày các nhà truyền thống đưa vào phục vụ, đá ứng nhu cầu tìm hiểu về lịch sử địa phương ở các huyện như: Trảng Bom, Định Quán, thành phố Long Khánh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai, Lữ đoàn pháp binh 175 (Quân khu 7), Nhà văn hóa các dân tộc thiểu số xã Tà Lài (huyện Tân Phú), Nhà Văn hóa các dân tộc thiểu số xã Xuân Thiện (huyện Thống Nhất), Nhà Văn hóa các dân tộc Chơro xã Xuân Phú (huyện Xuân Lộc), Nhà Văn hóa các dân tộc thiểu số xã Phước Bình (huyện Long Thành); xây dựng phòng truyền thống tại các trường: Trường sĩ quan Lục quân II (Đại học Nguyễn Huệ); Trung học phổ thông (THPT) Xuân Lộc, THPT Thống Nhất B, THPT Nguyễn Trãi, THPT Ngô Quyền, THPT Nguyễn Hữu Cảnh, Trường Giáo dưỡng số - Bộ Công an, Trường Trung cấp văn hóa - Nghệ thuật Đồng Nai, Trường Cao đẳng An Ninh - Bộ Công an (huyện Long Thành)...

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát huy giá trị các DTLS-VH thông qua hoạt động của bảo tàng giai đoạn này còn tồn tại một số hạn chế do hệ thống trưng bày của bảo tàng chưa được chính lý, nâng cấp, thiếu sự đổi mới, hạn chế về công nghệ, nội dung nhàm chán, thiếu thuyết phục.

Thứ ba, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của Đồng Nai gắn với hoạt động phát triển du lịch

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của Đảng, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai xác định rõ vai trò quan trọng của DTLS-VH trong việc gắn kết với các hoạt động du lịch sẽ mang lại hiệu quả tích cực cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Để khai thác hiệu quả giá trị của các DTLS-VH, từ năm 2003, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo Sở thương mại Du lịch và các cơ quan hữu quan phối hợp với Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh xây dựng đề án "Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020". Ngày 8-9-2003, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn số 3876/UBT về xin ý kiến dự thảo khuyến khích đầu tư du lịch. Tiếp đó, ngày 29-12-2003, UBND tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 5021/QĐ-UBT về ban hành quy định một số chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong đó, quy định các điều khoản về hỗ trợ cơ sở hạ tầng, lập quy hoạch tổng thể; vay vốn ưu đãi đầu tư; các ưu đãi về thuế, về đất đai liên quan đến các điểm du lịch là các DTLS-VH của địa phương. Đặc biệt, ngày 24-1-2005, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 246/2005/QĐ.UBT "về ban hành Quy định tổ chức hoạt động quản lý các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai", nhấn mạnh đến việc bảo vệ, tôn tạo DTLS-VH, danh lam thắng cảnh và cảnh quan môi trường trong khu du lịch; hướng dẫn về quản lý các di tích theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; mọi hoạt động có ảnh hưởng đến việc bảo vệ di tích phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép và cơ quan chuyên ngành hướng dẫn thực hiện hoặc tổ chức hội nghị hiệp thương giữa tổ chức, cá nhân và các cơ quan, ban ngành có liên quan để quyết định; Nghiêm cấm việc làm hư hại, tiêu hủy, chiếm giữ trái phép trao đổi, mua bán các di tích trong khu du lịch hoặc lợi dụng các DTLS-VH để hoạt động tôn giáo không đúng với thuần phong mỹ tục tín ngưỡng của nhân dân; Việc khai thác di tích vào mục đích kinh doanh phải được phép của cơ quan có thẩm quyền...

Thực tế, từ năm 1996 đến năm 2005, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cùng nhân dân trên địa bàn tỉnh đã thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH gắn với phát triển du lịch, các cơ quan văn hóa của tỉnh khi thực hiện công tác quy hoạch, trùng tu, tôn tạo di tích - danh thắng ở địa phương luôn định hướng gắn

kết với phát triển các dịch vụ khai thác du lịch. Qua đó, nhiều DTLS-VH đã được đầu tư kinh phí để nâng cấp, phục hồi, tôn tạo trở thành những điểm đến hấp dẫn đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế như: Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam Bộ, Di tích Văn miếu Trấn Biên - Khu danh thắng Bửu Long, di tích Mộ cự thạch Hàng Gòn, Chùa Ông… Hơn nữa, Đảng bộ Đồng Nai còn chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch như hội thảo, tọa đàm, gặp mặt các công ty du lịch chuyên nghiệp trong và ngoài tỉnh để lồng ghép giới thiệu các tiềm năng di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh ở Đồng Nai. Đồng thời, chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể và nhân dân đẩy mạnh các hoạt động thực hiện gắn kết các khu di tích - danh thắng với các tour du lịch tiêu biểu ở Đồng Nai như Di tích Chiến khu Đ gắn với Trung tâm sinh thái - văn hóa lịch sử chiến khu Đ, tuyến đường sông Đồng Nai gắn với việc phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa ở hai bên bờ như Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đền thờ Nguyễn Tri Phương, đình Tân Lân…

Tuy nhiên, giai đoạn 1996-2005, hoạt động du lịch ở Đồng Nai chưa được quan tâm đầu tư phát triển. Tính đến năm 2005, tổng số vốn đầu tư vào lĩnh vực du lịch đạt 8.894 triệu đồng, doanh thu từ du lịch đạt 146.34 tỷ đồng, tổng số lượt khách đến Đồng Nai để tham quan du lịch đạt 707.392 lượt, trong đó có 19.195 lượt khách quốc tế (chiếm 2.71% tổng lượt khách) [33, tr. 17-18]. Mặc dù lượng khách đến Đồng Nai để tham quan du lịch đông, nhưng chưa xuất phát từ nhu cầu tìm hiểu về các giá trị văn hóa, lịch sử của địa phương. Đây là những thách thức đặt ra cho ngành du lịch Đồng Nai trong những năm tiếp theo. Vì vậy, để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch di sản, Đồng Nai cần đầu tư khai thác hiệu quả giá trị các DTLS-VH, tạo ra nhiều sản phẩm du lịch mới, xây dựng mô hình du lịch di sản văn hóa đặc trưng nhằm thu hút khách du lịch, chú trọng công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về các di tích lịch sử văn hóa của địa phương.

2.2.2.4. Chỉ đạo xã hội hóa công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Xã hội hóa công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là sự đóng góp, xây dựng của cộng đồng và trách nhiệm của các tầng lớp cư dân trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa. Nhờ đó, thu hút các nguồn lực đầu tư từ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia bảo tồn, chống xuống cấp các di tích, đồng thời trực tiếp sáng tạo, cung cấp các sản phẩm văn hóa chất lượng, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân. Thực tế, số lượng các di tích cần tu bổ, tôn tạo hằng năm của Đồng Nai khá lớn và có xu hướng tăng, trong khu nguồn lực của nhà nước có hạn. Trước thực tế đó, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác xã hội hóa nhằm huy động nguồn lực từ xã hội, nhân dân để phục vụ công tác trùng tu, tôn tạo di tích.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, SVHTT đã tham mưu cho UBND tỉnh Đồng Nai ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, dự án bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động nguồn vốn xã hội hóa cho tu bổ, tôn tạo các di tích trên địa bàn; đồng thời triển khai hiệu quả các dự án chống xuống cấp, tôn tạo, trùng tu các DTLS-VH đã được xếp hạng. Nhờ đó, việc tu bổ, tôn tạo di tích đã nhận được sự ủng hộ tích của nhân dân, sự quan tâm của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, các cá nhân trong và ngoài nước. Từ năm 1997 đến cuối năm 2004, tỉnh Đồng Nai đã đầu tư gần 2 tỷ đồng từ nguồn kinh phí của chương trình mục tiêu quốc gia để trùng tu 10 di tích đã được xếp hạng [108, tr. 1]. Trong đó, chủ yếu là vốn của Trung ương và địa phương. Nguồn vốn huy động từ xã hội hóa ước tính hơn 15 tỷ đồng từ nguồn đóng góp của cộng đồng và doanh nghiệp, một số công trình có tỷ lệ vốn xã hội hóa chiếm 70 – 100% [110]. Tổng kinh phí tu bổ thông qua các hình thức như đóng góp trực tiếp bằng tiền hoặc vật liệu xây dựng, ngày công lao động của người dân địa phương hoặc các hoạt động lễ hội truyền thống gắn với di tích vừa gây quỹ vừa quảng bá di tích.

Đặc biệt, SVHTT Đồng Nai còn triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia như trùng tu, tôn tạo một số DTLS-VH của địa phương với kinh phí hơn 200 triệu đồng, duy trì các hoạt động trưng bày, triển lãm, sưu tầm hiện vật văn hóa lịch sử... [104,

tr. 1]. Nhờ đó, nhiều di tích đã được hồi sinh, trở thành những sản phẩm du lịch - văn hóa đặc thù gắn kết với các tuyến du lịch hấp dẫn, nhiều hoạt động văn hóa truyền thống được phục hồi, góp phần thúc đẩy phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Bên cạnh đó, SVHTT Đồng Nai còn phối hợp với bảo tàng thực hiện các cuộc triển lãm, trưng bày giới thiệu hiện vật, tư liệu về lịch sử, văn hóa của vùng đất, con người Đồng Nai; thường xuyên tổ chức các phong trào hiến tặng tài liệu, hiện vật có giá trị. Sau một thời gian triển khai, phong trào hiến tượng hiện vật, tài liệu cho bảo tàng đã được nhân dân địa phương tham gia tích cực, đóng góp số lượng lớn tài liệu, hiện vật, nhất là những kỷ vật cách mạng, kháng chiến.

Để hạn chế tình trạng các địa phương tự ý tu bổ di tích, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo các sở, ngành địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp để bảo vệ di tích theo đúng quy định của *Luật Di sản văn hóa* và các luật liên quan; thực hiện công khai, minh bạch nguồn vốn đầu tư cho hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích, khuyến khích cộng đồng tham gia giám sát, bảo quản di tích; tăng cường công tác giáo dục về giá trị lịch sử, văn hóa cho mọi tầng lớp nhân dân.

Trong giai đoạn 1996-2005, công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai bước đầu có những chuyển biến tích cực. Các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương bước đầu triển khai các chủ trương, chính sách nhằm huy động sự tham gia của toàn xã hội trong công tác tu bổ, gìn giữ và phát huy các di tích. Một số di tích có ý nghĩa tâm linh và gắn bó chặt chẽ với cộng đồng dân cư như đền, đình, miếu, chùa... đã được nhân dân tự nguyện đóng góp công sức, kinh phí để sửa chữa, gìn giữ. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp tại địa phương bắt đầu tham gia tài trợ cho các hoạt động tôn tạo di tích hoặc tài trợ các sự kiện văn hóa gắn với di sản. Tuy nhiên, công tác xã hội hóa trong giai đoạn này còn gặp nhiều hạn chế: quy mô đóng góp còn nhỏ lẻ, tự phát; chưa có cơ chế, chính sách rõ ràng để khuyến khích, quản lý và phát huy hiệu quả nguồn lực xã hội hóa. Việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng còn

thiếu chặt chẽ; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò của di tích đối với đời sống văn hóa cộng đồng chưa đồng đều.

Tiểu kết chương 2

Đồng Nai nằm ở cửa ngõ phía Đông Nam của đất nước, giữ vị trí chiến lược của vùng Đông Nam Bộ. Trải qua hơn 300 năm hình thành và phát triển, con người Đồng Nai đã sáng tạo, gìn giữ một kho tàng di sản văn hóa đồ sộ với hệ thống các di tích văn hóa đa dạng, phong phú mang đậm nét đặc trưng văn hóa của một vùng đất cổ phương Nam. Đây là "tài sản" vô giá, là nguồn lực và động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội của Đồng Nai phát triển bền vững. Trong những năm 1996-2005, nhận thức rõ tiềm năng, thế mạnh từ nguồn di sản quý giá của địa phương, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã kịp thời hoạch định chủ trương đúng đắn, lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo chính quyền các cấp, Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai và các địa phương xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động nhằm gìn giữ báu vật di sản văn hóa đặc sắc của địa phương. Nhờ đó, hệ thống các di tích từng bước được quy hoạch, trùng tu, tôn tạo kịp thời, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục truyền thống, niềm tự hào, tình yêu quê hương đất nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn tỉnh.

Tuy nhiên, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai mới đạt được một số kết quả bước đầu, chưa khai thác triệt để các tiềm năng, thế mạnh của các di tích phục vụ cho phát triển bền vững của Đồng Nai. Vì vậy, trong giai đoạn 2006-2015, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cần đẩy mạnh lãnh đạo công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa trên tất cả các lĩnh vực với những biện pháp, cách làm sáng tạo, hiệu quả hơn.

Chương 3
ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2015

3.1. Những nhân tố mới tác động đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di các di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Đồng Nai

3.1.1. Bối cảnh lịch sử và những yêu cầu mới đặt ra cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa ở tỉnh Đồng Nai

** Bối cảnh thế giới và trong nước*

Trong những năm 2006-2015, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến phức tạp, khó lường và khó dự báo. Hòa bình, hợp tác là xu thế chủ đạo của tất cả các quốc gia, dân tộc. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, đem lại cả cơ hội và thách thức cho sự phát triển của các quốc gia trên thế ở nhiều lĩnh vực, trong đó có văn hóa.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng giao lưu văn hóa về tiến trình, quy mô, chất lượng, hiệu quả. Nhân loại được tiếp xúc, tiếp nhận và hưởng thụ nhiều thành quả văn hóa văn minh, tiến bộ; góp phần bồi đắp những tinh hoa giá trị mới, làm giàu cho văn hóa dân tộc, giúp Việt Nam quảng bá, lan tỏa rộng rãi các giá trị văn hóa truyền thống đến bạn bè thế giới. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế còn gợi mở các xu hướng vận động, thúc đẩy văn hóa Việt Nam phát triển trên những tầm cao mới. Trong quá trình toàn cầu hóa, các giá trị nhân văn của nhân loại sẽ có sự gặp gỡ, lan truyền và nhân rộng dẫn tới việc xác lập, phổ biến những giá trị chuẩn mực mang tính chất thể chế hóa trên phạm vi toàn cầu. Chính sự đa dạng của các nền văn hóa đã làm nảy sinh nhu cầu giao lưu, đối thoại văn hóa. Trong bối cảnh mới, các giá trị cơ bản và các nguyên tắc chung của loài người như lòng bao dung, tinh thần coi trọng nhân quyền, dân chủ, coi trọng đa dạng văn hóa… được xem là giá trị chung, được phổ biến trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng là một quá trình đụng độ và mẫu thuần về văn hóa giữa các vùng miền trên trái đất, trực tiếp hoặc gián tiếp làm biến đổi văn hóa của các quốc gia, dân tộc. Toàn cầu hóa về kinh tế dẫn đến sự xâm lấn về thông tin, hình thành thế giới phẳng, không biên giới về văn hóa. Trước sự du nhập văn hóa mang tính toàn cầu, nhiều giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc dễ bị mai một, hỗn tạp hoặc hòa tan dẫn đến cạn kiệt khả năng sáng tạo văn hóa của dân tộc, nguy cơ thể chế hóa văn hóa ngày càng hiện hữu rõ nét. Bởi vậy, khi tham gia toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các quốc gia, dân tộc vừa phải tìm kiếm những giá trị văn hóa nhân loại phổ quát, vừa phải bảo vệ bản sắc văn hóa của mình để khi giao lưu, tiếp xúc văn hóa có thể tránh được những xung đột, đụng độ. Trong bối cảnh xu hướng tự do thương mại được đẩy mạnh, xu thế toàn cầu hóa kinh tế và toàn cầu hóa văn hóa gia tăng, nhân loại đang chứng kiến một thế giới trở nên gắn kết hơn và hòa nhập hơn. Song, quá trình này cũng đặt ra nhiều vấn đề cấp bách như: chủ nghĩa khủng bố quốc tế, việc phổ biến vũ khí hạt nhân, sự lan rộng của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, xung đột về sắc tộc và tôn giáo… đang trở thành mối đe dọa đến cộng đồng quốc tế.

Ở trong nước, sau năm 3 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX và 20 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, đất nước đã đạt những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tốc độ phát triển kinh tế diễn ra với nhịp độ nhanh và chất lượng hơn. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục được quan tâm đầu tư phát triển toàn diện. Tuy nhiên, đất nước cũng phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức mới, đặc biệt là nguy cơ tụt hậu về kinh tế, bẫy thu nhập trung bình. Trong bối cảnh đó, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X (4-2006) đề ra phương hướng tổng quát trong 5 năm (2006-2010) là: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tối đa mọi nguồn lực cho CNH, HĐH đất nước. Trên lĩnh vực văn hóa, Đại hội X chủ trương: “Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà, bản sắc dân tộc, gắn chặt và đồng bộ hơn với kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực

của đời sống xã hội" [28, tr. 106]. Đại hội đưa ra những định hướng lớn về phát triển văn hóa đến năm 2010, trong đó nhấn mạnh đến vấn đề đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến; các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; các giá trị văn hóa - nghệ thuật, văn nghệ dân gian, tiếng nói, chữ viết, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ và thực trạng bản sắc văn hóa dân tộc có nguy cơ phai mờ, mai một thì việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trở thành vấn đề cấp thiết của Việt Nam để chống lại tình trạng "xâm lăng văn hóa". Do đó, mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của sự nghiệp văn hóa là xây dựng, phát triển con người Việt Nam toàn diện, có sự hội tụ và kết tinh đầy đủ những giá trị truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế. Đó là những chuẩn mực văn hóa mới, đáp ứng yêu cầu của đất nước trong giai đoạn cách mạng mới. Đồng thời, đẩy mạnh chấn hưng văn hóa dân tộc trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn liền với quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa toàn cầu.

** Tỉnh hình kinh tế - xã hội ở Đồng Nai*

Ở Đồng Nai, sau 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, địa phương đã đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế Đồng Nai có tốc độ tăng trưởng cao, bình quân đạt trên 12%. GDP bình quân tăng trưởng mạnh. Thu nhập bình quân đầu người không ngừng tăng: Năm 2005 là 1.514,8 USD/người, năm 2012 đạt 2.067 USD, năm 2014 đạt 2.800 USD, năm 2015 đạt khoảng 2.900 - 3.000 USD [206, tr. 4]. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông - lâm - thủy sản, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ (Xem phụ lục 3). Năm 2015, Đồng Nai là tỉnh có cơ cấu công nghiệp là chủ yếu. Tỷ trọng công nghiệp xây dựng chiếm 56-57%, dịch vụ chiếm 38-39%, nông, lâm nghiệp chiếm 5-6% [167, tr. 4]. Đầu tư công nghiệp của tỉnh Đồng Nai vào bậc nhất cả nước, trên địa bàn tỉnh có nhiều khu công nghiệp tập trung ở hầu hết các huyện, thành phố. Năm 2010, toàn tỉnh có 30 khu công nghiệp, 43 cụm công nghiệp [167, tr. 13]. Trong đó, có một số khu công nghiệp lớn như Biên Hòa 1, Biên Hòa 2,

Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom… đều đóng vai trò nòng cốt cho sự phát triển kinh tế của địa phương.

Thương mại - dịch vụ phát triển nhanh, đa dạng, tỉnh Đồng Nai có hệ thống chợ truyền thống, siêu thị phong phú, phân bố rộng khắp trên địa bàn, đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng tốt, thị trường được mở rộng. Năm 2010, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt hơn 7 tỷ USD, tăng bình quân 17,2%/năm, kim ngạch nhập khẩu đạt 12,2%/năm [167, tr. 14]. Siêu thị, chợ, trung tâm thương mại được tỉnh chú trọng xây dựng, bước đầu đi vào hoạt động hiệu quả, kịp thời đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và cung cấp trang thiết bị, vật tư cho sản xuất.

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho người dân. Cơ cấu cây trồng chuyển đổi theo hướng tăng nhanh diện tích một số cây công nghiệp, cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, sử dụng các giống mới trong trồng trọt nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp. Hoạt động chăn nuôi phát triển theo hướng tập trung và từng bước hiện đại, các mô hình kinh tế gia đình, kinh tế trang trại đã áp dụng kỹ thuật tiên tiến, hiện đại góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội được chú trọng đầu tư toàn diện. Giáo dục và đào tạo được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân quan tâm, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao dân trí, cung cấp nguồn nhân lực cao cho địa phương và cả nước. Trang thiết bị dạy và học từng bước được hiện đại hóa; Công tác xã hội hóa giáo dục đạt được một số kết quả nhất định, mỗi năm tăng thêm 4 trường ngoài công lập, nâng tỷ lệ học sinh ngoài công lập ở nhà trẻ đạt 45%, mẫu giáo 50%, tiểu học 1,5%, trung học cơ sở 3,5%, trung học phổ thông 35%. Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm đầu tư, toàn tỉnh đã có 100% phòng học kiên cố, 58% phòng học được nâng cấp, lầu hóa [167, tr. 16]. Y tế cơ sở đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ trên địa bàn tỉnh khá phong phú về cả nội dung, đa dạng về hình thức và cách thể hiện bản sắc văn hóa, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, nhất là nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, 86% ấp, khu phố và trên 94% gia đình đạt danh hiệu văn hóa [167, tr. 17]. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho phát triển văn hóa được Đảng bộ, chính quyền địa phương quan tâm đầu tư đúng mức. Năm 2015, toàn tỉnh Đồng Nai có 930 thư viện, 6 cơ sở dữ liệu lưu trữ với 225.999 bản thảo sách, tạp chí [143, tr. 6].

Trên thực tế, kinh tế tăng trưởng ổn định đã góp phần tăng ngân sách địa phương, điều này cho phép Đồng Nai đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là bảo tồn, trùng tu các DTLS-VH. Đồng thời, nhận thức về giá trị kinh tế - du lịch của di tích được nâng cao, thúc đẩy sự tham gia mạnh mẽ hơn của khu vực tư nhân, doanh nghiệp trong việc tài trợ trùng tu, khai thác di tích gắn với du lịch văn hóa.

Trong giai đoạn 2006-2015, tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa của Đồng Nai diễn ra nhanh chóng, kéo theo sự gia tăng dân số cơ học và thay đổi đáng kể về cơ cấu dân cư - lao động. Do có điều kiện thuận lợi về tự nhiên, kinh tế - xã hội, ngay từ rất sớm, Đồng Nai đã trở thành địa bàn cư trú của nhiều dân cư đến sinh sống và làm việc, là nơi dung hợp nhiều màu sắc văn hóa. Điều này giúp nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị di sản, tạo cơ hội để lan tỏa văn hóa truyền thống bản địa đến đông đảo đối tượng, góp phần vào công cuộc bảo tồn và phát huy DTLS-VH. Đặc biệt, Đồng Nai còn có nguồn nhân lực dồi dào, góp phần hỗ trợ tích cực trong các hoạt động tuyên truyền, giáo dục di sản, tham gia các chương trình du lịch, dịch vụ gắn với di tích, cũng như trực tiếp tham gia vào các dự án tu bổ, tôn tạo di tích.

Tôn giáo cũng là một trong nhưng yếu tố ảnh hưởng đến công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai. Hiện nay, Đồng Nai là tỉnh có nhiều tôn giáo như Phật Giáo, Thiên chúa giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Hồi giáo… Trong

đó, đông nhất là Công Giáo với hơn 1,1 triệu tín đồ và Phật giáo là 950.000 tín đồ. Các tôn giáo ở Đồng Nai cư trú khắp trên địa bàn, đông nhất là các huyện Trảng Bom, Thống Nhất, Long Thành, thành phố Biên Hòa [5, tr. 506], còn lại là các tôn giáo khác và những người không theo tôn giáo. Các cơ sở tôn giáo ở Đồng Nai là nơi lưu giữ, bảo tồn nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật truyền thống. Nhờ đó, các tổ chức tôn giáo và tín đồ trở thành một lực lượng quan trọng trong việc gìn giữ, tu bổ và duy trì hoạt động của di tích.

Ngoài ra, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai trong những năm 2006-2015 còn chịu tác động từ các yếu tố mới như: quá trình đô thị hóa, CNH, HĐH; sự phát triển mạnh mẽ của du lịch và truyền thông, công nghệ thông tin, hợp tác quốc tế và hội nhập văn hóa... Nhờ đó, Đồng Nai có cơ hội tiếp cận các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, cũng như học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS-VH.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2006-2015, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai chịu sự tác động tổng hòa của nhiều yếu tố: điều kiện kinh tế - xã hội, sự phát triển của khoa học - công nghệ, quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa…. Đặc biệt, sự chuyển biến tích cực trong nhận thức cộng đồng, sự gia tăng nguồn lực đầu tư từ nhà nước và xã hội, cùng với chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, trùng tu và phát huy giá trị các DTLS-VH. Đồng thời, sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông, công nghệ thông tin và du lịch văn hóa đã mở ra những hướng tiếp cận mới, giúp kết nối, lan tỏa giá trị di tích đến với công chúng. Tuy nhiên, các yếu tố trên cũng đặt ra không ít thách thức đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai. Quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế và mở rộng hạ tầng đã dẫn đến tình trạng lấn chiếm không gian di tích, thậm chí gây hư hại do thiếu quy hoạch đồng bộ và phối hợp giữa các ngành. Việc xã hội hóa còn thiếu định hướng, trùng tu sai lệch và thương mại hóa di tích gây ảnh hưởng đến tính nguyên gốc và giá trị văn hóa… Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cần có những định hướng rõ

ràng, quản lý chặt chẽ, lồng ghép hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, đồng thời nâng cao vai trò của cộng đồng và chuyên gia trong quá trình bảo vệ di sản.

3.1.2. Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

3.1.2.1. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Trong giai đoạn 2006-2015, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định và phát triển chủ trương nhất quán về việc bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và phục vụ cho sự phát triển bền vững của đất nước. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4-2006) nhấn mạnh:

"Tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến, các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của dân tộc, các giá trị văn hoá nghệ thuật, ngôn ngữ, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc. Bảo tồn và phát huy văn hoá, văn nghệ dân gian. Kết hợp hài hoà việc bảo vệ, phát huy các di sản văn hoá với các hoạt động phát triển kinh tế du lịch" [28, tr. 107].

Tại Đại hội lần thứ X, lần đầu tiên Đảng chỉ rõ định hướng kết hợp giữa bảo tồn di sản văn hóa, di tích lịch sử với phát triển kinh tế, du lịch, thể hiện bước tiến mới trong hoạt động nhận thức của Đảng, góp phần định hướng công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH dân tộc phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước trong từng giai đoạn.

Tiếp đó, Đại hội XI của Đảng đã đưa ra nhiệm vụ quan trọng để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là "bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống, cách mạng"; hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật và sở hữu trí tuệ về bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của dân tộc… "Gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ phát triển văn hóa, văn nghệ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa với phát triển du lịch và hoạt động thông tin đối ngoại" [29, tr. 224]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp

hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW) "Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước" chỉ rõ việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động bảo tồn di tích thông qua: "Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch" [30, tr. 34]. Song song với công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH, Đảng còn chủ trương đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa để học hỏi kinh nghiệm của các nước trong lĩnh vực bảo tồn di sản, đồng thời trang thủ các nguồn lực bên ngoài để bảo tồn các di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh.

Như vậy, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trong giai đoạn 200-2015 mang tính toàn diện, sâu sắc hơn, thể hiện sự gắn kết chặt chẽ giữa bảo tồn với phát triển, giữa truyền thống với hội nhập. Đây là định hướng chính trị - tư tưởng quan trọng, tạo nền tảng để các cấp, các ngành, các địa phương, trong đó có Đồng Nai triển khai thực hiện hiệu quả trong thực tiễn.

3.1.2.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Sau 20 năm đổi mới, đất nước đã đạt được những thành tựu quan trọng, song lĩnh vực văn hóa phát triển chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế, quản lý văn hóa chưa chặt chẽ, cơ sở pháp lý về văn hóa chưa đảm bảo, hiệu quả còn thấp. Nhằm hoàn chỉnh cơ sở pháp lý để giải quyết những hạn chế trên, ngày 31-7-2007, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt *Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2006-2010* với mục tiêu quan trọng nhất là ngăn chặn nguy cơ xuống cấp của các di tích và sự hủy hoại văn hóa phi vật thể; bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, danh thắng và di sản văn hóa phi vật thể, phục vụ công tác giáo dục truyền thống văn hiến, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa của toàn xã hội nói chung và nhu cầu phát triển du lịch nói riêng.

Tiếp đó, ngày 6-5-2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020*. Chiến lược xác định phạm vi văn hóa gồm 5 lĩnh vực chủ

yếu, trong đó nhấn mạnh: "Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc là nhiệm vụ then chốt" [148, tr. 18]. Trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH, chiến lược đề ra nhiệm vụ: Tập trung điều tra toàn diện, nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị DTLS-VH và văn hóa phi vật thể... Kết hợp hài hòa việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững [148, tr. 18]. Ngày 5-9-2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1211/QĐ-TTg phê duyệt *Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015*, đề cập đến vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, trong đó nhấn mạnh đến việc "hỗ trợ tu bổ, tôn tạo tổng thể cho khoảng 300 di tích, khu di tích được công nhận di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt quan trọng; hỗ trợ chống xuống cấp, tu bổ cấp thiết cho 1.200 đến 1.500 di tích quốc gia. Hoàn thành công tác tổng kiểm kê giá trị văn hóa phi vật thể trên cả nước và xây dựng bản đồ phân bố giá trị văn hóa phi vật thể; tiến hành 500 dự án sưu tầm bảo tồn lưu giữ Văn hóa phi vật thể; đảm bảo việc giới thiệu, quảng bá và phát huy di sản văn hóa phi vật thể đã được sưu tầm lưu giữ..." [250].

Để đẩy mạnh sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, nhằm hoàn thiện, tạo lập hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ hơn, ngày 29-6-2009, kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XII thông qua Luật số 32/2009/QH12 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật Di sản văn hóa*. Tiếp đó, ngày 21-9-2010, Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều *Luật Di sản văn hóa* và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều *Luật Di sản văn hóa*. Trong đó, có một số nội dung sửa đổi liên quan đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch như: kiểm kê di tích, yếu tố gốc cấu thành di tích, các tiêu chí xếp hạng di tích, thủ tục xếp hạng di tích, khu vực bảo vệ di tích, các hành vi nghiêm cấm, việc lập quy hoạch bảo vệ, tu bổ, phục hồi di tích, giám sát thi công dự án tu bổ, phục hồi di tích… Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14-7-2011 quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng DTLS-VH và danh lam thắng cảnh và Chỉ thị số 16/CT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 3-2-2012 về việc tăng cường công tác chỉ đạo quản lý hoạt động văn hóa, tín ngưỡng tại di tích. Đây

là hai văn bản chỉ đạo của Trung ương đối với công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa ở địa phương. Ngoài ra, còn có Nghị định số 70/2012/NĐ-CP quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi DTLS-VH, danh lam thắng cảnh của Chính phủ ngày 18-9-2012; Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28-12-2012 Quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và Thông tư số 11/2013/TT-BVHTTDL ngày 16-12-2013, Quy định về sưu tầm hiện vật của bảo tàng công lập.

Nhìn chung, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở giai đoạn này tiếp tục được hoàn thiện và phát triển, thể hiện rõ tư duy đổi mới, gắn kết chặt chẽ giữa bảo tồn với phát triển bền vững. Những định hướng này là cơ sở quan trọng để Đồng Nai cụ thể hóa thành các chương trình hành động phù hợp với thực tiễn địa phương. Trên cơ sở đó, Đồng Nai từng bước xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cấp, ngành, đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa, nâng cao nhận thức cộng đồng, huy động nguồn lực cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH.

3.2. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa những năm 2006 - 2015

3.2.1. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Sau 5 năm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (2000-2005), Đồng Nai đã đạt được một số thành tựu quan trọng, là cơ sở, tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân địa phương bước vào thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Trước những khó khăn, thách thức mới, Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII (12-2005) đã thẳng thắn thừa nhận những hạn chế, yếu kém còn tồn tại; đồng thời, đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm tiếp theo (2005-2010) là: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và động bộ hơn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng Đồng Nai thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại" [163, tr. 9]. Để thực hiện hóa mục tiêu trên, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đưa ra phương hướng chung là: Phát huy tối đa nguồn nội lực, đặc biệt là nhân tố con người.

Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ. Mở rộng qua hệ hợp tác kinh tế với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, khu vực và thế giới. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kinh tế với cơ cấu hợp lý, nâng cao tỷ trọng khu vực dịch vụ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc. Coi văn hóa là nền tảng tinh thần, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội… [163, tr. 9].

Trên lĩnh vực văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đề ra nhiệm vụ và giải pháp: "Tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội" [163, tr. 12]. Trong đó, chú ý đến vấn đề đầu tư nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa và những công trình văn hóa lớn, xây dựng trung tâm văn hóa phục vụ người lao động tại thành phố Biên Hòa. Thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa, chủ động tích cực giao lưu, hợp tác văn hóa trong và ngoài nước đi đôi với tăng cường quản lý nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống khuynh hướng phản động, đồi trụy, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh. Đẩy mạnh phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" phát triển với quy mô lớn hơn, sâu rộng hơn và đạt chất lượng cao hơn… Trong lĩnh vực bảo tồn các di sản văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhấn mạnh:

"Tiếp tục xây dựng, tôn tạo các công trình văn hóa, đi đôi với phát huy tốt hiệu quả giáo dục truyền thống. Coi trọng việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của vùng đất và con người Đồng Nai, văn hóa các dân tộc thiểu số, đặc biệt là những truyền thống lịch sử cách mạng, văn hóa cách mạng, văn hóa các dân tộc bản địa" [163, tr. 12].

Ngày 27-1-2010, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (khóa VIII) ban hành hành Nghị quyết số 15-NQ/TU "Về mục tiêu, nhiệm vụ năm 2010" nhấn mạnh mục tiêu chung là:

"Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân

dân; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện đồng bộ cải cách hành chính; giữ vững quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là chất lượng hoạt động các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên" [168, tr. 1].

Trên lĩnh vực văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhấn mạnh vấn đề: Nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Rà soát và tập trung xây dựng các thiết chế văn hóa trên địa bàn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm văn hóa - thể thao cơ sở, đáp ứng yêu cầu nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, nhất là vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Bảo tồn các công trình văn hóa, các di tích lịch sử, di tích cách mạng trên địa bàn [168, tr. 10].

Sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001-2010), Đảng bộ tỉnh Đồng Nai triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ IX (9-2010) nhằm tổng kết những thành tựu đạt được và rút ra bài học kinh nghiệm quý trong quá trình lãnh đạo, điều hành. Trên cơ sở khái quát những thành tựu, hạn chế còn tồn tại, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã đưa ra mục tiêu tổng quát là: Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững, nâng cao chất lượng hiệu quả, sức cạnh tranh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường; thực hiện tốt và đồng bộ các chính sách an sinh xã hội; nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa - hiện đại hóa vào năm 2015 [167, tr. 29].

Trên lĩnh vực văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhấn mạnh nhiệm vụ: Tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc ở địa phương làm cho giá trị văn hóa Việt Nam thấm sâu vào mọi mặt trong đời sống. Nâng cao mức hưởng thụ và sáng tạo văn hóa

của nhân dân. Tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh; coi trọng văn hóa trong lãnh đạo, quản lý, văn hóa trong kinh doanh và văn hóa trong ứng xử. Hướng vào xây dựng nhân cách con người và lý tưởng đạo đức, lối sống, lòng tự tôn dân tộc, ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm xã hội của công dân, nhất là trong thế hệ trẻ [167, tr. 37]. Đồng thời, chú trọng bảo tồn và phát huy mọi sắc thái và giá trị tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc, giữ gìn sự thống nhất trong đa dạng và phong phú của văn hóa Việt Nam, đi đôi với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc và sáng tạo nên những giá trị mới [167, tr. 166-167].

Để thực hiện các nhiệm vụ đề ra, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đưa ra những giải pháp chủ yếu, trong đó nhấn mạnh:

Thực hiện tốt công tác bảo tàng, bảo tồn các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của dân tộc và gắn hiệu quả với kinh tế du lịch. Tiếp tục đầu tư xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, di tích, các công trình văn hóa lịch sử và thiết chế văn hóa, thể thao ngang tầm với mục tiêu phát triển bền vững. Nâng cao hiệu quả sử dụng các cơ sở vật chất ngành văn hóa [167, tr. 37-38].

Năm 2011, năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, trên cơ sở đánh giá những thuận lợi, khó khăn của địa phương và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX và Nghị quyết 15-NQ/TU của Tỉnh uỷ trong năm 2010, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU "Về mục tiêu, nhiệm vụ năm 2011" nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu và các giải pháp chủ yếu của Đảng bộ tỉnh trong năm 2011. Về mục tiêu chung, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhấn mạnh: Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững; không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đi đôi với bảo vệ môi trường, tiến trình cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện tốt các chính sách an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, đồng thời tiếp tục đổi

mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên [169, tr. 1-2].

Trong lĩnh vực văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chủ trương:

"Nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy tính gương mẫu, tự giác của đảng viên, đổi mới phương pháp đánh giá kết quả thực hiện phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" và phong trào "xây dựng các cơ quan, đơn vị có đời sống văn hoá tốt" đi vào thực chất và chiều sâu. Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để cải tạo, nâng cấp và đầu tư các thiết chế văn hóa theo quy hoạch, đặc biệt ưu tiên các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng có đông công nhân lao động. Tiếp tục ưu tiên cho đầu tư, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá dân tộc… [169, tr. 10-11].

Năm 2015 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu mốc 15 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đồng Nai trong thế kỷ XXI. Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh ủy trong năm 2014 và dự báo những thuận lợi, khó khăn trong năm 2015, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29-1-2015 "Về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2015". Trong lĩnh vực văn hóa, Nghị quyết nhấn mạnh nhiệm vụ:

"Tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa, các thiết chế văn hóa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần cho người dân trên địa bàn tỉnh; đồng thời, thông qua các hoạt động văn hóa gắn với phát triển kinh tế, phát triển dịch vụ, du lịch góp phần tạo thêm nhiều công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống vật chất cho người dân ở từng địa bàn. Tiếp tục huy động các nguồn lực để bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao. Đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hóa tại các xã gắn với xây dựng nông thôn mới" [173, tr. 15].

Trên thực tế, quan điểm, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH đã được bổ sung, hoàn thiện, thể hiện sự phát triển

cả về chiều sâu nhận thức và phương pháp tổ chức thực hiện. Nếu như giai đoạn 1996-2005, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chủ yếu tập trung vào việc xác lập hệ thống di tích, tiến hành kiểm kê, xếp hạng và từng bước đầu tư trùng tu các di tích tiêu biểu, đặt nền móng cho công tác bảo tồn, thì sang giai đoạn 2006-2015, các chủ trương đã có bước phát triển rõ nét khi gắn bảo tồn với phát triển bền vững, khai thác giá trị di tích như một nguồn lực văn hóa - kinh tế, thúc đẩy du lịch, giáo dục truyền thống và xây dựng bản sắc địa phương. Đồng thời, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chú trọng đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao vai trò của cộng đồng và chính quyền địa phương trong việc đồng hành, giám sát và thực hiện công tác bảo tồn. Qua đó, không chỉ định hướng hiệu quả hoạt động quản lý, mà còn nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội đối với di tích, tạo động lực tích cực cho sự phát triển toàn diện của tỉnh Đồng Nai.

3.2.2. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chỉ đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

3.2.2.1. Chỉ đạo công tác xây dựng cơ chế, tổ chức bộ máy quản lý di tích lịch sử - văn hóa

Trong giai đoạn 2006-2015, trước yêu cầu ngày càng cao của công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã tăng cường chỉ đạo việc xây dựng cơ chế và tổ chức bộ máy quản lý di tích trên địa bàn nhằm nhằm khắc phục những bất cập tồn tại trong mô hình quản lý truyền thống vốn còn phân tán, thiếu tính đồng bộ và hiệu quả; đồng thời, hướng tới việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước, tạo nền tảng cho sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và đặc biệt là khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng trong công tác bảo tồn di sản. Cụ thể:

** Về công tác xây dựng cơ chế*

Quán triệt nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ lần thứ IX, X và Thông báo Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa trong tình hình mới. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, SVHTT Đồng Nai xây dựng Chương

trình số 645/CTr.SVHTT.NV ngày 17-10-2006 "về xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006-2010" góp phần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa"; tạo chuyển biến cơ bản trong việc thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, xây dựng các thiết chế văn hóa, thông tin - thể thao, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn 2006-2010.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, SVHTT đã xây dựng Báo cáo số 726/BC.SVHTT về "Hoạt động Văn hóa thông tin trong 2 năm (2006-2007) và thực hiện kế hoạch 3 năm (2008-2010) nhằm tổng kết kết quả thực hiện Nghị quyết số 62/2006/HDDND7 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên lĩnh vực văn hóa thông tin. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu và hạn chế còn tồn tại, SVHTT Đồng Nai đưa ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 3 năm còn lại của kế hoạch 5 năm (2006-2010) của ngành. Trong đó, nhấn mạnh đến vấn đề đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực để phát triển hoạt động văn hóa của địa phương; tiếp tục hoàn thiện quy hoạch, đề án của ngành; kiện toàn bộ máy quản lý văn hóa từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao chất lượng của các thiết chế văn hóa; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý của ngành...

Trong những năm 2008-2015, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, SVHTTDL đã xây dựng báo cáo tổng kết công tác văn hóa, thể thao và du lịch trong toàn tỉnh theo từng năm, từng giai đoạn nhằm đánh giá khách quan thành tựu và hạn chế trong hoạt động văn hóa, thông tin, du lịch của tỉnh; đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, kế hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa trong những năm tiếp theo. Cũng trong thời gian này, SVHTTDL tỉnh Đồng Nai đã tích cực tham mưu cho UBND tỉnh, chỉ đạo toàn ngành hoàn thành tốt các chỉ tiêu phát triển văn hóa, thể thao và du lịch, tích cực đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

Nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo văn hóa nghệ thuật, phát huy, phát triển các loại hình di sản văn hóa, đẩy mạnh hoạt động tu bổ, bảo quản các công trình

di sản văn hóa vật thể và phi vật thể tại địa phương, SVHTTDL Đồng Nai đã xây dựng Kế hoạch số 857/SVHTTDL-KHTC ngày 11-7-2014 "Về thực hiện phát triển xã hội hóa lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020". Sau khi đánh giá kết quả thực hiện công tác văn hóa, thể thao và du lịch Đồng Nai trong giai đoạn 2008-2013, SVHTTDL Đồng Nai đưa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tăng cường quản lý Nhà nước về văn hóa, phân công, phân cấp nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp, từng ngành thực hiện mục tiêu xã hội hóa trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch của địa phương.

Để tạo sự thống nhất trong trong việc quán triệt, triển khai cụ thể hóa chương trình hành động của ngành văn hóa, SVHTTDL Đồng Nai đã xây dựng Chương trình hành động số 314/CTr-SVHTTDL ngày 4-3-2015 về "Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 3-1- 015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015", yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành nghiên cứu quán triệt sâu sắc nội dung của Nghị quyết 01/NQ-CP; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động và báo cáo định kỳ.

Nhìn chung, công tác xây dựng cơ chế bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai ở giai đoạn nay đã có bước chuyển biến rõ nét cả về nhận thức lẫn hành động. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế phối hợp đã tạo nền tảng pháp lý và hành chính vững chắc, giúp nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và phát huy vai trò của cộng đồng trong việc bảo tồn di tích. Những kết quả đạt được trong giai đoạn này là tiền đề quan trọng để Đồng Nai tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, đẩy mạnh xã hội hóa và lồng ghép hiệu quả công tác bảo tồn di tích với chiến lược phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trong các giai đoạn tiếp theo.

** Về xây dựng tổ chức bộ máy quản lý*

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị di tích - danh thắng, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chỉ đạo thành lập Ban quản lý ở các địa phương có nhiều di tích. Trên cơ sở đó, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho các ngành, các cấp chính quyền địa phương trong việc phối hợp

quản lý di tích - danh thắng trên địa bàn toàn tỉnh. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch (SVHTTDL) là cơ quan tham mưu trực tiếp cho UBND tỉnh thực hiện vai trò quản lý Nhà nước về di tích - danh thắng, các tổ chức, cơ quan có liên quan phối hợp với SVHTTDL thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, trùng tu, phát huy giá trị các di tích theo sự phân công của UBND tỉnh. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, Ban quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai được thành lập (kèm theo Quyết định số 185/QĐ-SVHTT ngày 5-4-2006). Sau 4 năm hoạt động, bộ máy của Ban Quản lý Di tích và Danh thắng được bổ sung hoàn thiện gồm 4 phòng (Phòng Hành chính tổng hợp; Phòng Nghiệp vụ; Phòng Bảo quản Tuyên truyền và Phòng Khai thác di tích) với biên chế và hợp đồng lao động là 30 người, trong đó, có 20 người có trình độ từ cao đẳng đến đại học, phần lớn tuổi đời, tuổi nghề còn trẻ nhưng đều có trách nhiệm và có tâm với công việc [19, tr. 25].

Năm 2008, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng huyện Nhơn Trạch và Ban Quản lý Di tích - Danh thắng núi Chứa Chan được thành lập. Năm 2009, do địa điểm của 3 di tích cấp quốc gia gồm Trung ương Cục miền Nam; Khu ủy miền Đông, Địa đạo Suối Linh nằm trong khu Bảo tồn thiên nhiên Vĩnh Cửu cần thống nhất về quản lý và khai thác nên UBND tỉnh Đồng Nai đã sáp nhập và thành lập Khu Bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu trực thuộc UBND tỉnh với đội ngũ cán bộ, công chức viên chức trên 300 người [19, tr. 26]. Năm 2010, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa được thành lập. Năm 2012, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng huyện Long Thành được thành lập (kèm theo Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 13-1-2012). Sau khi thành lập, các Ban Quản lý Di tích - Danh đã trực tiếp tham mưu cho SVHTTDL xây dựng Đề án phân cấp quản lý di tích - danh thắng đã được xếp hạng; triển khai thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, phát huy tốt vai trò quản lý nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ở địa phương.

Ngày 16-9-2009, UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Đề án phân cấp quản lý di tích - danh thắng xếp hạng. Theo đó, việc phân cấp quản lý các di tích đã được xếp hạng thực hiện như sau:

Đối với các di sản văn hóa thế giới, di tích được xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt (trường hợp chưa đủ cán bộ chuyên môn) giao cho Ban Quản lý Di tích quốc gia đặc biệt (trực thuộc SVHTTDL) hoặc Ban Quản lý Di tích - Danh thắng bảo vệ.

Đối với các di tích khác, giao cho Ban Quản lý Di tích - Danh thắng huyện, thành phố, thị xã quản lý.

Nội dung phân cấp sẽ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng cơ quan, đơn vị và thực tế công tác quản lý DTLS-VH ở địa phương.

Trên thực tế, việc xây dựng và triển khai thành công Đề án phân cấp quản lý di tích - danh thắng đã thể hiện rõ quyết tâm, tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân địa phương trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, củng cố kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Trong những năm 2006-2015, bộ máy quản lý của SVHTT gồm 9 phòng, ban chức năng chuyên môn. Toàn tỉnh có 11 Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố; 171 Ban Văn hóa, Xã hội xã, phường thị trấn và các thiết chế trực thuộc UBND cấp xã, phường, thị trấn gồm Trung tâm Văn hóa thể thao và Nhà văn hóa ấp, khu phố đã đi vào hoạt động ổn định. Về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành văn hóa cấp tỉnh gồm 56 người với cơ cấu trình độ gồm 1 tiến sĩ, 4 thạc sĩ, 42 đại học, 1 cao đẳng, 7 trung cấp, 1 sơ cấp. Ở các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở có 409 người. Cấp huyện, thị xã, thành phố là 379 người. Cấp xã, phường thị trấn có 220 người [143, tr. 2-3]. Sau khi kiện toàn bộ máy quản lý, SVHTT Đồng Nai đã quán triệt thực hiện nghiêm túc quan điểm, chủ trương của Đảng bộ tỉnh và sự chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch của địa phương trên tất cả các lĩnh vực.

Có thể thấy, Đồng Nai đã có nhiều nỗ lực trong việc kiện toàn, củng cố bộ máy quản lý di tích từ tỉnh đến cơ sở. Việc hình thành các phòng, ban chuyên trách, phân công rõ ràng chức năng, nhiệm vụ cho từng cấp, từng ngành, cùng với công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn đã góp phần nâng cao năng lực

quản lý di tích trên địa bàn tỉnh. Mặc dù vẫn còn những hạn chế nhất định về nhân lực, kinh phí và tính chuyên sâu, song bộ máy quản lý di tích ở Đồng Nai trong giai đoạn này từng bước được hoàn thiện, tạo nền tảng quan trọng để tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy vai trò của các tổ chức, cá nhân trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Dưới sự lãnh đạo sâu sát của Đảng bộ tỉnh, công tác xây dựng cơ chế và tổ chức bộ máy quản lý DTLS-VH ở Đồng Nai trong giai đoạn 2006-2015 đã có những chuyển biến rõ rệt cả về nhận thức lẫn thực tiễn triển khai. Nếu như ở giai đoạn trước, việc quản lý di tích còn mang tính kiêm nhiệm, lồng ghép, thiếu sự phân công cụ thể giữa các cơ quan chức năng, thì trong giai đoạn này, cơ chế quản lý đã từng bước được hoàn thiện theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả hơn. Bộ máy quản lý di tích được kiện toàn từ cấp tỉnh đến cơ sở, các chức năng, nhiệm vụ được xác định rõ ràng; đội ngũ cán bộ làm công tác di sản được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn. Đồng thời, cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành và chính quyền địa phương được thiết lập chặt chẽ, phát huy hiệu quả phương thức quản lý liên ngành, liên cấp. Đặc biệt, việc thành lập các ban quản lý di tích tại địa phương và đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo tồn đã góp phần mở rộng nguồn lực, nâng cao tính chủ động và chất lượng trong quản lý, trùng tu, phát huy giá trị di tích. Những đổi mới này không chỉ giúp công tác quản lý di tích đi vào nền nếp, mà còn mở ra hướng phát triển bền vững, gắn kết giữa bảo tồn di sản với phát triển du lịch, giáo dục truyền thống và xây dựng bản sắc văn hóa Đồng Nai trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

3.2.2.2. Chỉ đạo công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa

Trong những năm 2006-2015, trước yêu cầu mới của sự nghiệp phát triển văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai xác định rõ vai trò, ý nghĩa to lớn của các DTLS-VH đối với việc giáo dục truyền thống, xây dựng bản sắc văn hóa địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, công tác chỉ đạo bảo tồn, tôn tạo các DTLS-VH được Đảng bộ tỉnh quan tâm đẩy mạnh và từng bước đưa vào nền nếp, cụ thể:

Về công tác kiểm kê di tích. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc kiểm kê phổ thông di tích, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã thống nhất, quán triệt quan điểm và chỉ đạo các cấp có liên quan thực hiện nghiên túc *Luật Di sản văn hóa*. Quán triệt chủ trương của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, SVHTTDL đã chỉ đạo Bảo tàng Đồng Nai phối hợp với Ban Quản lý Di tích - Danh thắng lập kế hoạch tổng kiểm kê phổ thông di tích trên địa bàn tỉnh. Nội dung kiểm kê được thực hiện toàn diện trên tất cả các mặt: số lượng, loại hình di tích, nhân vật thời cúng, khảo tả sơ lược di tích, hiện vật, niên đại... Trên cơ sở kết quả kiểm kê, SVHTTDL Đồng Nai sẽ tiến hành phân loại, nghiên cứu sơ bộ và tổng thể di tích trên địa bàn tỉnh, xác định di tích lịch sử có tiềm năng khai thác du lịch (Xem phụ lục 4).

Quán triệt sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, công tác kiểm kê phổ thông di tích được SVHTTDL và Bảo tàng Đồng Nai thực hiện hiệu quả. Năm 2009, Đồng Nai có hơn 15.000 di tích, 400 căn nhà truyền thống, hàng trăm ngôi mộ cổ, di chỉ khảo cổ học và 39 di tích - danh thắng đã được xếp hạng (trong đó có 24 di tích cấp Quốc gia và 15 di tích xếp hạng di tích cấp tỉnh) [19, tr. 25]. Năm 2015, tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành cơ bản việc điều tra di tích phổ thông với hơn 1.800 di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, kiến trúc, mỹ thuật như: đình, chùa, nhà thờ, thánh thất, từ đường, nghĩa từ, hội quán, nhà ở truyền thống... Theo quy hoạch giai đoạn 2015-2020, Đồng Nai tiếp tục lập hồ sơ đề nghị xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh.

Về công tác lập lập kế hoạch xếp hạng di tích. Nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xếp hạng di tích nhằm nghiên cứu, đánh giá những giá trị tiêu biểu của di tích, trên cơ sở đó tạo cơ sở pháp lý cho di tích ở các cấp độ khác nhau tùy thuộc vào giá trị của đối tượng để tiến hành bảo vệ, bảo quản, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị phục vụ xã hội [32, tr. 99], Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo, SVHTTDL Đồng Nai phối hợp với các đơn vị, các địa phương lập kế hoạch xếp hạng di tích theo từng năm. Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, trong hai năm 2006 và 2007, SVHTTD Đồng Nai đã lập hồ sơ khoa học 8 di tích trình UBND tỉnh xếp hạng; khảo sát, đánh giá thực trạng các di tích đã được xếp hạng, khai quật khảo cổ học xung quanh di tích mộ Cự thạch Hàng Gòn phục vụ cho việc trùng tu,

tôn tạo; phối hợp với các đơn vị lập Đề cương kế hoạch sưu tầm và trùng bày các hình ảnh, hiện vật tại di tích Căn cứ tỉnh ủy Biên Hòa, di tích Địa đạo Nhơn Trạch, di tích Chiến khu Đ [134, tr. 3-4]. Trong 5 năm (2006-2010), SVHTTDL Đồng Nai đã lập hồ sơ khoa học cho 10 di tích trình UBND tỉnh xếp hạng, đã trao bằng công nhận cho 3 di tích (thành Biên Hòa, miếu Tổ sư và cụm di tích đình Xuân Lộc - chùa Xuân Hòa); điều tra, khai quật khảo cổ học ở địa điểm Gò Me, đình Tân Lại (thành phố Biên Hòa), di tích mộ Cự thạch Hàng Gòn, thu thập hàng ngàn hiện vật các loại; Bảo tàng đã sưu tầm hơn 600 hiện vật các loại, cùng nhiều tư liệu, hình ảnh quý; hoàn thiện hồ sơ khoa học cho 18.000 hiện vật; phân loại, lập danh mục cho 141 hiện vật quy hiếm [117, tr. 4-5].

Tuy nhiên, việc lập kế hoạch xếp hạng di tích theo từng năm cũng có những hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến việc xếp hạng, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích. Để khắc phục hạn chế này, SVHTTDL tỉnh Đồng Nai đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, địa phương xây dựng Đề án Quy hoạch lộ trình xếp hạng di tích - danh thắng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020 trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt[2]. Tại Đề án, UBND tỉnh Đồng Nai đưa ra mục đích thực hiện quy hoạch lộ trình xếp hạng di tích - danh thắng nhằm thống kê số lượng di tích đã được kiểm kê để lập danh mục đề nghị các cấp có thẩm quyền thực hiện xếp hạng di tích cấp Quốc gia và cấp tỉnh theo quy định. Trong việc kiểm kê, đánh giá và lập hồ sơ xếp hạng di tích cần thực hiện theo đúng quy định của *Luật Di sản văn hóa*, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã đề ra. Trong việc xếp hạng di tích cần thực hiện theo từng giai đoạn của lộ trình và ưu tiên xếp hạng các DTLS-VH phục vụ yêu cầu phát triển văn hóa và đời sống nhân dân, gắn liền với phát triển du lịch của địa phương. Để đánh giá khách quan thực trạng các di tích và danh thắng trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Đồng Nai yêu cầu SVHTTDL và các cơ quan, đơn vị phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng quy hoạch về lộ trình xếp hạng di tích giai đoạn 2011-2020. Như vậy, việc lập quy hoạch lộ trình xếp hạng di tích và danh thắng ở Đồng Nai theo từng

[2] Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 20-9-2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch lộ trình xếp hạng di tích - danh thắng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020.

giai đoạn đã giúp SVHTTDL, các cơ quan chức năng chủ động xây dựng kế hoạch, huy động mọi nguồn lực để bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa đạt hiệu quả. Căn cứ vào quy hoạch lộ trình xếp hạng di tích, danh thắng để xây dựng kế hoạch đầu tư, huy động vốn từ ngân sách Nhà nước, ngân sách địa phương và nguồn vốn xã hội hóa ưu tiên bảo tồn những di tích có giá trị quan trọng về mặt thực tiễn, lịch sử, khoa học, phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội của địa phương trong những năm tới.

Năm 2011, SVHTTDL tỉnh Đồng Nai chỉ đạo các ngành, các địa phương triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch lộ trình xếp hạng di tích - danh thắng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2020. Thực hiện sự chỉ đạo của SVHTTDL Đồng Nai, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Đồng Nai đã lập 4 hồ sơ xếp hạng di tích gồm nhà Tây núi Thị, đình Long Chiến, Núi Chứa Chan, di tích đình Phú Trạch; 4 dự án tu bổ, tôn tạo di tích; biên soạn tài liệu tuyên truyền cho 3 di tích gồm mộ cự thạch Hàng Gòn, đình An Hòa, kiến trúc nhà thờ cổ Đồng Nai; phối hợp với tổ chức Jica Nhật Bản nghiên cứu làng cổ Phú Hội phục vụ cho việc lập hồ sơ khoa học trình Bộ VHTTDL xếp hạng di tích cấp Quốc gia; thực hiện bảo quản với 7 di tích. Bảo tàng Đồng Nai đã nghiên cứu lập 268 hồ sơ hiện vật còn tồn đọng; sưu tầm 54 hiện vật đề tài kỷ vật kháng chiến và thời kỳ bao cấp; hoàn chỉnh hồ sơ (60 tiêu bản) đề nghị công nhận hiện vật là bảo vệ quốc gia... [128, tr. 4]. Tính đến năm 2015, trên địa bàn tỉnh có tổng cộng 50 di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng, trong đó, có 28 di tích quốc gia và 21 di tích cấp tỉnh, 02 di tích cấp quốc gia đặc biệt [233, tr. 7] gồm di tích danh thắng Vườn Quốc gia Cát Tiên và di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn.

Về công tác bảo quản, tu bổ, tôn tạo các di tích, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo SVHTTDL tập trung ưu tiên cho các di tích đã được xếp hạng; chú trọng khai thác phát triển du lịch di sản, kết nối với các DTLS-VH, di tích cách mạng, kiến trúc nghệ thuật trở thành điểm đến hấp dẫn khách du lịch. Ngày 13-8-2015, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 2366/QĐ-UBND Về phê duyệt "Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" trong đó nhấn

mạnh nhiệm vụ: "Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc là nhiệm vụ then chốt của Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa" [235, tr. 4]. Quán triệt sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh, trong những năm 2006-2010, SVHTTDL đã chỉ đạo toàn ngành đẩy mạnh công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo, chống xuống cấp cho hơn 20 di tích. Trong đó, có một số dự án lớn như: Nhà lao Tân Hiệp, mộ cục thạch Hàng Gòn, mộ Đoàn Văn Cự, chùa Long Thiền… Thực hiện xếp hạng cho các di tích: thành Biên Hòa, miếu Tổ sử, đình Xuân Lộc - chùa Xuân Hòa, địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa, núi Chứa Chan, đình Hưng Lộc; sưu tầm được trên 1.771 hiện vật (trong đó có 1.000 hiện vật khảo cổ học), 2.120 tài liệu, hình ảnh quý và 04 đĩa CD; Hoàn thiện hồ sơ khoa học cho 17.233 hiện vật; Phân loại, lập danh mục cho 141 hiện vật quý hiếm bằng phương pháp định vị phát quang mã hóa (bảo vệ đặc biệt) [122, tr. 4-5].

Ngay sau khi Đề án Quy hoạch lộ trình xếp hạng di tích, danh thắng được phê duyệt, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 19-3-2012 về "Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ di dời, bảo tồn và phát triển các cơ sở sản xuất gốm mỹ nghệ truyền thống trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai". Quy định gồm 12 điều quy định chi tiết về đối tượng, phạm vi áp dụng, nội dung, nguyên tắc hỗ trợ, giao trách nhiệm cho SVHTTDL và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

Ngày 16-8-2012, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 2277/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án "Xây dựng và Phát triển Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2012-2020". Trong Đề án, UBND tỉnh Đồng Nai nhấn mạnh mục tiêu, nội dung và các giải pháp thực hiện phát triển Khu bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, chú trọng đến nguồn vốn đầu tư, khoa học công nghệ, nguồn nhân lực, môi trường.

Năm 2013, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chỉ đạo SVHTTDL và UBND các huyện, xã tổ chức thực hiện Dự án trùng tu, tôn tạo khu di tích Nhà lao Tân Hiệp; xây dựng Bia truyền thống Hội Phụ nữ khu Đông Nam bộ tại khu Di tích Căn cứ Chiến khu Đ; xây dựng cụm tượng đài và nhà lưu niệm truyền thống tại Khu di tích căn

cứ Tỉnh ủy U1. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp nhận kinh phí để trùng tu, tôn tạo di tích theo quy định, thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo đúng tiến độ và kế hoạch đề ra.

Bên cạnh đó, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chỉ đạo SVHTTDL và các cơ quan liên quan thực hiện tốt công tác bảo quản xử lý mối mọt, nấm mốc cho 25/46 di tích; kiểm kê hiện vật thờ cúng trong di tích được 10/46 di tích; thực hiện tu bổ, chống xuống cấp di tích cho 16/46 di tích; trùng tu, tôn tạo được 10/50 di tích [233, tr. 7]. Để bảo vệ các di tích, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chỉ đạo Ban Quản lý Di tích - Danh thắng các huyện, Ban Quý tế, Ban Trị sự, Trụ trì các di tích sắp xếp người bảo vệ, trông giữ, vận động nguồn xã hội hóa, thực hiện trang bị hệ thống camera theo dõi, giám sát để chống kẻ gian đột nhập lấy trộm hiện vật, tài liệu có giá trị về lịch sử, văn hóa. Đồng thời, yêu cầu các Ban Quản lý di tích đã xếp hạng tiến hành đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định để tránh xâm hại, lấn chiếm đất di tích.

Cùng với việc bảo quản, trùng tu, tôn tạo di tích, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chỉ đạo các cơ quan chức năng trong tỉnh phối hợp chặt chẽ xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm di tích như: lấn chiếm đất đai di tích, sử dụng sai chức năng, tùy tiện sửa chữa hoặc xây dựng các công trình mới trong di tích... Với chức năng tham mưu cho UBND tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về di sản văn hóa, SVHTTDL Đồng Nai đã tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định của pháp luật về di sản văn hóa; triển khai các hoạt động tập huấn nâng cao nghiệp vụ, kiến thức cho đội ngũ cán bộ của ngành về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan, các địa phương kịp thời giải quyết những vướng mắc có liên quan đến công tác bảo quản, trùng tu, tôn tạo di tích.

Ngày 31-8-2015, Đảng bộ Đồng Nai xây dựng Kế hoạch số 257-KH/TU về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI). Trong Kế hoạch, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhấn mạnh một số vấn đề:

1) Huy động sức mạnh toàn xã hội để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương nói riêng, của dân tộc Việt Nam nói chung.

2) Định kỳ thực hiện tổng điều tra di sản văn hóa phi vật thể, trên cơ sở đó sưu tầm, nghiên cứu các di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc bản địa trong tỉnh làm cơ sở đề nghị ghi danh Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của dân tộc. Chú trọng nghiên cứu, khai thác, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa lịch sử, truyền thống vùng căn cứ kháng chiến cũ, văn hóa của các dân tộc thiểu số và tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

3) Ưu tiên kinh phí dành cho công tác bảo tồn, tôn tạo, trùng tu các DTLS-VH đã được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ khoa học đề nghị SVHTTDL xem xét công nhận di tích.

4) Khai thác các di tích, danh lam thắng cảnh trên địa bàn phục vụ có hiệu quả giáo dục truyền thống, phát triển du lịch, kinh tế, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Đồng Nai với bạn bè trong nước và quốc tế [177, tr. 6-7].

Nhìn chung, hoạt động chỉ đạo bảo tồn, tôn tạo các DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2006-2015 đã có bước tiến rõ rệt cả về quy mô và chất lượng. Nếu như ở giai đoạn trước (1996-2005), hoạt động kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng di tích còn mang tính cục bộ, manh mún, thiếu tính hệ thống và chuyên nghiệp thì sang giai đoạn sau (2006-2015), công tác này đã được triển khai bài bản, có kế hoạch cụ thể và dài hạn. Việc bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích không chỉ dừng lại ở mục tiêu bảo vệ hiện trạng, mà còn gắn với định hướng phát huy giá trị, phục vụ phát triển du lịch, giáo dục truyền thống và xây dựng bản sắc văn hóa địa phương. Đặc biệt, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng và chính quyền cơ sở được nâng cao, nguồn lực đầu tư được mở rộng và xã hội hóa mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi để công tác bảo tồn di tích bước vào giai đoạn chuyên nghiệp, hiệu quả và bền vững hơn.

3.2.2.3. Chỉ đạo công tác phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Nhận thức sâu sắc vai trò của các DTLS-VH không chỉ là "chứng tích" của quá khứ, mà còn là "tài sản" tinh thần quý giá cần được khai thác hiệu quả ở hiện tại và tương lai, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã đã đẩy mạnh triển khai nhiều hoạt động

thiết thực, đồng bộ nhằm phát huy giá trị các DTLS-VH thông qua nhiều hình thức khác phong phú, đa dạng:

Thứ nhất, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa thông qua hoạt động của bảo tàng và nhà truyền thống

Theo điều 47 và 48 *Luật Di sản văn hóa*: Bảo tàng là thiết chế văn hóa có chức năng sưu tầm, bảo quan, nghiên cứu, trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa, bằng chứng vật chất về thiên nhiên, con người, môi trường sống của con người nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng. Để thực hiện tốt chức năng này, Bảo tàng Đồng Nai cần phát huy hiệu quả giá trị các di sản văn hóa phục vụ xã hội. Trong thời kỳ mới, nhu cầu về hưởng thụ đời sống vật chất và tinh thần của người dân Đồng Nai ngày càng được nâng lên, đòi hỏi Bảo tàng Đồng Nai phải tự đổi mới để đáp ứng nhu cầu của công chúng. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của cuộc sống, Bảo tàng Đồng Nai đã triển khai nhiều hoạt động phong phú, đa dạng hướng tới mục tiêu trở thành địa chỉ sinh hoạt văn hóa, giáo dục, giải trí của du khách trong và ngoài nước. Thông qua các hoạt động của bảo tàng, góp phần tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân và du khách về công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ở địa phương.

Với tư cách là một thiết chế văn hóa thực hiện hai chức năng: nghiên cứu khoa học và giáo dục khoa học, Bảo tàng Đồng Nai đã tập trung sưu tầm, kiểm kê, bảo quản các hiện vật thuộc các DTLS-VH. Trong những năm 2006-2015, công tác sưu tầm, quản lý hiện vật của Bảo tàng Đồng Nai được thực chuyên nghiệp, chuyên sâu hơn. Các đề tài sưu tầm hiện vật đều được xây dựng đề cương kế hoạch, trình duyệt đúng quy định như: Đề tài Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới; Kỷ vật Tù chính trị Đồng Nai; Thời kỳ bao cấp ở Đồng Nai; Nghề thủ công truyền thống Đồng Nai; Văn hóa công nghiệp và công nhân ở Đồng Nai; Đơn vị và cá nhân Anh hùng lực lượng vũ trang Đồng Nai; Kỷ vật các Bà mẹ Việt Nam anh hùng... Hơn nữa, Bảo tàng còn chú trọng sưu tầm các hiện vật có giá trị như công cụ sản xuất, đồ trang sức, trang phục, tín ngưỡng, lễ hội… để bổ sung cho các bộ sưu tập đã có trước đó.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số ngành văn hóa, SVHTTDL Đồng Nai đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, số hóa trên tất cả các lĩnh vực. Đặc biệt, trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, SVHTTDL Đồng Nai đặc biệt chú trọng việc chuyển đổi số trong số hóa hồ sơ, tài liệu, bảo vật quốc gia, hiện vật trưng bày tại bảo tàng. Trong giai đoạn 2006-2015, SVHTTDL Đồng Nai đã hướng dẫn Bảo tàng số hóa hàng ngàn hiện vật quý về khảo cổ học, dân tộc học, động thực vật, hiện vật cách mạng, các băng đĩa về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng… Đồng thời, thực hiện số hóa công nghệ 3D cho một số bảo vật quốc gia, giới thiệu không gian tham quan bảo tàng ở một số phòng chuyên đề bằng hình ảnh 3D, xây dựng các tour tham quan 360 thực tế ảo. Bên cạnh đó, Bảng tàng tỉnh Đồng Nai còn phối hợp với Đài truyền hình thực hiện nhiều bộ phim tư liệu như: di tích đình Phước Lư, phim tư liệu về văn nghệ dân gian dân tộc Tày ở Đồng Nai, phim về bảo vật quốc gia, phim văn hóa phi vật thể như nghề làm võng mâu của người Chơ ro, canh bồi trong đời sống của người Mạ… Ngoài ra, Bảo tàng còn phối hợp với nhiều trường học trên địa bàn tỉnh ứng dụng công nghệ 4.0 để xây dựng các video, bản đồ về các địa điểm di tích để học sinh trải nghiệm tham quan thực tế. Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại đã góp phần tạo ra làn gió mới cho công tác bảo, phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai trong bối cảnh hội nhập.

Song song với việc sưu tầm, bảo quản các di sản văn hóa nhằm phục vụ lợi ích của xã hội, Bảo tàng Đồng Nai còn thường xuyên tổ chức các cuộc trưng bày, triển lãm chuyên đề, trưng bày lưu động… nhằm giới thiệu đến công chúng những hiện vật, tư liệu quý hiếm về lịch sử, văn hóa của vùng đất Đồng Nai. Trong những năm 2006-2015, Bảo tàng Đồng Nai đã thực hiện hàng chục cuộc triển lãm tại cố định tại bảo tàng, gần 100 cuộc triển lãm chuyên đề và hơn 60 cuộc triển lãm lưu động tại các địa phương, các cơ quan, đơn vị, trường học với nhiều chuyên đề về giá trị di sản văn hóa dân tộc, truyền thống, sự kiện lịch sử, nét đẹp về thiên nhiên, đất nước con người, những thành tựu kinh tế - xã hội... tiêu biểu như: “Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử và pháp lý”; “Đồng Nai với biển đảo quê hương”; “Hồ Chí Minh cuộc đời và sự nghiệp”; “Thành tựu Đồng Nai qua

40 năm xây dựng và phát triển”... Qua các đợt triển lãm, Bảo tàng đã thu hút được hàng ngàn lượt người đến tham quan, tìm hiểu về lịch sử, văn hóa truyền thống của vùng đất Đồng Nai. Hằng năm, Bảo tàng tỉnh Đồng Nai cũng tiếp đón khoảng 100.000 lượt khách trong nước và quốc tế đến tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu về các giá trị di sản văn hóa, truyền thống lịch sử của địa phương [233, tr. 8].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Bảo tàng Đồng Nai còn đẩy mạnh hoạt động giao lưu văn hóa với các nước bạn như tổ chức triển lãm nhân kỷ niệm 20 năm (1992 - 2012) thiết hệ hữu nghị giữa tỉnh Đồng Nai và tỉnh Gyeongnam (Hàn Quốc); thực triển lãm 50 năm (1962 - 2012) thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việ Nam - Lào… Đặc biệt, năm 2009, Bảo tàng Đồng Nai đưa 03 hiện vật cổ gồm tượng Trút (Tê tê), tượng Nam thần, tượng thần Vishnu tham dự cuộc triển lãm với chủ đề “Nghệ thuật cổ Việt Nam từ châu thổ ra biển lớn” tại Hoa Kỳ, đồng thời phối hợp với Bảo tàng Ký ức chiến tranh Australia đưa hiện vật “Cây thập tự Long Tân” sang trưng bày tại thành phố Canberra thủ đô của Australia.

Hằng năm, Bảo tàng Đồng Nai còn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học, nói chuyện chuyên đề nhằm giới thiệu giá trị các DTLS-VH đến với công chúng; tổ chức các buổi sinh hoạt truyền thống về văn hóa, lịch sử, dân tộc; tham gia xây dựng các bộ phim tư liệu, in sách, tờ gấp, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và danh nhân ở Đồng Nai cho các đối tượng là học sinh, sinh viên. Qua đó, gửi thông điệp đến cộng đồng về những giá trị truyền thống của quê hương, đất nước và trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay trong việc gìn giữ và phát huy những giá trị tốt đẹp đó.

Nhìn chung, Bảo tàng Đồng Nai đã tích cực, chủ động làm tốt vai trò gìn giữ và phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương. Tuy nhiên, trước nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng đa dạng của du khách, Bảo tàng Đồng Nai cần chủ động làm mới các hoạt động với nhiều hình thức giáo dục đa dạng, phong phú nhằm tạo sức hút đối với du khách, qua đó nâng cao vai trò bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở địa phương.

Thứ hai, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa thông qua hoạt động tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về các di tích, danh thắng Đồng Nai

DTLS-VH Đồng Nai giữ vai trò quan trọng góp phần tạo nên tính đa dạng, phong phú của nền văn hóa Việt Nam; đồng thời, đem lại những giá trị to lớn về mặt kinh tế - xã hội. Do đó, bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Nhận thức rõ vai trò của công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chỉ đạo SHVTTDL và các cấp, các ngành, các địa phương phối hợp chặt chẽ với các báo, đài truyền hình ở Trung ương và địa phương tổ chức tuyên truyền, quảng bá các DTLS-VH với nhiều hình thức phong phú như: tăng cường quảng bá hình ảnh, tư liệu trên các nền tảng truyền thông số, mạng xã hội; đưa DTLS-VH vào chương trình giảng dạy học đường, tổ chức nhiều cuộc thi tìm hiểu về di sản văn hóa, di tích lịch sử dành cho mọi tầng lớp nhân dân; phối hợp với các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông đưa học sinh tới tham quan, học tập tại các di tích, đặc biệt là các di tích cách mạng góp phần giáo dục cho thế hệ trẻ về lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước và trách nhiệm bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương.

Để thúc đẩy các hoạt động tuyên truyền, quảng bá các hoạt động văn hóa, văn nghệ, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo SVHTTDL và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ giai đoạn 2014-2020" theo Kế hoạch số 4417/KH-UBND ngày 26-5-2014 của UBND tỉnh Đồng Nai. Qua đó, góp phần nâng cao năng lực tổ chức hoạt động học tập suốt đời cho đội ngũ công chức, viên chức; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động tuyên truyền về học tập suốt đời cho các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ; tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương. Hơn nữa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường trong

hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh. Thông qua đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên xung quanh các khu di tích, đảm bảo cho không gian văn hóa Đồng Nai luôn thân thiện - xanh - sạch - đẹp; ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động xấu của môi trường đến hoạt động văn hóa, lễ hội và giá trị di sản văn hóa; đảm bảo phát triển du lịch bền vững, gắn phát huy giá trị DTLS-VH với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Cùng với việc phát huy giá trị các DTLS-VH, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn quan tâm chỉ đạo công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể như: Gìn giữ tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; Bảo tồn và phát huy lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai; Hỗ trợ xây dựng, tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ… Đồng thời, chỉ đạo SVHTTDL phối hợp cùng với các cơ quan, ban ngành khác triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra. Ngoài ra, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc bảo quản tài liệu, cổ vật, di tích, đưa công nghệ mới vào việc chiếu phim, sản xuất ấn phẩm, quản lý công tác lưu trữ của thư viện, bảo tàng… Đặt bia biển chỉ đường và bảng nội dung giới thiệu di tích cho 22/50 di tích được xếp hạng.

Thứ ba, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch

Quán triệt chủ trương của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH gắn với phát triển du lịch, thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, từ năm 2009, Trung tâm Xúc tiến Du lịch tỉnh (trực thuộc SVHTTDL Đồng Nai) được thành lập theo Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 9-10-2009 của UBND tỉnh nhằm thực hiện các nhiệm vụ quảng bá, xúc tiến đầu tư cho ngành du lịch Đồng Nai. Sau khi được thành lập, Trung tâm Xúc tiến Du lịch tỉnh Đồng Nai đã triển khai thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch như xúc tiến đầu tư cho ngành du lịch Đồng Nai với nhiều hoạt động quảng bá, giới thiệu như hội thảo, tọa đàm, gặp mặt các Công ty du lịch chuyên nghiệp trong, ngoài tỉnh đều lồng ghép giới thiệu tiềm năng du lịch di sản văn hóa và danh lam thắng cảnh, vùng sinh thái ở Đồng Nai.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, SVHTTDL Đồng Nai đã phối hợp với Hiệp hội Du lịch và các doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia khảo sát, tọa đàm "Xây dựng tour và phát triển sản phẩm du lịch tuyến Biên Hòa - Vĩnh Cửu", "Nghiên cứu xây dựng mô hình du lịch dựa vào cộng đồng tại xã Hiếu Liêm - huyện Vĩnh Cửu Đồng Nai"… Qua đó, ký kết được nhiều hợp đồng với các công ty lữ hành chuyên nghiệp đầu tư dự án du lịch vào các DTLS-VH, danh lam thắng cảnh của tỉnh. Nhờ đó, các khu di tích, danh thắng trong tỉnh đã gắn kết chặt chẽ với các tour du lịch, tạo thành tuyến du lịch văn hóa tiêu biểu ở Đồng Nai như: Di tích Chiến khu Đ gắn liền với Trung tâm sinh thái - văn hóa lịch sử chiến khu Đ; tuyến du lịch đường sông Đồng Nai gắn việc phát huy các DTLS-VH hai bên bờ như: đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đền thờ Nguyễn Tri Phương, đình Tân Lân, danh thắng Bửu Long, miếu Tổ Sư, Văn miếu Trấn Biên, làng nghề gốm, làng nghề đá Bửu Long...; đồng thời gắn kết với các tour du lịch tham quan nghỉ dưỡng và hoạt động văn hóa ẩm thực, làng nghề truyền thống như: làng bưởi Tân Triều, làng cá bè Tân Mai, khai thác cá trên các cù lao Hiệp Hòa, cù lao Ba Xê, cù lao Tân Vạn...

Năm 2015, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo SVHTTDL và các cấp, các ngành, các địa phương triển khai Quy hoạch phát triển ngành du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (ban hành theo Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày13-8-2015 của UBND tỉnh Đồng Nai). Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, ngành du lịch Đồng Nai đã xây dựng các tour du lịch hoạt động hiệu quả, thu hút đông du khách tham quan tại các di tích như: tour du lịch Chiến khu Đ (Khu ủy miền Đông, Trung ương Cục miền Nam, Địa đạo Suối Linh); tour du lịch thăm làng dân tộc Chơro (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu)… Tour du lịch đường sông tham quan các di tích, làng nghề truyền thống bên sông Đồng Nai, thưởng thức văn hóa ẩm thực địa phương như: rượu bưởi, nem bưởi, gỏi bưởi, chè bưởi, gỏi cá… Hay tuyến du lịch Tân Phú - Định Quán đến các điểm du lịch Vườn Quốc gia Cát Tiên, thăm làng dân tộc Mạ ở thị trấn Hiệp Nghĩa (huyện Định Quán), làng dân tộc Mạ, S'tiêng ở xã Tà Lài (huyện Tân Phú).

Trong những năm 2006-2015, công tác chỉ đạo phát huy giá trị các DTLS-VH gắn với phát triển du lịch của Đồng Nai có nhiều chuyển biến rõ nét so với giai đoạn trước. Nếu như trước năm 2005, công tác chỉ đạo phát huy giá trị các DTLS-

VH mới chỉ tập trung chủ yếu vào hoạt động giáo dục truyền thống và giữ gìn, bảo tồn các di tích, thì sang giai đoạn này, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chủ động chỉ đạo kết hợp giữa bảo tồn di tích với khai thác tiềm năng du lịch, nhằm tạo ra những giá trị kinh tế - xã hội thiết thực. Nhờ đó, lượng khách du lịch đến với Đồng Nai tăng gấp 3 lần, doanh thu tăng gấp 2 lần, số lượng cơ sở lưu trú cũng tăng từ 297 lên 415, trong đó có 10 khách sạn được thẩm định, xếp hạng đạt chuẩn, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ du khách. Nhiều sản phẩm du lịch mới, gắn với di sản văn hóa, đã được hình thành và đưa vào khai thác kịp thời, đáp ứng nhu cầu tham quan ngày càng đa dạng. Tính riêng năm 2015, Đồng Nai đã thu hút trên 2,9 triệu lượt khách du lịch với doanh thu đạt 926 tỷ đồng [251]. Đặc biệt, nguồn lực thu được từ hoạt động du lịch đã từng bước được tái đầu tư trở lại cho công tác bảo tồn di sản như: hôi phục nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Mạ ở Hiệp Nghĩa (Định Quán), Tà Lài (huyện Tân Phú); phục dựng các ngôi nhà dài truyền thống của cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai; khôi phục lễ hội đâm trâu của dân tộc Mạ, S'Tiêng… Những kết quả này cho thấy, công tác chỉ đạo phát huy giá trị các DTLS-VH giai đoạn này không chỉ mở rộng về quy mô, mà còn đi vào chiều sâu, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển bền vững và xây dựng bản sắc văn hóa tỉnh Đồng Nai.

3.2.2.4. Chỉ đạo xã hội hóa công tác bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Trong bối cảnh nguồn lực ngân sách nhà nước còn hạn chế, trong khi nhu cầu bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS-VH ngày càng tăng, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai xác định xã hội hóa là một hướng đi tất yếu và lâu dài. Vì vậy, trong giai đoạn 2006-2015, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo triển khai mạnh mẽ, toàn diện xã hội hóa công tác bảo tồn DTLS-VH trên nhiều phương diện. Các cấp, các ngành và địa phương cũng tích cực huy động nguồn lực xã hội để nâng cấp hạ tầng tại các khu di tích trọng điểm, bảo vệ và tôn tạo những DTLS-VH đã được xếp hạng, đồng thời thúc đẩy hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch gắn với di tích. Ngoài ra, các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương cũng chủ động khuyến khích

sự tham gia của các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào công tác bảo tồn di sản; ban hành quy định cụ thể về thu phí tham quan di tích, danh thắng trên địa bàn (theo Quyết định số 44/2010/QĐ-UBND ngày 30-7-2010).

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh, ngày 31-7-2014, SVHTTDL Đồng Nai đã xây dựng Kế hoạch số 399/KH-TTTDTT "Về đầu tư công trung hạn 5 năm (2016-2020)" và Kế hoạch số 983/KH-SVHTTDL ngày 31-7-2014 "Về xây dựng kế hoạch phát triển và dự toán ngân sách Nhà nước của sự nghiệp Văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch năm 2015". Trong đó, nhấn mạnh đến nhiệm vụ xây dựng các Quy hoạch, Đề án về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc hiện có trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phát huy giá trị DTLS-VH; xây dựng quy hoạch phát triển du lịch Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 nhằm quảng bá, giới thiệu, xúc tiến phát triển du lịch của địa phương; dự toán ngân sách năm 2015 cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hóa của địa phương.

Trong những năm 2006-2015, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh đồng Nai, SVHTTDL Đồng Nai, Ban Quản lý Di tích và Danh thắng đã sử dụng hiệu quả nguồn vốn xã hội hóa trong thực hiện dự án tu bổ, tôn tạo di tích mô cự thạch Hàng Gòn, di tích chùa Long Thiền, di tích mộ Đoàn Văn Cự, di tích nhà lao Tân Hiệp, di tích chùa Đại Giác, di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, di tích Khu ủy miền Đông Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam, khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa U1, di tích lịch sử địa đạo Củ Chi... Đặc biệt, có một số dự án được đầu tư lớn như: Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961-1962) khoảng 20 tỷ đồng, Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam Bộ (Chiến khu Đ) khoảng 15 tỷ đồng, Nhà lao Tân Hiệp 27,5 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn xã hội hóa là 3,4 tỷ đồng, Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa U1 hơn 70 tỷ đồng [249]. Di tích nhà cổ Trần Ngọc Du được tổ chức Jica (Nhật Bản) tài trợ phần lớn kinh phí trùng tu, tôn tạo (700 triệu đồng). Công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các di tích cũng được Đảng bộ tỉnh huy động từ nhiều nguồn lực xã hội tương đương với nguồn đầu tư của Nhà nước. Một số di tích được trùng tu, chống xuống cấp hoàn toàn bằng nguồn vốn xã hội hóa như: di tích Chùa Ông (với kinh phí lên tới 5 tỷ đồng), di

tích Chùa Đại Giác (500 triệu đồng) [65, tr. 22]; khu Bảo tồn Thiên Nhiên - Văn hóa Đồng Nai cũng được tỉnh quan tâm đầu tư 192.926 triệu đồng; trong đó: 76.926 triệu đồng là vốn từ ngân sách Nhà nước và 116.000 triệu đồng từ các nguồn vốn xã hội hóa [41, tr. 3]. Ngoài ra, các hoạt động xã hội hóa khác ở các di tích cũng phát huy tốt như tổ chức lễ hội Chùa Ông, đình Hưng Lộc… với tổng kinh phí 25,6 tỷ đồng [7, tr. 3].

Đối với nguồn vốn của tỉnh, chỉ tính riêng từ năm 2010 đến năm 2015, tỉnh đã đầu tư cho công tác bảo quản, trùng tu di tích gần 500 triệu đồng, trong đó: Năm 2010 đầu tư bảo quản xử lý mối, mọt các di tích đình Phú Mỹ, chùa Bửu Hưng 22 triệu đồng. Năm 2011, bảo quản xử lý mối, mọt các di tích Nhà Xanh, chùa Bửu Phong, đình Tân Lân, đền thờ Đoàn Văn Cự, đền thờ Nguyễn Tri Phương 80 triệu đồng. Năm 2013, bảo quản xử lý mối, mọt các di tích đình Xuân Lộc, chùa Xuân Hòa, đình Long Chiến, đình Phú Trạch 86 triệu đồng. Năm 2014, bảo quản xử lý mối, mọt các di tích đình Phước Lộc, đền thờ Trần Hưng Đạo, đình Tân Lân 82,453 triệu đồng. Năm 2015, bảo quản xử lý mối, mọt các di tích: đền thờ Nguyễn Tri Phương, đình Cẩm Vinh, đình Dầu Giây 76.240 triệu đồng [8].

Ngoài ra, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH bằng nguồn vốn đầu tư của tỉnh và nguồn vốn xã hội hóa như đầu tư xây dựng môi trường, cảnh quan xung quanh khu di tích, phát triển hệ thống giao thông… Tính đến cuối năm 2014, tỉnh Đồng Nai đã đầu tư xây dựng và mở rộng hệ thống đường giao thông với tổng chiều dài 6.876,5 km, 15 bến xe khách (3 bến xe khách liên tỉnh và 12 bến xe khách ở các thị xã, thị trấn), 12 trạm xe buýt được khai thác và sử dụng hiệu quả. Tuyến đường sắt Thống Nhất được trang bị hiện đại với hệ thống thông tín tín hiệu chạy tàu bán tự động, giao thông đường thủy trong tỉnh được mở rộng với tổng chiều dài 431 km và 24 tuyến đường sông, 61 kênh rạch với chiều dài 101 km. Tại các điểm di tích đều có nhà vệ sinh đảm bảo sạch sẽ; có thùng rác và nhân viên vệ sinh thường xuyên thu gom rác đảm bảo môi trường. Hầu hết các khuôn viên di tích đều có cây trồng tạo cảnh quan đẹp, thoáng mát cho điểm di tích. Đối với các khu vực xung quanh di tích không có hiện tượng

bán hàng tràn lan. Bãi đỗ xe, sân tổ chức lễ hội đều được quy hoạch và xây dựng phục vụ nhu cầu thiết của khách tham quan.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo xã hội hóa trong bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006-2015 đã có bước phát triển rõ rệt, phản ánh sự đổi mới trong tư duy lãnh đạo và cách tiếp cận của Đảng bộ tỉnh đối với công tác di sản. Nếu như trước năm 2005, việc bảo tồn di tích chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách nhà nước, còn mang tính đơn tuyến và thiếu chiều sâu, thì trong giai đoạn này, hoạt động xã hội hóa đã được triển khai một cách đồng bộ, bài bản và có định hướng chiến lược. Các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư, cùng với việc phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp, các ngành đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia rộng rãi của toàn xã hội. Nhờ đó, nguồn lực cho công tác bảo tồn được mở rộng đáng kể; đồng thời, hình thành mối liên kết chặt chẽ giữa bảo tồn ti tích với phát triển du lịch, văn hóa và kinh tế địa phương. Đây là nền tảng quan trọng góp phần xây dựng mô hình quản lý di tích bền vững, phù hợp với yêu cầu hội nhập và phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH là một trong những nhân tố quan trọng góp phần gìn giữ truyền thống, bản sắc dân tộc, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của mỗi địa phương. Trong giai đoạn 2006-2015, nhận thức rõ vai trò đặc biệt của di sản văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã tăng cường chỉ đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH thông qua nhiều hoạt động thiết thực như: xây dựng cơ chế, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý; triển khai đồng bộ công tác kiểm kê, xếp hạng, trùng tu di tích; đẩy mạnh xã hội hóa và gắn kết chặt chẽ với phát triển du lịch… Nhờ đó, nhiều di tích trên địa bàn tỉnh đã được trùng tu, tôn tạo và phục dựng kịp thời, góp phần tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống tinh thần cho người dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương còn tồn tại một số hạn chế như: thiếu nguồn lực đầu tư, một số di tích xuống cấp nghiêm trọng, nguy cơ mai một… Do đó, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cần tiếp tục đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, đúc kết bài

học kinh nghiệm và đề ra những giải pháp toàn diện, hiệu quả hơn trong giai đoạn tới.

So với các địa phương trong khu vực Đông Nam Bộ như Tây Ninh, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh, công tác lãnh đạo, chỉ đạo bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai có nhiều điểm tương đồng, đặc biệt là việc thực hiện *Luật Di sản văn hóa* theo hướng phân cấp rõ ràng, chủ động trong công tác quản lý, đầu tư và khai thác di tích; thành lập Ban Quản lý di tích cấp tỉnh, cấp huyện để quản lý các di tích đã xếp hạng; tổ chức nhiều hoạt động đa dạng như sưu tầm, trưng bày hiện vật, triển lãm lưu động, kết nối với du lịch và giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ… Tuy nhiên, Đồng Nai có những đặc trưng riêng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị DTLS-VH so với các địa phương khác. Trước hết, Đồng Nai là vùng đất có sự giao thoa của nhiều lớp cư dân, từ văn hóa Óc Eo, người Việt khai phá phương Nam, đến dấu ấn kháng chiến chống thực dân, đế quốc, để lại hệ thống di tích đa dạng, phong phú cả về cách mạng, tôn giáo, tín ngưỡng và văn hóa. Trong khi đó, Tây Ninh nổi bật với hệ thống di tích gắn liền với căn cứ cách mạng và tôn giáo Cao Đài, còn Bình Dương có thế mạnh về các làng nghề truyền thống và di sản gắn với quá trình đô thị công nghiệp sớm hình thành ven Sài Gòn - Gia Định. Thành phố Hồ Chí Minh tập trung khai thác giá trị các DTLS-VH trong bối cảnh đô thị hóa và phát triển du lịch hiện đại mang tích quốc tế hóa cao; Sự khác biệt này quy định định hướng bảo tồn: Đồng Nai vừa coi trọng bảo tồn "địa chỉ đỏ" cách mạng (Chiến khu Đ, Nhà lao Tân Hiệp…), vừa tập trung phục dựng di tích văn hóa - giáo dục (Văn miếu Trấn Biên, Trường Nữ tiểu học Biên Hòa…), tạo nên bản sắc đa chiều, khác với Tây Ninh nghiêng về bảo tồn di sản tôn giáo và Bình Dương chú trọng di sản nghề truyền thống hay thành phố Hồ Chí Minh theo hướng bảo tồn hiện đại, kết hợp khai thác du lịch. Bên cạnh đó, Đồng Nai còn là tỉnh công nghiệp hóa sớm và mạnh, tốc độ đô thị hóa cao, áp lực di dân cơ học lớn hơn so với Tây Ninh và tương đương Bình Dương. Tuy nhiên, khác với Bình Dương - nơi tốc độ đô thị hóa nhanh thường đi kèm tình trạng thương mại hóa, thu hẹp quỹ đất di sản, thì Đồng Nai có sự gắn kết chặt hơn giữa quy hoạch đô thị và bảo tồn di tích. Việc tái thiết Văn miếu Trấn Biên, xây

dựng khu tưởng niệm Nguyễn Hữu Cảnh hay việc bảo tồn các di tích cách mạng trong lòng đô thị Biên Hòa thể hiện rõ nỗ lực vừa công nghiệp hóa, vừa giữ gìn "không gian ký ức". Tây Ninh, với lợi thế địa hình núi Bà Đen và di tích căn cứ cách mạng, lại có không gian phát triển du lịch - văn hóa gắn với thiên nhiên, ít chịu sức ép trực tiếp từ đô thị hóa như Đồng Nai. Như vậy, Đồng Nai nổi bật bởi "bài toán khó" dung hòa giữa tốc độ CNH, HĐH với bảo tồn di tích ngay trong vùng lõi phát triển. Về mô hình phát huy giá trị các di tích, Đồng Nai chú trọng kết hợp bảo tồn với giáo dục truyền thống và phát triển du lịch văn hóa - lịch sử. Văn miếu Trấn Biên trở thành trung tâm giáo dục truyền thống hiếu học, lòng yêu nước; Chiến khu Đ là "trường học lớn" về lịch sử cách mạng cho thế hệ trẻ. Bình Dương cũng phát triển mô hình du lịch gắn với làng nghề và di sản đô thị cổ, nhưng thiên về hướng khai thác kinh tế; trong khi Tây Ninh dựa nhiều vào du lịch tâm linh và tôn giáo. Đồng Nai, nhờ sự lãnh đạo có trọng tâm của Đảng bộ, đã tạo ra sự cân bằng hơn giữa giá trị văn hóa, giáo dục và kinh tế, góp phần làm nên đặc trưng riêng trong cách tiếp cận bảo tồn di sản.

Sự đa dạng trong cách làm của các địa phương không chỉ phản ánh đặc điểm riêng của mỗi vùng, mà còn là những kinh nghiệm quý báu để Đồng Nai tiếp tục học hỏi, điều chỉnh và nâng cao chất lượng công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Tiểu kết chương 3

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giữ vị trí "bản lề chiến lược" trọng yếu cả về kinh tế, quốc phòng, an ninh của đất nước. Trong những năm 2006-2015, quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức từ quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, khiến cho các các giá trị truyền thống đang dần bị mai một, biến chất do ảnh hưởng của việc du nhập các hoạt động văn hóa tiêu cực, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc; không ít các di tích bị xuống cấp, bị thương mại hóa… Để đẩy mạnh lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vào tình hình thực tế của địa phương.

So với giai đoạn trước, trong những năm 2006-2015, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã có nhiều đổi mới, sáng tạo hơn trong lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương, chú trọng đẩy mạnh các hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích gắn với phát triển du lịch; phát huy hiệu quả vai trò của cộng đồng, nhân dân. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, sự chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành, công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các DTLS-VH đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở giai đoạn này còn tồn tại một số hạn chế, ảnh hưởng đến những thành tựu trong quá trình đổi mới, phát triển của Đồng Nai. Song, những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại sẽ là bài học kinh nghiệm quý để Đồng Nai tiếp tục phát huy, thực hiện hiệu quả hơn nữa công tác bảo tồn DTLS-VH trong giai đoạn tới.

Chương 4
NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. Nhận xét

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Thứ nhất, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã quán triệt, vận dụng đúng đắn chủ trương của Đảng, kịp thời đề ra chủ trương bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa phù hợp với thực tiễn địa phương

Đồng Nai là địa phương có vị thế trọng yếu tại khu vực Đông Nam Bộ, trải qua quá trình hình thành và phát triển, đất và người nơi đây đã kiến tạo, gìn giữ một kho tàng di sản văn hóa đồ sộ. Đây là những bằng chứng vật chất, phản ánh sâu sắc đặc trưng văn hóa, về quá khứ cội nguồn và truyền thống đấu tranh dựng nước, giữ nước của vùng đất Đồng Nai; là tài sản vô giá trong kho tàng di sản văn hóa của dân tộc, giữ vai trò là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại với tương lai. Hệ thống các DTLS-VH của Đồng Nai còn là nguồn lực dồi dào cho tăng trưởng kinh tế của địa phương. Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của các DTLS-VH, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã quán triệt sâu sắc và vận dụng linh hoạt, đúng đắn các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH vào thực tiễn địa phương. Đặc biệt, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác bảo tồn di sản như Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã được Đảng bộ tỉnh cụ thể hóa thành các chương trình hành động, kế hoạch, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc biệt, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã đặt công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trong mối quan hệ biện chứng với phát triển kinh tế, giáo dục truyền thống và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Hơn nữa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chủ động ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù như: thành lập các ban quản lý di tích tại cấp tỉnh và cấp huyện, xây dựng quy định thu phí tham quan di tích, huy động nguồn lực xã hội hóa… Điều này cho thấy tư duy lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đã có sự đổi mới theo hướng thực tiễn, năng động, phù

hợp với xu thế phát triển. Nhờ đó, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ngày càng đi vào chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm và phát huy hiệu quả rõ rệt trong đời sống xã hội. Đây là nền tảng quan trọng giúp Đồng Nai nâng cao năng lực quản lý di sản, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tạo động lực thúc đẩy phát triển du lịch, kinh tế địa phương một cách bền vững.

Từ Đại hội Đảng bộ lần thứ VI đến IX, hệ thống quan điểm lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai luôn nhất quán và không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, cho thấy tư duy phát triển ngày càng sâu sắc và toàn diện. Nếu như ở giai đoạn đầu (1996-2000), Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đặt trọng tâm là "tu bổ, tôn tạo đi đôi với quản lý bảo vệ" [155, tr. 67] nhằm phục vụ giáo dục truyền thống dân tộc cho các thế hệ, nhất là thanh thiếu niên, thì đến giai đoạn sau (2006-2015), quan điểm chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chuyển mạnh sang hướng "gắn kết bảo tồn di sản với phát triển kinh tế, nhất là du lịch văn hóa" và "mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới" [167, tr. 166-167]. Đặc biệt, tư tưởng "xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù" và "huy động sự tham gia của toàn xã hội" đã chứng minh tầm nhìn chiến lược và cách tiếp cận mở, linh hoạt, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Hơn nữa, trong quá trình tổ chức thực hiện, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai không chỉ dừng lại ở việc quán triệt chủ trương, mà còn chủ động cụ thể hóa bằng nhiều chương trình, kế hoạch đồng bộ như: kiện toàn bộ máy quản lý di tích; phân cấp quản lý đến tận cấp xã, huyện; xây dựng cơ chế khuyến khích xã hội hóa; nâng cao hiệu quả hoạt động của bảo tàng, nhà truyền thống, công tác tuyên truyền, giáo dục, và từng bước gắn kết bảo tồn với phát triển kinh tế du lịch. Những biện pháp đó đã tạo nên một môi trường thuận lợi, phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong xã hội, đồng thời tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp, ngành, địa phương và nhân dân.

Như vậy, thành công lớn của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai không chỉ là sự phù hợp trong chủ trương, chính sách về bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH, mà còn nằm ở khả năng điều hành, tổ chức thực hiện linh hoạt, hiệu quả, biến đường lối

của Đảng thành nguồn lực cụ thể thúc đẩy sự phát triển bền vững. Đây chính là nền tảng quan trọng để tỉnh gìn giữ, phát huy những giá trị di sản văn hóa quý báu, tạo động lực tinh thần và bản sắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu rộng hiện nay.

Thứ hai, trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã đưa ra nhiều giải pháp đúng đắn, huy động được cả hệ thống chính trị tham gia công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch - sử văn hóa trên địa bàn tỉnh

Trên cơ sở những chủ trương, biện pháp đúng đắn về bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã huy động tối đa mọi nguồn lực và cả hệ thống chính trị tham gia công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương. Trong đó, công tác quản lý nhà nước về di tích được Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đặc biệt quan tâm, có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cấp, các ngành, các địa phương. Bằng các chỉ thị, kế hoạch cụ thể, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo tồn di tích; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý DTLS-VH. Đặc biệt, trong từng giai đoạn cụ thể, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chú trọng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích; thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ về công tác quản lý, bảo tồn di tích cho cán bộ quản lý; tạo điều kiện cho cán bộ văn hóa cơ sở tham gia các lớp tập huấn về bảo tồn và phát huy giá trị di tích do huyện, thành phố hoặc Trung ương tổ chức; cung cấp tài liệu hướng dẫn về di sản văn hóa để đội ngũ cán bộ được tiếp cận, nghiên cứu vận dụng. Từ chỗ còn thiếu về số lượng, yếu về năng lực chuyên môn, đến năm 2015, toàn bộ cán bộ làm công tác quản lý di tích, di sản cấp huyện và cấp tỉnh đều có trình độ từ Đại học trở lên (Xem phụ lục 8). Tổng số cán bộ của SVHTTDL là 56 người với cơ cấu trình độ học vấn: Tiến sĩ là 1 người chiếm 1,8%; thạc sĩ là 4 người chiếm 7,14%; đại học là 42 người chiếm 75%; cao đẳng là 01 người chiếm 1,8%; trung cấp là 7 người chiếm 12,5% và sơ cấp là 01 người chiếm 1,8% [233, tr. 3-4].

Tổng số nhân lực ở cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là 379 người, trong đó: Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên

Hoà là 113 người; các Thư viện là 91 người và các Trung tâm Văn hóa - Thể thao là 175 người.

Tổng số nhân lực thuộc cấp xã, phường, thị trấn là 220 người. Cấp ấp, khu phố, hiện nay chưa có cán bộ văn hóa chuyên trách riêng, do các tổ chức đoàn thể tại ấp, khu phố đảm nhận kiêm nhiệm (Xem phụ lục 10).

Cơ cấu về trình độ học vấn của nhân lực thuộc các đơn vị cấp huyện, xã như sau: Thạc sỹ là 1 người chiếm 0,2%; đại học là 360 người chiếm 60,1%; cao đẳng là 54 người chiếm 9,0%; trình độ trung cấp là 82 người chiếm 13,7% và khác là 102 người chiếm 17,0% [233, tr. 25].

Hơn nữa, trong quá trình lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chú trọng phát huy hiệu quả vai trò của cộng đồng dân cư. Bởi vì, DTLS-VH là sản phẩm kết tinh giá trị, tài năng của con người qua chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Chính vì vậy, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH không chỉ là nhiệm vụ của Nhà nước, của Trung ương và chính quyền địa phương, mà còn là trách nhiệm của cả cộng đồng. Bởi lẽ, cộng đồng là chủ sở hữu các DTLS-VH, đồng thời cũng là người đủ điều kiện để bảo vệ các di tích, họ là người gìn giữ, duy trì, phát huy giá trị các di tích trong mối quan hệ giữa con người với lịch sử và môi trường tự nhiên. Các DTLS-VH thường gắn liền với đời sống sinh hoạt của cộng đồng dân cư, do đó, các DTLS-VH rất cần có sự thừa nhận, tham gia bảo vệ của cộng đồng. Phát huy hiệu quả vai trò của cộng đồng là cách thức hiệu quả để gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH. Ngược lại, các DTLS-VH khi được bảo vệ sẽ quay trở lại phục vụ cộng đồng, thông qua hoạt động du lịch, phát triển hàng hóa, dịch vụ, mang lại nguồn lợi thiết thực về kinh tế cho cộng đồng. Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo các ngành, các cấp, các đơn vị có liên quan đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức của cộng đồng; huy động các nguồn vốn xã hội hóa từ cộng đồng phục vụ cho công tác trùng tu, tôn tạo di tích. Nhờ đó, nhận thức của các cấp, các ngành và cộng

đồng trong việc bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ngày càng được nâng cao; nhân dân tích cực đóng góp, nhiều đơn vị, tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài đã hỗ trợ kinh phí trùng tu di tích, sưu tầm hiện vật, nhiều nghệ nhân đã tự nguyện trao truyền di sản văn hóa phi vật thể... Nhiều DTLS-VH đã được xếp hạng, trùng tu, tôn tạo nhờ nguồn vốn xã hội hóa như: di tích Chùa Ông thực hiện năm 2009 với tổng kinh phí 7 tỷ đồng, di tích Nhà lao Tân Hiệp 3,5 tỷ đồng; di tích Miếu Tổ sư thực hiện năm 2010 với tổng kinh phí 5 tỷ đồng... và hàng ngàn di tích trong lộ trình xếp hạng và di tích phổ thông trên địa bàn tỉnh được sự hỗ trợ, đóng góp từ cộng đồng. Các di tích được bảo vệ, trùng tu hiệu quả ngày càng khang trang hơn, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội của nhân dân và du khách.

Thứ ba, những thành tựu đạt được trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa tại tỉnh Đồng Nai đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trong tỉnh

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai từ năm 1986 đến trước khi có *Luật Di sản văn hóa* và Nghị định hướng dẫn thi hành năm 2002 chủ yếu được dựa trên *Pháp lệnh Bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh*, cùng với các văn bản hướng dẫn thi hành. Kể từ khi *Luật Di sản văn hóa* có hiệu lực, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương tập trung triển khai hiệu quả công bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH. Nhờ đó, hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH của tỉnh Đồng Nai ngày càng đi vào chiều sâu và đạt những kết quả quan trọng:

Công tác kiểm kê, lập hồ sơ di tích, đề nghị xếp hạng được thực hiện tốt. Nếu như năm 1995, toàn tỉnh mới chỉ lập hồ sơ xếp hạng cho 18 di tích cấp quốc gia và 02 di tích cấp tỉnh, thì đến năm 2015, Đồng Nai hoàn thành cơ bản việc điều tra di tích phổ thông với hơn 1.800 di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, kiến trúc, mỹ thuật như: đình, chùa, nhà thờ, thánh thất, từ đường, nghĩa từ, hội quán, nhà ở truyền thống..., trong đó có, 50 di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng, trong đó, có 28 di tích quốc gia và 21 di tích cấp tỉnh, 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt, đó là di tích Danh thắng Vườn Quốc gia Cát

Tiên [233, tr. 7]. Các di tích được xếp hạng trong giai đoạn này được phân thành nhiều loại hình như: Lịch sử - Văn hóa, Khảo cổ, Kiến trúc - Nghệ thuật, Danh lam - Thắng cảnh. Toàn tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành việc phân loại, đánh giá thực trạng di tích, từ đó đề ra các giải pháp bảo vệ, trùng tu, tôn tạo di tích; hoàn thành việc xây dựng quy hoạch lộ trình xếp hạng di tích theo từng giai đoạn 5 năm, 10 năm.

Công tác bảo vệ, trùng tu, tôn tạo các DTLS-VH luôn nhận được sự quan tâm của Nhà nước cũng như của các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan. Đặc biệt, từ khi *Pháp lệnh Bảo vệ DTLS-VH và danh lanh thắng cảnh* và *Luật Di sản văn hóa* được ban hành, hoạt động bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được đẩy mạnh và từng bước mang lại hiệu quả tích cực. Năm 1998, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo ngành văn hóa phục dựng Văn miếu Trấn Biên, phục vụ nhiều hoạt động văn hóa, giáo dục nhằm tôn vinh hiền tài và giáo dục truyền thống trọng học; thành lập Khu bảo tồn thiên nhiên và di tích huyện Vĩnh Cửu; lập dự án và khởi công xây dựng Trung tâm sinh thái - lịch sử - văn hóa chiến khu Đ; xây dựng kế hoạch đề nghị UNESCO công nhận vườn Quốc gia Cát Tiên là di sản văn hóa thế giới và nghệ thuật Đờn ca tài tử vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, Ban Quản lý Di tích Đồng Nai đã phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan lập dự án triển khai tu bổ, tôn tạo đối với các di tích đã được xếp hạng bằng nhiều hình thức, biện pháp như chống dột, chống sập, chống mối mọt, chống cây cỏ xâm thực, gia cố và thay thế các bộ phận bị lão hóa, nhờ vậy các DTLS-VH được bảo vệ và kéo dài tuổi thọ. Tính đến năm 2015, tỉnh Đồng Nai đã tiến hành bảo quản xử lý mối mọt, nấm mốc cho 25/46 di tích, kiểm kê hiện vật thờ cúng được 10/46 di tích; thực hiện tu bổ, chống xuống cấp di tích cho 16/46 di tích; trùng tu, tôn tạo được 10/50 di tích [233, tr. 7]. Trong quá trình tôn tạo, trùng tu, các di tích đều bảo đảm tính nguyên gốc, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, có các công trình phụ phù hợp với xu thế phát triển mới, tiêu biểu như: di tích Căn cứ khu ủy miền Đông Nam Bộ (huyện Vĩnh Cửu), Di tích Trung ương cục miền Nam thời kỳ 1961-1962 (huyện Vĩnh Cửu), đình An Hòa, di tích Ngã ba Giồng Sắn (huyện Nhơn Trạch).

Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của bảo tàng và nhà truyền thống có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 1998, Bảo tàng Đồng Nai được xây dựng và đi vào hoạt động với đầy đủ các trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện về lưu trữ, bảo quan hiện vật, tổ chức trưng bày, giới thiệu, giáo dục văn hóa - lịch sử địa phương thông qua các hiện vật trưng bày. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, Bảo tàng và các nhà truyền thống đã đẩy mạnh công tác sưu tầm, bảo quản và trưng bày hiện vật. Để thực hiện tốt chức năng lưu giữ, bảo quản và xử lý các hiện vật, Bảo tàng tỉnh Đồng Nai còn quan tâm đến việc xây dựng và cải tạo kho chứa hiện vật kiên cố, an toàn; đầu tư kinh phí, trang thiết bị bảo quản hiện vật hiện đại, chống mất cắp hiện vật; chú trọng xử lý, bảo quản hiện vật khoa học, bảo đảm đúng quy định và nghiệp vụ. Ngoài ra, bảo tàng và các nhà truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai còn khuyến khích nhân dân hiến tặng hiện vật có giá trị để những di sản quý giá không bị tuồn ra nước ngoài hoặc vào tay kẻ xấu. Đến năm 2015, Bảo tàng Đồng Nai đã sưu tầm được khoảng 23.000 hiện vật đa dạng, phong phú về loại hình, trong đó có nhiều hiện vật có giá trị là bảo vật quốc gia đang được bảo quản tốt.

Công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể được quan tâm thực hiện đồng bộ với nhiều chương trình, dự án quan trọng nhằm bảo tồn, gìn giữ các giá trị văn hóa phi vật thể đang có nguy cơ mai một. Đến năm 2015, tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành Dự án tổng điều tra di sản văn hóa phi vật thể, kiểm kê, lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể tiểu biểu. Trên cơ sở kết quả tổng điều tra, kiểm kê các loại hình di sản văn hóa phi vật thể, các cơ quan chuyên môn đã tiến hành phân loại, đánh giá thực trạng của từng loại di sản, đề xuất kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị đối với các di sản có nguy cơ mai một cao. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, SVHTTDL đã phối hợp chặt chẽ với các cấp, các địa phương thực hiện các đề tài nghiên cứu, khôi phục các di sản văn hóa phi vật thể ở Đồng Nai như văn cúng, văn tế Hán Nôm, nghiên cứu thần sắc ở Đồng Nai, khôi phục các lễ hội, truyền thống, các làng nghề thủ công truyền thống... Đặc biệt, tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể về Nghệ thuật Đờn ca tài tử và hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể về trò chơi

kéo co truyền thống được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị UNESCO đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại.

Công tác phát huy giá trị các DTLS-VH gắn với phát triển du lịch được thực hiện theo hướng bao quát, có chiều sâu, trọng điểm. Trong những năm 1996-2015, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, các DTLS-VH ở Đồng Nai không chỉ được bảo tồn, trùng tu mà còn được đưa vào khai thác, phát huy giá trị phục vụ mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh. Với mục tiêu "biến di tích thành tài sản", các cấp, các ngành, các địa phương đã quan tâm đẩy mạnh hoạt động phát huy giá trị các di tích theo hướng phục vụ phát triển du lịch di sản. Nhờ vậy, các DTLS-VH trên địa bàn tỉnh đều trở thành những điểm hấp dẫn khách du lịch trong quá trình tìm hiểu lịch sử văn hóa vùng đất Đồng Nai. Từ đó, gia tăng doanh thu về du lịch cho địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng dần các ngành kinh tế dịch vụ, công nghiệp, giảm dần ngành kinh tế nông nghiệp. Năm 2014, Đồng Nai thu hút tổng số 2.830 nghìn lượt khách du lịch, trong đó, tổng lượt khách lưu trú là 1.412 nghìn lượt, khách trong nước là 2.777 nghìn lượt, khách quốc tế là 53 nghìn lượt. Tổng doanh thu tăng từ 4.294,3 tỷ đồng năm 2010 lên 9.302,2 tỷ đồng năm 2014 [233, tr. 16]. Hơn nữa, các DTLS-VH còn được sử dụng hiệu quả để tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc với các thế hệ trẻ hôm nay và mai sau. Qua đó, bồi dưỡng đạo đức, lý tưởng cách mạng cao đẹp cho thế hệ trẻ, nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý di tích của Đồng Nai.

Nhìn chung, những thành tựu đạt được trong 20 năm lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh.

4.1.1.2. Nguyên nhân

Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai trên lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH trong những năm 1996-2015 đạt được những thành tựu quan trọng như trên là do một số nguyên nhân sau đây:

Một là, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhận thức rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Nhận thức luôn là tiền đề dẫn dắt hành động. Việc Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhận thức đúng và sâu sắc vai trò, ý nghĩa của công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH chính là yếu tố nền tảng, định hướng xuyên suốt quá trình hoạch định chủ trương và triển khai chính sách trong giai đoạn 1996-2015. Nhận thức đó xuất phát từ việc tiếp thu, vận dụng đúng đắn đường lối của Đảng về phát triển văn hóa - coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển bền vững, đồng thời, là kết quả của quá trình nhìn nhận toàn diện thực tiễn địa phương, đánh giá đúng những thách thức và cơ hội mà lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là bảo tồn DTLS-VH đang đối mặt.

Đồng Nai vốn là vùng đất "ba trăm năm mở cõi", nơi hội tụ, giao thoa nhiều dòng chảy văn hóa dân tộc, có bề dày lịch sử gắn với công cuộc Nam tiến, chống giặc ngoại xâm của đất nước. Hệ thống các DTLS-VH tại đây vừa phong phú về loại hình, vừa hàm chứa những giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ. Trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, những di tích này đứng trước nguy cơ mai một nếu không được quan tâm đúng mức. Trước thực tế đó, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai xác định rõ bảo tồn di sản văn hóa là gìn giữ những chứng tích vật chất của quá khứ, bảo vệ ký ức cộng đồng, là "giữ hồn" cho sự phát triển hiện đại và hội nhập, để từ đó làm giàu bản sắc, khơi dậy lòng tự hào, giáo dục truyền thống và củng cố sức mạnh tinh thần của nhân dân.

Đặc biệt, nhận thức của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai không chỉ dừng lại ở cấp độ lý luận hay định hướng tư tưởng, mà còn được cụ thể hóa bằng các quan điểm, chủ trương rõ ràng được thể hiện liên tục trong các văn kiện Đại hội Đảng bộ. Tư duy xuyên suốt này góp phần tạo sự nhất quán trong hành động của cả hệ thống chính trị, từ đó nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả trong việc bảo vệ, khai thác và phát huy giá trị các DTLS-VH. Việc lồng ghép nội dung bảo tồn văn hóa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cũng cho thấy tầm nhìn dài hạn và toàn diện của Đảng

bộ tỉnh Đồng Nai nhằm bảo đảm các DTLS-VH trở thành một phần hữu cơ của sự phát triển bền vững.

Hai là, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành liên quan và sự ủng hộ của cộng đồng, nhân dân

Một trong những nguyên nhân quyết định hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH là sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các cơ quan chức năng, cũng như sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực từ phía cộng đồng - những chủ thể trực tiếp gìn giữ, thụ hưởng và truyền tải giá trị di sản. Nhận thức rõ điều này, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chú trọng xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ và thiết lập kênh tương tác hiệu quả với nhân dân. Cụ thể, trong công tác xây dựng tổ chức bộ máy quản lý, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo thành lập các Ban Quản lý di tích tại cấp huyện, xã - những đầu mối trực tiếp quản lý, bảo vệ di tích ngay từ cơ sở, đồng thời tăng cường phối hợp giữa SVHTTDL, các Phòng văn hóa - thông tin cấp huyện, chính quyền địa phương và các đoàn thể chính trị - xã hội. Nhờ đó, công tác kiểm kê, xếp hạng, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS-VH được triển khai đồng bộ, tránh tình trạng chồng chéo hoặc buông lỏng quản lý. Mỗi ngành, mỗi cấp đều xác định rõ vai trò, trách nhiệm trong từng khâu, từng giai đoạn cụ thể, từ lập hồ sơ di tích, giám sát thi công tu bổ đến khai thác các giá trị phục vụ giáo dục truyền thống hoặc du lịch văn hóa. Hơn nữa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chú trọng khơi dậy và phát huy sức mạnh của cộng đồng. Các tổ chức chính trị - xã hội như: Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ… được huy động tham gia vào hoạt động tuyên truyền, bảo vệ, vệ sinh môi trường di tích, tổ chức các hoạt động "về nguồn", giáo dục truyền thống tại các địa chỉ đỏ, giúp thế hệ trẻ hiểu và trân trọng giá trị các di tích. Ngoài ra, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chỉ đạo hiệu quả công tác xã hội hóa trong hoạt động bảo tồn DTLS-VH từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh để trung tu, tôn tạo di tích.

Như vậy, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành, cùng với sự ủng hộ và tham gia tích cực của cộng đồng nhân dân đã tạo thành một hệ thống

chính trị - xã hội thống nhất trong tư tưởng và hành động, góp phần quyết định thành công của công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 1996-2015.

Ba là, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng công tác bảo tồn, tu bổ các di tích và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa

Một trong những nguyên nhân nền tảng, đóng vai trò "chuyển hóa nhận thức thành hành động", đó chính là công tác tuyên truyền, giáo dục. Nhận thức sâu sắc điều này, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, sâu rộng và linh hoạt, đa dạng về hình thức như sử dụng các phương tiện truyền thông, báo chí để truyền tải các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo tồn di sản văn hóa, giới thiệu về các di tích trên địa bàn tỉnh, kêu gọi nhân dân tham gia bảo vệ và phát huy giá trị các DTLS-VH. Hơn nữa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chú trọng chỉ đạo hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa trong các trường học; tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo khoa học nhằm làm rõ giá trị các di tích; mời các nhà nghiên cứu, cán bộ văn hóa, nhân chứng lịch sử nói chuyện truyền thống cho cán bộ, đảng viên, nhân dân và học sinh, sinh viên. Đặc biệt, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn chú trọng giáo dục pháp luật về di sản văn hóa, giúp người dân hiểu rõ quyền, nghĩa vụ trong bảo vệ di tích, tránh vi phạm trong khai thác, sử dụng. Nhờ đó, ý thức gìn giữ di sản trong nhân dân được nâng cao rõ rệt, tạo sự đồng thuận xã hội và lan tỏa tinh thần trách nhiệm với di sản. Như vậy, công tác tuyên truyền, giáo dục là "chìa khóa" giúp Đồng Nai thực hiện hiệu quả chủ trương bảo tồn và phát huy giá trị DTLS-VH, góp phần xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc, hướng tới phát triển bền vững.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH còn một số hạn chế, khuyết điểm:

Thứ nhất, cơ chế, chính sách và công tác quản lý, điều hành còn có những bất cập, chưa đồng bộ, chưa phát huy được thế mạnh của địa phương

Từ những hạn chế về nhận thức và lý luận chung về văn hóa, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chưa xây dựng được hệ thống các bộ luật liên quan đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, chậm trễ trong việc ban hành các quy chế, chính sách về bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH dẫn đến sự mai một, biến mất một số di tích có giá trị hoặc làm thay đổi yếu tố gốc, cảnh quan xung quanh di tích. Các cấp chính quyền, các ngành chức năng vẫn phải giải quyết từng trường hợp cụ thể do chưa có khung pháp lý, cơ chế, chính sách hoàn chỉnh về bảo tồn, phát huy giá trị các di tích tại địa phương. Bên cạnh đó, trong chỉ đạo thực tiễn, Đảng bộ và chính quyền Đồng Nai còn thiếu các biện pháp trên lĩnh vực "xây" và "chống" trong bảo tồn các DTLS-VH. Cơ chế lãnh đạo, quản lý chậm đổi mới, chưa theo kịp thay đổi của thực tiễn cuộc sống. Vì thế, các chương trình, kế hoạch về bảo tồn di tích chưa được thực hiện hiệu quả; việc lập hồ sơ xếp hạng di tích gặp nhiều khó khăn; nhiều di tích bị xuống cấp chưa được trùng tu, tôn tạo; hiện tương di tích bị lấn chiếm, cổ vật bị mất cắp còn diễn ra phổ biến; nguồn thu từ di tích chưa được quản lý chặt chẽ để tái đầu tư di tích...

Do cơ chế, chính sách và công tác quản lý, điều hành công tác bảo tồn DTLS-VH còn nhiều bất cập nên Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chưa phát huy hiệu quả vai trò của cộng đồng, nhân dân, chưa tạo được phong trào quần chúng tham gia vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương. Hơn nữa, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nhân tài trẻ tham gia xây dựng phát triển văn hóa và chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ ngành văn hóa còn nhiều bất cập. Việc bảo tồn, trùng tu các DTLS-VH đòi hỏi kiến thức, kỹ thuật cao, rất cần các chuyên gia quốc tế cũng như nguồn kinh phí tương đối lớn từ các nhà tài trợ nước ngoài, nhưng Đảng bộ tỉnh Đồng Nai chưa có cơ chế, chính sách rõ ràng về quản lý, bảo tồn và phát triển hệ thống giá trị các DTLS-VH trên địa bàn tỉnh; chưa xây dựng kế hoạch,

lộ trình cụ thể để mở rộng quan hệ hợp tác, giao lưu văn hóa với các nước bạn. Công tác xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư với các đối tác nước ngoài về văn hóa để giới thiệu hình ảnh, con người, truyền thống văn hóa của địa phương còn hạn chế. Các kênh thông tin đối ngoại để bạn bè quốc tế có cơ hội tiếp cận, hiểu sâu hơn về bản sắc văn hóa quê hương, lễ hội, DTLS-VH, sản phẩm, sản vật của Đồng Nai chưa được sử dụng hiệu quả. Nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ phục vụ cho hoạt động ngoại giao văn hóa còn hạn chế, chủ yếu là do năng lực của cán bộ chưa tương xứng, trình độ ngoại ngữ còn yếu. Đồng Nai chưa mở rộng, đi sâu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, bao gồm trao đổi chuyên gia, tọa đàm khoa học, chia sẻ về bảo tồn di sản, khai thác các giá trị di sản văn hóa, hợp tác trong nghiên cứu, bảo tồn, phục dựng các DTLS-VH của địa phương...

Thứ hai, nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa của địa phương còn thiếu và còn yếu

Trong 20 năm (1996-2015) lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã quan tâm đến công tác đào tạo nguồn nhân lực cho các di tích. Tuy nhiên, nguồn nhân lực trong hoạt động bảo tồn DTLS-VH của Đồng Nai phần lớn chưa được đào tạo chuyên sâu về khoa học bảo tồn. Đội ngũ cán bộ quản lý, làm trong lĩnh vực bảo tồn di tích của Đồng Nai hiện nay được đào tạo từ nhiều chuyên ngành khác nhau: Sử học, Khảo cổ học, Bảo tàng học, Kiến trúc, Mỹ thuật, Văn hóa… nhưng không chuyên sâu về bảo tồn. Đặc biệt, nguồn nhân lực về bảo tồn DTLS-VH ở cấp xã, phường không có biên chế riêng mà do cán bộ văn hóa xã hội kiêm nghiệm. Thực tế, cán bộ làm công tác văn hóa xã hội ở địa phương phải đảm nhiệm rất nhiều nhiệm vụ từ tổ chức, theo dõi, báo cáo hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, y tế; tổ chức việc thực hiện xây dựng đời sống văn hóa ở cộng đồng dân cư; thông tin, truyền thông về tình hình kinh tế, xã hội của địa phương… mà lĩnh vực quản lý, bảo tồn di tích chỉ là một nhiệm vụ rất nhỏ nằm trong chức năng tham mưu về lĩnh vực văn hóa. Nguồn nhân lực phục vụ công tác bảo tồn di sản văn hóa và di tích lịch của Đồng Nai còn thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp chưa cao trong hoạt động nghề nghiệp. Năm 2015, tổng số nhân

lực thuộc cấp xã, phường, thị trấn ở Đồng Nai là 220 người. Cấp ấp, khu phố hiện tại chưa có cán bộ văn hóa chuyên trách riêng, do các tổ chức đoàn thể tại ấp, khu phố đảm nhận kiêm nhiệm [233, tr. 4]. Nguồn nhân lực quản lý, bảo tồn DTLS-VH ở các địa phương có sự chênh lệch lớn về trình độ, chuyên môn. Ở cấp huyện, thành phố, cán bộ phục vụ công tác bảo tồn DTLS-VH đều có trình độ từ Cao đẳng, Đại học trở lên, còn ở cấp cơ sở đội ngũ này còn hạn chế về trình độ, chuyên môn, phần lớn chưa được đào tạo đúng chuyên ngành bảo tồn. Thiếu đội ngũ chuyên gia làm công tác bảo tồn di sản văn hóa trong các cơ quan quản lý văn hóa, nguồn nhân lực trực tiếp tham gia công tác trùng tu, tôn tạo di tích cũng rất hạn chế, phần lớn phải thuê mướn từ các tổ chức bên ngoài. Hơn nữa, cán bộ quản lý được đào tạo, tham gia các lớp huấn luyện về bảo tồn di tích phần lớn không sử dụng đúng chuyên môn, thậm chí trở thành người ngoài cuộc đối với các dự án bảo tồn di tích của địa phương. Nhìn chung, nguồn nhân lực và cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực bảo tồn DTLS-VH của Đồng Nai còn thiếu và còn yếu. Sự thiếu hụt đội ngũ chuyên nghiệp với những thao tác xử lý chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý, giám sát và thực thi công tác bảo tồn ở Đồng Nai đã dẫn đến chất lượng trùng tu, tôn tạo các DTLS-VH không đảm bảo, chưa có phương pháp khoa học để giữ gìn, bảo vệ tính toàn vẹn và giá trị đích thực của các di tích, gây nhiều bức xúc trong xã hội.

Bảo tồn di tích là một lĩnh vực đặc thù, song Đồng Nai cũng chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để phát huy tiềm năng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực này. Việc bố trí kinh phí cho các bảo tồn, phát thuy giá trị các di sản còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu, cho nên việc tạo nguồn thu tái đầu tư cho di sản văn hóa và phát triển nguồn nhân lực còn hạn chế. Nhiều địa phương có nguồn thu thấp nên khó khăn trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ, đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, bảo tồn di tích, nhất là đối với những người trông coi di tích ở các đền, đình, chùa, dẫn đến hiệu quả làm việc chưa cao, ảnh hưởng đến chất lượng bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương. Do đó, bảo đảm quyền lợi, có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp đối với nguồn nhân lực này là vấn đề cấp thiết và quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn, phát huy giá trị các di tích trong thời gian tới.

Thứ ba, chất lượng, hiệu quả công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích chưa cao, chưa phát huy hiệu quả đối với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kinh tế du lịch

Trong những năm 1996-2015, công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH luôn được Đảng bộ tỉnh Đồng Nai và các cấp, các ngành quan tâm, đạt nhiều kết quả quan trọng. Song, trên thực tế, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai mới chỉ ưu tiên đầu tư kinh phí để trùng tu, tôn tạo các DTLS-VH đã được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia và cấp tỉnh, còn hàng nghìn di tích phổ thông đang bị xuống cấp, hư hỏng nặng nề chưa được tu bổ, sửa chữa kịp thời, có nguy cơ bị mai một hoặc biến mất mãi mãi. Hơn nữa, các di tích phổ thông ở Đồng Nai có số lượng nhiều, quy mô lớn cũng gây khó khăn cho việc phục hồi, tôn tạo. Khó khăn về nguồn lực, rào cản về thủ tục rờm rà, mất nhiều thời gian do phải lấy ý kiến chỉ đạo của sở, ngành có liên quan khiến công tác tu bổ, tôn tạo các di tích phổ thông ở Đồng Nai trượt quá thời điểm cần kíp. Mà trong công tác bảo tồn, trùng tu di tích, đúng thời điểm là yếu tố then chốt để bảo tồn, lưu giữ trọn vẹn giá trị của các di tích đó. Cùng với sự tàn phá khắc nghiệt của thời gian và sự chậm trễ của chính quyền địa phương trong việc tìm giải pháp khắc phục, chờ kinh phí trùng tu đã khiến nhiều di tích ở Đồng Nai đứng trước nguy cơ trở thành "phế tích". Khi di tích càng xuống cấp thì kinh phí trùng tu, tôn tạo càng cao. Nếu không có biện pháp, trùng tu kịp thời, số lượng các di tích phổ thông chưa được xếp hạng ở Đồng Nai sẽ ngày càng nhiều, áp lực lên công tác trùng tu ngày càng lớn. Nếu chỉ trông chờ vào nguồn kinh phí của Nhà nước thì khó có thể trùng tu, tôn tạo các di tích trên diện rộng. Do đó, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cần thực hiện đồng bộ các giải pháp để kịp thời giải cứu các di tích phổ thông.

Phát huy giá trị các DTLS-VH gắn với phát triển du lịch luôn được Đảng bộ tỉnh Đồng Nai và các cấp, các ngành quan tâm. Tuy nhiên, các DTLS-VH trên địa bàn tỉnh chưa được đầu tư khai thác hợp lý nên số lượng các di tích đưa vào khai thác phục vụ du lịch còn khá ít so với tiềm năng. Du lịch di sản ở Đồng Nai khá mờ nhạt, còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ và thiếu tính ổn định. Mặc dù khách du lịch đến tham quan, tìm hiểu về các DTLS-VH của địa phương có sự gia tăng, trung bình năm sau cao hơn năm trước nhưng sự gia tăng đó không đều và không ổn định. Cho nên chưa

tạo ra sự đột phá về tốc độ tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, nhận thức của một số cán bộ các cấp, các ngành cũng như cộng đồng dân cư chưa thực sự đầy đủ về mối quan hệ giữa bảo tồn DTLS-VH gắn với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển du lịch. Nguồn lực đầu tư cho các di tích, danh thắng, di sản văn hóa... để nâng cao chất lượng các sản phẩm văn hóa phục vụ du lịch còn hạn hẹp. Sản phẩm du lịch văn hóa chưa được khai thác hiệu quả. Chất lượng một số điểm đến du lịch còn hạn chế, nhất là vấn đề môi trường, cảnh quan, tổ chức dịch vụ, hướng dẫn viên... Hoạt động quảng bá, giới thiệu giá trị các di tích chưa được tổ chức rộng rãi khiến cho sức hút của các di tích với du khách bị giảm sút. Hiệu quả khai thác và quảng bá du lịch, các điểm di tích chưa cao. Chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa người dân với các doanh nghiệp du lịch, cơ quan quản lý địa phương, vai trò của cộng đồng trong công tác quản lý, phát huy giá trị DTLS-VH của Đồng Nai gắn với phát triển kinh tế du lịch còn hạn chế.

4.1.2.2. Nguyên nhân

Những hạn chế còn tồn tại trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị DTLS-VH của Đồng Nai xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau:

Một là, nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ quản lý di tích và nhân dân chưa sâu sắc, toàn diện

Hạn chế về nhận thức là rào cản đầu tiên và quan trọng nhất, ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai. Trên thực tế, một bộ phân cán bộ các cấp, nhất là cấp cơ sở xem công tác bảo tồn di tích là nhiệm vụ phụ, mang tính hình thức, chưa gắn bó mật thiết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Do thiếu kiến thức chuyên môn về di sản văn hóa, chưa nắm chắc nội dung của *Luật Di sản văn hóa* cũng như các quy định pháp lý liên quan, dẫn đến lúng túng trong chỉ đạo, điều hành hoặc thậm chí buông lỏng quản lý, để xảy ra tình trạng xâm hại, xuống cấp di tích. Đối với đội ngũ cán bộ trực tiếp quản lý di tích, phần lớn chưa được đào tạo bài bản về chuyên môn bảo tồn, thiếu kỹ năng vận hành, giới thiệu, truyền thông hiệu quả về giá trị lịch sử, văn hóa của di tích. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng bảo tồn cũng

như việc phát huy tiềm năng du lịch văn hóa tại các di tích. Bên cạnh đó, một bộ phận nhân dân còn thờ ơ, xem nhẹ giá trị của DTLS-VH, cho rằng đây là vấn đề của "nhà nước" chứ không phải trách nhiệm chung của cộng đồng. Không ít trường hợp vi phạm như lấn chiếm, xây dựng trái phép trong khu vực bảo vệ di tích, hoặc khai thác sai mục đích di tích (phục vụ lễ hội mê tín, kinh doanh trái phép...) đã diễn ra mà không gặp phải sự phản ứng mạnh mẽ từ cộng đồng dân cư. Như vậy, nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH đã khiến cho các địa phương chưa mạnh dạn đầu tư, huy động nguồn lực xã hội để trùng tu, khai thác di tích một cách hiệu quả. Nhiều nơi vẫn lúng túng trong việc kết hợp bảo tồn với phát triển du lịch bền vững, dẫn đến tình trạng di tích được xếp hạng nhưng không được phát huy giá trị đúng mức.

Hai là, công tác quản lý về bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa có lúc, có nơi còn thiếu chủ động, thậm chí buông lỏng

Một nguyên nhân quan trọng dẫn đến những hạn chế trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị DTLS-VH ở Đồng Nai là do sự thiếu chủ động, thậm chí buông lỏng trong quản lý của một số cơ quan chức năng và chính quyền địa phương. Một số địa phương chưa xây dựng được kế hoạch quản lý di tích bài bản, dài hạn và phù hợp với điều kiện thực tế. Việc thiếu quy hoạch tổng thể dẫn đến tình trạng lúng túng trong phân công, phân cấp trách nhiệm giữa các ngành, các cấp. Một số địa phương giao nhiệm vụ quản lý di tích cho các phòng, ban văn hóa - thông tin nhưng lại không bố trí đủ nhân lực, không có cán bộ chuyên trách, hoặc giao trách nhiệm nhưng không đi kèm với quyền hạn và nguồn lực phù hợp, khiến cho việc quản lý di tích chỉ mang tính hình thức, thiếu hiệu quả. Hơn nữa, công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm tại các khu vực di tích còn thiếu kiên quyết, chưa thường xuyên, dẫn đến tình trạng xây dựng lấn chiếm, xâm hại cảnh quan, sử dụng sai mục đích hoặc để di tích xuống cấp nghiêm trọng mà không được phát hiện, xử lý kịp thời. Việc chậm trễ trong tu bổ, tôn tạo hoặc xử lý các sai phạm đã ảnh hưởng không nhỏ đến tính nguyên vẹn, giá trị gốc và mỹ quan của nhiều di tích. Ngoài ra, ở một số nơi, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý di tích với chính quyền cơ sở và cộng đồng dân cư còn thiếu chặt

chẽ. Có hiện tượng "khoán trắng" việc bảo vệ di tích cho cơ sở hoặc cho ban quản lý di tích không chuyên trách, trong khi thiếu cơ chế giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, tài chính từ cấp trên. Điều này dẫn đến tình trạng nhiều di tích bị bỏ quên, không được kiểm kê, cập nhật hiện trạng hoặc không có hồ sơ quản lý đầy đủ. Khi triển khai các dự án tu bổ, tôn tạo di tích, còn tồn tại những biểu hiện thiếu giám sát chuyên môn, làm sai lệch yếu tố gốc, dẫn đến tình trạng "trùng tu sai", "hiện đại hóa di tích", làm mất đi giá trị lịch sử, văn hóa vốn có của công trình.

Như vậy, sự thiếu chủ động, buông lỏng trong quản lý di tích từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đến giám sát, đánh giá là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai.

Ba là, kinh phí đầu tư còn hạn hẹp, nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh còn thiếu và còn yếu

Một trong những nguyên nhân then chốt làm hạn chế hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là do nguồn lực đầu tư chưa tương xứng với yêu cầu và tiềm năng của lĩnh vực này, thể hiện trên cả hai phương diện: tài chính và nhân lực.

Trước hết, kinh phí đầu tư còn hạn hẹp, phân bổ thiếu đồng đều và thiếu tính bền vững. Công tác bảo tồn, tu bổ và phát huy di tích đòi hỏi nguồn tài chính ổn định, lâu dài để thực hiện các hoạt động như khảo sát, lập hồ sơ, tu bổ, tôn tạo, duy tu, trưng bày, giới thiệu và khai thác giá trị di tích phục vụ giáo dục và du lịch. Tuy nhiên, thực tế cho thấy phần lớn các di tích ở Đồng Nai đang phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, việc xã hội hóa công tác bảo tồn di tích còn gặp nhiều khó khăn do chưa có cơ chế rõ ràng để huy động các nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng. Những chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ và khai thác giá trị di tích chưa thực sự hấp dẫn, khiến cho nhiều tiềm năng vẫn bị bỏ ngỏ.

Về nguồn nhân lực, bảo tồn di tích là một lĩnh vực đặc thù, đòi hỏi đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu về khảo cổ học, bảo tàng học, tu bổ di tích, quản lý văn hóa, lịch sử địa phương… Tuy nhiên, ở Đồng Nai, đội ngũ làm công tác này vừa

thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng. Nhiều cán bộ văn hóa cấp huyện, xã kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau, không được đào tạo chuyên sâu về bảo tồn di sản. Ở một số di tích cấp xã, công tác quản lý hoàn toàn phụ thuộc vào cán bộ bán chuyên trách hoặc cộng tác viên tự nguyện tại địa phương. Hơn nữa, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ quản lý di tích chưa được chú trọng đúng mức, dẫn đến lúng túng trong việc nhận diện, đánh giá giá trị di tích, lập hồ sơ xếp hạng, xây dựng kế hoạch bảo tồn cũng như hướng dẫn người dân thực hiện các quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao cũng làm ảnh hưởng đến quá trình thẩm định, giám sát các dự án tu bổ di tích, khiến xảy ra tình trạng "trùng tu sai nguyên tắc", làm mất yếu tố gốc hoặc gây tác động tiêu cực đến giá trị văn hóa, lịch sử của di tích.

Ngoài ra, công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH của Đồng Nai còn xuất phát từ nguyên nhân khách quan, chủ yếu là những tác động của tự nhiên và quá trình đô thị hóa nhanh chóng. Trong đó, khí hậu là nguyên nhân khách quan hàng đầu ảnh hưởng trực tiếp đến tuổi thọ và tình trạng vật lý của nhiều di tích. Đồng Nai nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với nhiệt độ cao, độ ẩm lớn và lượng mưa nhiều, cộng với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu như mưa lớn, lũ lụt, nắng nóng cực đoan… đã đẩy nhanh quá trình xuống cấp của nhiều di tích, nhất là các công trình xây bằng vật liệu truyền thống như gỗ, gạch, vôi vữa. Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hóa nhanh, quy hoạch thiếu đồng bộ khiến không gian bảo vệ nhiều di tích bị thu hẹp, thậm chí xâm hại hoặc biến dạng cảnh quan. Áp lực về đất đai cho dân cư và sản xuất khiến một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc dành quỹ đất cho bảo tồn, hoặc chưa thiết lập được vùng đệm bảo vệ di tích. Những yếu tố này gây khó khăn không nhỏ trong việc quy hoạch, trùng tu và phát huy giá trị di tích.

4.2. Một số kinh nghiệm

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Đồng Nai công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015 đã đạt được những thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn tồn tại một số hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả thực tiễn. Những hạn chế này trở thành bài học kinh nghiệm quý báu để Đảng bộ tỉnh

Đồng Nai tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện chủ trương, chính sách phù hợp trong giai đoạn tiếp theo. Từ thực tiễn lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, có thể rút ra một số kinh nghiệm:

Một là, quán triệt và vận dụng đúng đắn chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa phù hợp với thực tiễn địa phương

Đây là bài học kinh nghiệm có ý nghĩa chiến lược, đóng vai trò nền tảng trong toàn bộ tiến trình bảo tồn và phát huy giá trị DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai. Bởi việc quán triệt thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo tồn DTLS-VH vừa là yêu cầu về mặt tổ chức, vừa là cơ sở để Đồng Nai định hướng, xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, từ hoạch định chính sách để tổ chức thực thi. Đồng Nai là tỉnh công nghiệp phát triển nhanh, có vị trí giao thông chiến lược, tốc độ đô thị hóa mạnh, đồng thời cũng là vùng đất có nhiều DTLS-VH gắn với các thời kỳ kháng chiến, định cư và phát triển của địa phương. Vì vậy, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cần lựa chọn hướng đi phù hợp, không rập khuôn, máy móc, đồng thời vận dụng sáng tạo, linh hoạt chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước vào thực tế từng vùng, từng loại di tích.

Thực tiễn cho thấy, khi vận dụng chính sách đúng đắn và hợp lý, Đồng Nai đã tạo ra sự đồng thuận trong xã hội, khơi dậy nguồn lực cộng đồng và quan trọng hơn là xây dựng được cơ chế phối hợp đa ngành, đa cấp giữa văn hóa - giáo dục - du lịch - truyền thông trong công tác bảo tồn. Nhờ vậy, công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH không còn là nhiệm vụ riêng của ngành văn hóa, mà trở thành nhiệm vụ chính trị - xã hội của toàn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương. Đồng Nai đã bước đầu thành công trong việc này khi gắn bảo tồn DTLS-VH với phát triển du lịch, tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống tại di tích, và đưa di sản văn hóa vào trường học.

Hơn nữa, thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH còn để lại bài học quý, đó là không áp dụng cứng nhắc một mô hình bảo tồn, mà phải biết điều chỉnh cho phù hợp với tình hình

thực tế, vì có nơi cần trùng tu toàn diện, có nơi chỉ cần bảo tồn cảnh quan và yếu tố gốc; có di tích phát huy theo hướng phục vụ giáo dục truyền thống, có di tích khai thác phát triển du lịch cộng đồng... Việc linh hoạt vận dụng chủ trương, chính sách chính là biểu hiện của năng lực lãnh đạo, điều hành thực tiễn, là yếu tố quyết định đến sự thành công hay thất bại trong công cuộc bảo tồn DTLS-VH tại Đồng Nai.

Hai là, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Đây là kinh nghiệm có ý nghĩa thực tiễn to lớn, thể hiện tư duy toàn diện và đồng bộ trong quản lý DTLS-VH ở Đồng Nai. Bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH không chỉ là nhiệm vụ của ngành văn hóa, mà là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Chỉ khi có sự vào cuộc tích cực, phối hợp nhịp nhàng giữa các tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và người dân thì công tác bảo tồn mới có chiều sâu, bền vững và lan tỏa rộng khắp. Thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH từ năm 1996 đến năm 2015 đã đạt nhiều kết quả tích cực là nhờ sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp của các cơ quan ban, ngành từ cấp tỉnh đến cơ sở, cùng với sự ủng hộ, tham gia của cộng đồng dân cư. Việc phân công rõ vai trò, trách nhiệm từng lực lượng trong hệ thống chính trị giúp quá trình triển khai các chương trình trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị DTLS-VH trở nên hiệu quả hơn, tránh tình trạng chồng chéo, thiếu thống nhất hoặc buông lỏng quản lý.

Hơn nữa, trong điều kiện nguồn đầu tư công còn hạn chế, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã chủ động đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo tồn, trùng tu di tích, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là khu vực tư nhân, doanh nghiệp và người dân tham gia bảo vệ di tích. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn DTLS-VH đã bước đầu mang lại hiệu quả, nhất là ở những di tích gắn với tín ngưỡng, tôn giáo hoặc có tiềm năng du lịch. Việc khuyến khích doanh nghiệp đồng hành trong phát triển du lịch văn hóa, đầu tư vào hạ tầng

xung quanh di tích đã góp phần bảo vệ di sản, biến di tích thành tài sản có giá trị sử dụng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Đặc biệt, sự tham gia của cộng đồng, nhân dân sống xung quanh di tích chính là yếu tố then chốt, quyết định hiệu quả của công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai. Bởi vì, khi người dân hiểu được giá trị văn hóa, lịch sử của di tích và thấy rõ lợi ích kinh tế, tinh thần mà di tích mang lại, họ sẽ trở thành lực lượng trực tiếp bảo vệ và phát huy di sản một cách tự nguyện, lâu dài. Việc gắn kết bảo tồn với đời sống cộng đồng, du lịch cộng đồng, giáo dục truyền thống chính là cách phát huy sức mạnh nội sinh bền vững nhất.

Như vậy, bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai không thể thành công nếu thiếu sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ từ hệ thống chính trị và không thể bền vững nếu thiếu sự tham gia chủ động, sáng tạo của người dân và doanh nghiệp. Đây là nền tảng để Đồng Nai và các địa phương khác hướng tới mục tiêu bảo tồn DTLS-VH gắn với phát triển bền vững.

Ba là, tăng cường kiểm tra, giám sát nâng cao hiệu quả bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa

Trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai coi tác kiểm tra, giám sát như khâu then chốt để nâng cao hiệu lực, hiệu quả bảo tồn. Chính vì vậy, Đồng Nai đã chú trọng thiết lập cơ chế kiểm tra đa tầng, kết hợp giữa giám sát của cơ quan quản lý nhà nước với sự tham gia của cộng đồng địa phương, qua đó bảo đảm phát hiện kịp thời những dấu hiệu xâm hại, xuống cấp hoặc sử dụng sai mục đích đối với di tích. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, kiểm tra và giám sát không chỉ đơn thuần là biện pháp quản lý hành chính, mà còn là công cụ nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đồng thời khuyến khích cộng đồng chung tay gìn giữ di sản, tạo nên cơ chế giám sát đa chiều, khách quan, hạn chế được tình trạng buông lỏng quản lý hoặc lợi dụng di tích cho mục đích kinh tế ngắn hạn.

Trong giai đoạn 1996-2015, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã từng bước xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành giữa Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, chính quyền cơ sở và các tổ chức đoàn thể nhằm giám sát thường xuyên tình trạng di tích, kịp

thời phát hiện nguy cơ xuống cấp, xâm hại hoặc sử dụng sai mục đích. Hoạt động kiểm tra được triển khai có hệ thống, từ việc kiểm kê, lập hồ sơ di tích đến việc thẩm định các dự án tu bổ, trùng tu, bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về bảo tồn nguyên trạng, không thương mại hóa di sản. Chính nhờ sự giám sát chặt chẽ này mà nhiều di tích quan trọng như Văn miếu Trấn Biên, Chiến khu Đ, Khu tưởng niệm Nguyễn Hữu Cảnh… được bảo tồn đúng hướng, phát huy giá trị cả về văn hóa, lịch sử, giáo dục, du lịch. Như vậy, để bảo tồn DTLS-VH đạt hiệu quả, cần coi trọng việc thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên, khách quan và công khai; kết hợp giám sát nhà nước với giám sát xã hội; đồng thời gắn công tác kiểm tra với đánh giá trách nhiệm của các cấp, các ngành, tránh tình trạng hình thức, đối phó. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng bảo tồn di tích, đồng thời bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ công tác bảo tồn di tích với hoạt động tuyên truyền, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa

Đây là kinh nghiệm quan trọng, mang tính chiến lược và lâu dài, bởi bảo tồn DTLS-VH không chỉ dừng lại ở việc "giữ gìn hình thức vật thể", mà phải gắn liền với quá trình lan tỏa các giá trị văn hóa, lịch sử, giúp di tích trở thành "nguồn lực sống" trong đời sống xã hội hiện đại.

Trên thực tế, nhiều DTLS-VH ở Đồng Nai sau khi được tu bổ, phục hồi nếu không đi kèm với hoạt động tuyên truyền, giáo dục, khai thác hợp lý thì nhanh chóng rơi vào tình trạng **"**bảo tồn tĩnh" - có mà như không. Chính vì vậy, việc gắn công tác bảo tồn với tuyên truyền, phát huy giá trị là điều kiện tiên quyết để di tích thực sự "sống", lan tỏa và có tác động tích cực đến cộng đồng. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục không chỉ giúp nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, ý nghĩa của di tích, mà còn góp phần kích thích tinh thần tự hào, trách nhiệm gìn giữ di tích trong cộng đồng. Qua các phương tiện thông tin đại chúng, các chương trình truyền hình, bài viết trên báo chí, triển lãm, hội thảo, chuyên đề lịch sử… người dân hiểu rõ hơn về giá trị của di sản, từ đó hình thành ý thức tự nguyện bảo vệ và khai

thác bền vững. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền còn có vai trò kết nối giữa bảo tồn với phát triển du lịch, giáo dục truyền thống và xây dựng văn hóa địa phương. Di tích nếu được giới thiệu, quảng bá hiệu quả sẽ thu hút khách tham quan, trở thành điểm đến trong các tour du lịch văn hóa, giáo dục học đường, qua đó mang lại giá trị kinh tế và nâng cao đời sống tinh thần của người dân. Việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa tại di tích như tham quan, học tập, lễ hội truyền thống… cũng góp phần đưa di tích vào đời sống xã hội một cách sinh động và thiết thực.

Kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH còn cho thấy việc phát huy giá trị di tích chính là cách để bảo tồn di tích một cách chủ động, lâu dài. Khi di tích trở thành trung tâm văn hóa - giáo dục - du lịch, được cộng đồng và xã hội quan tâm, khai thác đúng cách, thì việc bảo tồn không còn là gánh nặng ngân sách mà sẽ trở thành chu trình bền vững.

Tóm lại, bảo tồn di tích và phát huy giá trị di tích là hai quá trình không thể tách rời, phải tiến hành song hành, hỗ trợ lẫn nhau. Trong đó, hoạt động tuyên truyền là "cầu nối", là "chất xúc tác" làm lan tỏa giá trị di tích, biến di tích từ những công trình "câm lặng" thành nguồn lực phát triển, giáo dục thế hệ trẻ và xây dựng bản sắc văn hóa Đồng Nai.

Năm là, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa triển kinh tế - xã hội với bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của tỉnh

Đây là một kinh nghiệm có tính chất căn cốt, đóng vai trò quyết định trong việc tạo ra sự hài hòa giữa hai mục tiêu tưởng chừng như mâu thuẫn: phát triển nhanh, mạnh về kinh tế - xã hội và giữ gìn bền vững các giá trị văn hóa truyền thống. Trên thực tế, nếu không có nhận thức đúng đắn và cách làm phù hợp, việc phát triển đô thị, công nghiệp, giao thông, hạ tầng… rất dễ xâm hại, lấn át hoặc làm biến dạng các DTLS-VH, gây tổn thất không thể khắc phục. Đồng Nai là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có tốc độ đô thị hóa và phát triển công nghiệp mạnh mẽ. Điều này vừa tạo điều kiện thuận lợi về nguồn lực cho công tác bảo tồn, nhưng cũng đặt ra những thách thức to lớn: nhiều di tích có nguy cơ bị thu hẹp không gian,

mất yếu tố gốc do xây dựng hạ tầng; quy hoạch phát triển thiếu sự gắn kết với quy hoạch bảo tồn; hoặc trong một số giai đoạn, bảo tồn chưa được xem là ưu tiên trong phát triển kinh tế địa phương. Vì vậy, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai xác định bảo tồn và phát triển không phải là hai quá trình đối lập, mà phải được lồng ghép, hỗ trợ lẫn nhau. Bảo tồn di tích phải được đưa vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tổng thể của tỉnh, đảm bảo quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị không phá vỡ không gian di tích, không làm tổn hại đến yếu tố nguyên gốc của di tích. Việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ này còn thể hiện qua việc khai thác hợp lý giá trị di tích phục vụ phát triển bền vững, biến các di tích trở thành nguồn lực cho phát triển du lịch văn hóa, giáo dục truyền thống, nâng cao đời sống tinh thần nhân dân và tạo sinh kế cho cộng đồng. Khi di tích mang lại giá trị thiết thực, thì cộng đồng sẽ chủ động hơn trong việc gìn giữ, bảo vệ và phát huy.

Sáu là, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn có năng lực, tâm huyết với công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa

Trong giai đoạn 1996-2015, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai luôn xác định yếu tố con người là then chốt, quyết định chất lượng bảo tồn, bởi lẽ dù có chính sách hay nguồn lực tài chính, nếu thiếu cán bộ am hiểu chuyên môn, tận tâm và có trách nhiệm thì công tác bảo tồn khó đi vào chiều sâu. Trên cơ sở đó, tỉnh đã từng bước quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa - di sản theo hướng vừa nâng cao trình độ chuyên môn vừa tăng cường kỹ năng quản lý, giám sát. Bên cạnh đó, Đồng Nai còn quan tâm đến việc cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn của Trung ương và hợp tác quốc tế, nhằm tiếp cận những phương pháp bảo tồn tiên tiến, kết hợp hài hòa giữa gìn giữ nguyên gốc với thích ứng trong bối cảnh hiện đại. Song song đó, Đảng bộ tỉnh chú trọng rèn luyện phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm xã hội và lòng yêu nghề cho cán bộ; coi đây là yếu tố bảo đảm để đội ngũ không chỉ làm việc theo chức trách hành chính mà còn gắn bó lâu dài, tâm huyết với di sản quê hương. Đặc biệt, Đồng Nai còn có kinh nghiệm trong việc phát huy vai trò của cán bộ cơ sở và lực lượng cộng tác viên văn hóa tại cộng đồng. Thực tế cho thấy, nhiều di tích nằm rải rác ở thôn, ấp, do vậy cán bộ cơ sở đóng vai trò "người gác cửa" trực

tiếp cho di sản. Việc gắn kết giữa cán bộ chuyên môn cấp tỉnh, huyện với cán bộ văn hóa cơ sở và những người am hiểu lịch sử địa phương đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp quản lý, bảo vệ di tích hiệu quả và bền vững hơn. Chính nhờ mô hình này, nhiều di tích có nguy cơ bị xâm hại đã được phát hiện, xử lý kịp thời, hạn chế tổn thất. Như vậy, việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai cần gắn kết chặt chẽ với ba yếu tố: chuẩn hóa về chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức và phát huy vai trò gắn bó, đồng hành cùng cộng đồng. Đây là cơ sở để hình thành lực lượng vừa có năng lực chuyên môn, vừa có tâm huyết và trách nhiệm, đảm bảo công tác bảo tồn và phát huy giá trị DTLS-VH của Đồng Nai đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, tăng cường sự phối hợp liên ngành trong công tác bảo tồn DTLS-VH cũng là một kinh nghiệm quan trọng. Thực tiễn cho thấy, ngành văn hóa không thể đơn độc đảm nhận nhiệm vụ này, mà cần sự tham gia đồng bộ của các ngành liên quan như quy hoạch, xây dựng, du lịch, tài nguyên - môi trường, giáo dục… Mỗi ngành đều có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến di tích, vì vậy sự phối hợp chặt chẽ sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp, hạn chế được tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót trách nhiệm. Đặc biệt, việc lồng ghép nội dung bảo tồn vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giúp bảo đảm thực hiện đồng thời hai mục tiêu: vừa thúc đẩy phát triển, vừa gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa - lịch sử một cách bền vững.

Tóm lại, bảo tồn DTLS-VH trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội cần có tư duy tổng hợp và tầm nhìn chiến lược. Kinh nghiệm từ Đồng Nai cho thấy, nếu biết hài hòa hai nhiệm vụ này, thì các DTLS-VH hóa sẽ không bị mai một, mà ngược lại, còn trở thành nền tảng tinh thần, bản sắc, và động lực phát triển bền vững cho địa phương.

Tiểu kết chương 4

Di tích lịch sử - văn hóa ở Đồng Nai là một phận quan trọng và quý giá trong kho tàng di sản văn hóa dân tộc; là sức mạnh nội sinh để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Nhận thức rõ vai trò, giá trị và tầm quan trọng của các DTLS-VH, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai kịp thời đề ra chủ trương lãnh đạo công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH đạt nhiều thành tựu quan trọng. Trải qua 20 năm (1996-2015) lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã bổ sung, hoàn thiện lý luận về bảo tồn di sản văn hóa gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương đã đi vào chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm. Hệ thống các DTLS-VH đã được kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng, kịp thời tôn tạo, phục hồi, góp phần phát huy những giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống tốt đẹp, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, nguồn nhân lực phục vụ cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích được tăng cường, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra; vai trò của cộng đồng, nhân dân được phát huy hiệu quả.

Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH còn tồn tại một số hạn chế nhất định: cơ chế, chính sách về bảo tồn và phát huy giá trị các di tích còn thiếu, chưa đồng bộ; công tác quản lý, điều hành và sự phối hợp giữa các sở, ngành địa phương và nhân dân còn bất cập; chất lượng công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH chưa cao… Song, những thành tựu và hạn chế trên chính là bài học kinh nghiệm quý để Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đẩy mạnh lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH trong giai đoạn tiếp theo đạt nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện; đồng thời, là tiền đề quan trọng cho sự phát triển bền vững của Đồng Nai trong quá trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.

KẾT LUẬN

Thông qua việc nghiên cứu quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai về công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa từ năm 1996 đến năm 2015 có thể rút ra một số kết luận:

1. Di tích lịch sử - văn hóa là di sản của quốc gia, dân tộc; là động lực, nguồn lực dồi dào cho tăng trưởng kinh tế; là điểm tựa vững chắc cho đời sống tinh thần, là môi trường làm giàu bản sắc văn hóa. Bởi vậy, bảo vệ và phát huy giá trị các DTLS-VH chính là gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, khơi dậy nguồn lực nội sinh cho quá trình phát triển bền vững của đất nước.

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giữ vị trí chiến lược về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước. Trải qua hơn 300 hình thành và phát triển, con người Đồng Nai đã sáng tạo, gìn giữ một kho tàng di sản văn hóa đa dạng, phong phú tạo nên bản sắc riêng của vùng đất phương Nam "gian lao mà anh dũng". Với bề dày lịch sử, văn hóa lâu đời, Đồng Nai hiện đang lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc, cùng hệ thống DTLS-VH độc đáo. Các DTLS-VH của Đồng Nai là bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc, là chứng tích cho sự phát triển của cộng đồng. Trong đó, nhân dân vừa là chủ nhân, vừa là lực lượng nòng cốt để xây dựng, bảo vệ và phát huy giá trị các DTLS-VH của địa phương. Do đó, giáo dục ý thức và trách nhiệm cho cộng đồng, nhất là thế hệ trẻ Đồng Nai về bảo tồn di sản văn hóa nói chung và bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH nói riêng là nhiệm vụ chung của toàn xã hội. Hơn nữa, DTLS-VH còn là nguồn lực quan trọng trong quy hoạch phát triển, kinh tế, xã hội theo hướng bền vững của Đồng Nai. Vì vậy, bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH là vấn đề có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết.

2. Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH, trong những năm 1996-2015, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; kịp thời đề chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát

huy giá trị các DTLS-VH gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH đạt những kết quả quan trọng. Hầu hết các di tích trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm trùng tu, tôn tạo, phục dụng, bước đầu phát huy giá trị văn hóa, truyền thống lịch sử tốt đẹp trong đời sống nhân dân và được khai thác hiệu quả, trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng, tạo nguồn thu đóng góp cho sự phát triển bền vững của Đồng Nai. Những thành tựu đạt được đã khẳng định tính đúng đắn trong chủ trương, chính sách về bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa của Đảng bộ, chính quyền Đồng Nai.

Tuy nhiên, trong quá trình CNH, HĐH, quá trình lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai còn nhiều bất cập như: cơ chế, chính sách và công tác quản lý, điều hành chưa đồng bộ, chưa phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương; nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa còn thiếu và còn yếu; chất lượng, hiệu quả công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích chưa cao, chưa phát huy hiệu quả đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là kinh tế du lịch… Đây là những thách thức lớn đặt ra cho Đảng bộ, các cấp, các ngành ở Đồng Nai trong quá trình đổi mới và hội nhập. Vì vậy, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH phù hợp với bối cảnh hội nhập; nâng cao tinh thần, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân; chú trọng phát huy vai trò của cộng đồng trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh và sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

3. Thực tiễn 20 năm (1996-2015) lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã để lại nhiều kinh nghiệm quý báu: Quán triệt và vận dụng đúng đắn chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH phù hợp với thực tiễn địa phương; Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị các DTLS-VH; Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn có năng lực, tâm huyết với công tác bảo tồn, phát huy giá trị DTLS-

VH; Tăng cường kiểm tra, giám sát nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn DTLS-VH; Kết hợp chặt chẽ công tác bảo tồn di tích với hoạt động tuyên truyền, phát huy giá trị các DTLS-VH; Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo tồn và phát huy các giá trị các DTLS-VH. Những kinh nghiệm quý này sẽ là gợi ý quan trọng cho việc triển khai công tác bảo tồn và phát huy giá trị các DTLS-VH ở Đồng Nai trong những năm tới.

Lịch sử hình thành và phát triển hơn 300 năm của Đồng Nai đã kiến tạo một kho tàng di sản văn hóa vô cùng phong phú, đa dạng và mang lại nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. Hệ thống các DTLS-VH ở Đồng Nai vừa đa dạng, phong phú về số lượng và loại hình, vừa phản ánh sinh động quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Đồng Nai "gian lao mà anh dũng". Đó là nguồn tài nguyên quan trọng cho phát triển kinh tế của địa phương, đồng thời là niềm tự hào của người dân Đồng Nai về truyền thống lịch sử, văn hóa. Vì vậy, gìn giữ, tôn tạo và phát huy giá trị các DTLS-VH vừa mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, vừa là biểu hiện của sự đền ơn đáp nghĩa, thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn". Trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, Đồng Nai cần có những giải pháp đồng bộ và hiệu quả để gìn giữ và phát huy giá trị các DTLS-VH để biến các giá trị đó thành "đặc hữu", động lực thúc đẩy Đồng Nai phát triển nhanh và bền vững trong tương lai.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Minh Quang (2023), "Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lãnh đạo bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử (1996 - 2015)", *Tạp chí lịch sử Đảng*, Số 5-2023, tr. 110.
2. Nguyễn Minh Quang (2022), "Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai", *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 8, Số 2b, tr. 207-217.
3. Nguyen Minh Quang (2023), "Efficient improvement of cultural historical relic management of Tran Bien temple of literature, Bien Hoa, Dong Nai for tourism development", *The first international conference on the issues of social sciences and humanities, University of Social Sciences and Humanities*, ISBN: 978-604-9962-20-2, VietNam national university press, Ha Noi, p. 656.
4. Nguyen Minh Quang (2023), "Developing Tourism to Enhance the Quality of Life – A look at the Preservation and Development of Historical Monuments in Dong Nai Province", *Social and Human Development in Vietnam, Vietnam – Politics and Economics*, Vu Hao Nguyen | Detlef Briesen [Eds.] ISBN print: 978-3-7560-1142-1; ISBN online: 978-3-7489-1698-7, Nomos, Baden-Baden, p. 307.
5. Nguyễn Minh Quang (2022), "Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Đồng Nai trong giai đoạn hiện nay", *Hội thảo khoa học: Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể Đông Nam Bộ trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Trường Đại học Thủ Dầu Một*, ISBN: 978-604-79-3215-3 Nxb, Tài Chính, tr.811.
6. Nguyễn Minh Quang, Lê Thị Quỳnh Nga (2024), "Bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch ở Đồng Nai hiện nay", *Hội thảo khoa học quốc tế: Kết nối Việt Nam #14, Sống cùng di sản tái tạo/ tạo di sản Việt Nam và thế giới*, ISBN 978-604-489-549-9, Nxb, Đại học Huế, tr. 160.
7. Nguyễn Minh Quang (2024), "Hợp tác Việt Nam - Nhật Bản nỗ lực chung trong bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di sản văn hóa Việt Nam", *Hội thảo khoa học quốc*

tế Việt Nam - Nhật Bản: Diễn trình quan hệ thành tựu và triển vọng, Trường Đại học Duy Tân, ISBN: 978-604-40-1915-4, Nxb, Dân Trí, tr.174

8. Nguyễn Minh Quang (2024), "Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn hiện nay", *Tạp chí Văn Hóa và Nguồn Lực*, Số 1 (37)/2024. ISSN: 2354-0907 Đại học Văn Hóa Thành Phố Hồ Chí Minh, tr. 84.
9. Nguyễn Minh Quang (2024), "Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể vùng Đông Nam bộ gắn với phát triển du lịch văn hóa", *Tạp chí Nghiên Cứu Văn Hóa*, Số 4 (46), tr. 48.
10. Nguyễn Minh Quang, Huỳnh Chí Hiếu, Ngô Hồ Anh Khôi (2024), "Kinh nghiệm chuyển đổi số trong kinh tế xanh và phát triển bền vững tại Mỹ - Một số gợi ý cho Việt Nam", *Hội thảo khoa học quốc gia: Kinh tế tuần hoàn - kinh tế bền vững - marketing xanh, Trường Đại học Công Nghệ thành phố Hồ Chí Minh*, ISBN: 978-604-79-4259-6, NXB Tài Chính, tr. 314.
11. Nguyen Minh Quang (2024), "Preserving and promoting cultural heritage values in Dong Nai province in the period of accelerating industrialization and modernization", *Proceedings of the second international conference on the issues of Social sciences and Humanities. University of Social Sciences and Humanities, Hanoi National University*, ISBN 978-604-43-1656-7, VietNam national university press, Ha Noi, p. 565.
12. Nguyễn Minh Quang (2024), "Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai gắn với phát triển du lịch", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai trong bối cảnh hiện nay, Bảo tàng tỉnh Đồng Nai*, tr. 75.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đặng Văn Bài (2003), "Tiếp cận thực trạng công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo tinh thần của Luật di sản văn hóa", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (5), tr. 8-12.
2. Đặng Văn Bài (2006), "Tu bổ và tôn tạo các di tích lịch sử và văn hóa là hoạt động có tính đặc thù chuyên ngành", *Tạp chí Di sản văn hóa* (2), tr. 10-16.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (2004), *Chương trình hành động số 85-CTr/TU về thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đảm bảo sự phát triển đồng bộ về chất lượng văn hóa trên mọi mặt*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (2007), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (1975 - 2000)*, NXB Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai.
5. Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (1998), *Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
6. Ban Quản lý di tích và danh thắng tỉnh Nam Định (2008), *Di tích lịch sử văn hóa tỉnh Nam Định*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
7. Ban Quản lý Di tích - Danh thắng tỉnh Đồng Nai (2013), *Báo cáo về thực hiện Luật Di sản Văn hóa*, TLLT Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
8. Ban Quản lý Di tích - Danh thắng tỉnh Đồng Nai (2017), *Báo cáo kết quả công tác quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trong quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017*, TLLT Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
9. Ban Thường vụ Thành ủy Biên Hòa (2012), *Biên Hòa xưa*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
10. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai (2007), *Báo cáo sơ kết công tác tư tưởng chính trị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, TLLT Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai.
11. Bảo tàng Đồng Nai (2011), *Thông tin khoa học năm 2011*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.

12. Bảo vật quốc gia (2017), *Tập sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945 - 1946*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
13. Trương Quốc Bình (2014), *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
14. Vũ Thiên Bình (2018), *Di tích lịch sử cách mạng Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.
15. Nguyễn Chí Bền (Chủ biên) (2010), *Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể Thăng Long - Hà Nội*, NXB Hà Nội, Hà Nội.
16. Cục Thông kê tỉnh Đồng Nai (2019), *Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2018*, NXB Thống kê, Hà Nội.
17. Đoàn Bá Cử (2011), "Công tác tu bổ di tích - thực tiễn và quản lý nhà nước", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (2), tr. 107-109.
18. Nguyễn Viết Cường (2014), "Bảo tồn di tích trong bối cảnh hiện nay", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (2), tr. 7-8.
19. Lê Trí Dũng (2009), "Đồng Nai với sự nghiệp bảo tồn, phát huy giá trị di tích và danh thắng", *Tạp Chí Di sản Văn hóa* (4), tr. 25-30.
20. Lê Trí Dũng (2011), *Di tích Đình An Hòa*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
21. Lê Viết Dũng, Hoàng Công Huy, Nguyễn Thị Thủy, Đào Thị Mai (2019), *Co Loa vestige site* (khu di tích Cổ Loa), NXB Thế giới, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VII, IX) Về văn hóa, xã hội, khoa học - kỹ thuật, giáo dục, đào tạo*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
31. Huỳnh Minh Đức (chủ biên) (1998), *Di sản chữ Hán trong các đình, chùa, miếu - mạo, từ đường ở Biên Hòa - Đồng Nai*, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa ấn hành.
32. Trịnh Minh Đức (chủ biên) (2007), *Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa - Giáo trình dành cho sinh viên đại học và cao đẳng ngành bảo tàng*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
33. Hà Nam Khánh Giao, Huỳnh Diệp Trâm Anh (2014), Thực trạng và một số giải pháp nhằm phát triển du lịch Đồng Nai, *Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật* (8), tr. 12-26.
34. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự tỉnh hội Phật giáo Đồng Nai (2002), *Những ngôi chùa Đồng Nai*, tập 1, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
35. Minh Hạnh (2018), *Di tích thắng cảnh Việt Nam*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
36. Nguyễn Thị Hiền (2022), *Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa dựa vào cộng đồng*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
37. *Hiến pháp Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (1992), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Hoàng Lan - Hoàng Hoa (2022), *Di tích lịch sử 13 nhà tù trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ*, NXB Lao động, Hà Nội.

39. Trịnh Thị Hòa (2009), "Bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong bối cảnh hội nhập và phát triển", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (2), tr. 90-94.
40. Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh (2005), *Nam Bộ đất và người*, tập 3, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
41. Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (2012), *Nghị quyết số 35/2012/NQ-HĐND Về xây dựng và phát triển Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2020*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
42. Nguyễn Quốc Hùng (2002), "Một vài suy nghĩ về tình hình thực hiện các dự án bảo tồn tu bổ di tích ở nước ta trong thời gian qua", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (1), tr. 53-61.
43. Nguyễn Quốc Hùng (2008), "Truyền thống Việt Nam qua di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh", *Tạp chí Di sản văn hóa* 4 (25), tr. 3-8.
44. Nguyễn Quốc Hùng (2010), "Bảo tồn di sản khảo cổ học tại Việt Nam - quá khứ, hiện tại và tương lai", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (1), tr. 89-96.
45. Nguyễn Quốc Hùng (2012), "Di tích cách mạng - bằng chứng của sự thay đổi", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (2), tr. 3-8.
46. Nguyễn Thế Hùng (2007), "Phát huy giá trị di tích phục vụ sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (3), tr. 27-31.
47. Đinh Trung Kiên (2003), "Di tích lịch sử và tư liệu lịch sử với việc phát triển du lịch Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội* (3), tr. 59-65.
48. Kỷ yếu Hội thảo khoa học (2022), *Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể Đông Nam Bộ trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*, NXB Tài Chính, Hà Nội.
49. Nguyễn Kim Loan (Chủ biên) (2014), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
50. Phan Đình Dũng, Nguyễn Thanh Lợi (2010), *Hỏi đáp về Biên Hòa - Đồng Nai*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
51. Hồ Xuân Mãn (2003), "Di sản cố đô Huế dưới ánh sáng chính sách bảo tồn di sản văn hóa dân tộc của Đảng", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (3), tr. 3-4.

52. Phạm Đức Mạnh, Nguyễn Giang Hải, Nguyễn Hồng Ân (2015), *Hàng Gòn - Kỳ quan Cự thạch Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
53. Phạm Đức Mạnh (2019), *Đến với lịch sử văn hóa Biên Hùng - Đồng Nai*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
54. Phạm Đức Mạnh, Nguyễn Hồng Ân (đồng chủ biên) (2020), *Mộ cổ Đồng Nai*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
55. Nhật Minh (Chủ biên) (2015), *Priceless heritage of Thang Long imperial citadel* (Di sản vô giá của Kinh thành Thăng Long), NXB Thông tin và Truyền Thông, Hà Nội.
56. M.Robert (2015), *Địa chí tỉnh Biên Hòa*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
57. Nhiều tác giả (2009), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam*, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam ấn hành.
58. Nhiều tác giả (2014), *Di sản văn hóa trong xã hội Việt Nam đương đại*, NXB Tri thức, Hà Nội.
59. Nhiều tác giả (2017), *Quản lý và khai thác di sản văn hóa trong thời kỳ hội nhập*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
60. Nhiều tác giả (2018), *Di tích lịch sử và di sản văn hóa Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.
61. Huỳnh Thị Tuyết Nhung (2019), *Can Tho city historical - Cultural heritage* (Di tích lịch sử - văn hóa Thành phố Cần Thơ), NXB Cần Thơ, Cần Thơ.
62. Trần Thị Kim Ninh (2018), *Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lãnh đạo công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa từ năm 1998 đến năm 2014*, Luận án Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
63. Trần Thị Kim Ninh (2020), *Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
64. Nguyễn Lan Phương (2018), *Di tích lịch sử - văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
65. Phạm Minh Quang (2007), *Tổng quan bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Đồng Nai*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.

66. Quốc hội (2001), *Luật của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 28/2001/QH10 về Di sản văn hóa*, ngày 29-6-2001.
67. Lê Văn Quý (2016), *Tìm hiểu pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
68. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (1996), *Báo cáo số 18/BC-VHTT về đánh giá hoạt động VHTTTT năm 1996*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
69. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (1996), *Báo cáo số 38/BC-VHTT-TT về hoạt động Văn hóa Thông tin - Thể thao năm 1996*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
70. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (1997), *Báo cáo Thống kê số 08/BCTK.VHTT về thực hiện kế hoạch ngành VHTT-TT năm 1996*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
71. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (1997), *Báo cáo số 38/BC-VHTT.TT về phương hướng nhiệm vụ năm 1997*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
72. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (1997), *Báo cáo số 35/BC.VHTT.TT về hoạt động VHTT-TT năm 1997*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
73. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (1998), *Báo cáo số 38/BC.VHTT-TT về hoạt động VHTT-TT năm 1998*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
74. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (1998), *Công văn số 185/CV.VHTT-TT về quản lý các hoạt động văn hóa - dịch vụ du lịch tại khu di tích danh thắng Bửu Long*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
75. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (1998), *Báo cáo số 36A/BC-TK về tình hình thực hiện năm 1998 của ngành văn hóa thông tin - thể thao Đồng Nai*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.

76. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (1999), *Báo cáo số 30/BC.SVHTT-TT về ước hoạt động VHTT-TT năm 1999*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
77. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (1999), *Báo cáo số 41/SVHTT-TT về hoạt động VHTT-TT năm 1999*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
78. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2000), *Tờ trình số 17/TT.SVHTT-TT về Dự thảo quy chế bảo vệ và sử dụng khu di tích đền thờ, mộ Nguyễn Hữu Cảnh*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
79. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2000), *Văn bản số 44/SVHTT.TT xin công nhận khu di tích lịch sử - cách mạng huyện Nhơn Trạch anh hùng*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
80. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2000), *Văn bản số 320/SVHTT-TT về trùng tu tôn tạo di tích Khu ủy miền Đông*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
81. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2000), *Văn bản số 494/SVHTT-TT về góp ý dự án Khu Di tích lịch sử Nhà Ngục Tài Lài*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
82. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Báo cáo số 01/BC.VHTT-TT về hoạt động Văn hóa Thông tin Thể thao phục vụ các ngày lễ lớn*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
83. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 20/VHTT về khánh thành trưng bày trong di tích nhà tù Tân Hiệp*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
84. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Báo cáo số 40/BC.VHTT-TT về hoạt động Văn hóa Thông tin Thể thao năm 2000*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.

85. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 66/S.VHTT-TT xin thỏa thuận xếp hạng di tích lịch sử kiến trúc quân sự "Thành Biên Hòa"*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
86. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Chương trình số 50/CT.SVHTT-TT về hoạt động văn hóa - thông tin năm 2001*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
87. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 101/SVHTT-TT xin ký bản đồ khoanh vùng bảo vệ và biên bản khoanh vùng bảo vệ di tích đình Phú Mỹ*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
88. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 114/VHTT.TT về giải tỏa để trùng tu Di tích lịch sử mộ Đoàn Văn Cự*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
89. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 166/VHTT xin công nhận khu di tích Đền thờ, mộ Nguyễn Hữu Cảnh và Nhà bia Hiệp Hòa*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
90. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 179/SVHTT xin phúc khảo hồ sơ di tích kiến trúc nghệ thuật tôn giáo "Đình Phú Mỹ" huyện Nhơn Trạch*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
91. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 203/S.VHTT đề nghị xác nhận biên bản và bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích Chùa Ông*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
92. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 214/SVHTT về trùng tu, tôn tạo di tích đền thờ Đoàn Văn Cự*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
93. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 241/S.VHTT đề nghị xin trùng tu di tích Căn cứ Khu ủy miền Đông*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.

94. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 272/S.VHTT đề nghị xác nhận biên bản và bản đồ khoanh vùng bảo vệ di tích địa đạo Nhơn Trạch*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
95. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 292/S.VHTT xin xếp hạng di tích lịch sử - kiến trúc tôn giáo Chùa "Bửu Sơn"*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
96. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Báo cáo số 33/BC.SVHTT về công tác văn hóa thông tin năm 2001*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
97. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2001), *Văn bản số 419/S.VHTT kiến nghị về chương trình mục tiêu Quốc gia chống xuống cấp di tích năm 2002*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
98. Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai (2002), *Báo cáo số 03/BC.SVHTT về tổng kết công tác văn hóa thông tin năm 2001 triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2002*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Đồng Nai.
99. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2002), *Chương trình hành động số 07/SVHTT của ngành Văn hóa Thông tin Đồng Nai thực hiện Nghị quyết 18/TU của BCH Đảng bộ tỉnh Đồng Nai*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
100. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2002), *Báo cáo số 79/BC.SVHTT về hoạt động Văn hóa thông tin năm 2002 (thực hiện Nghị quyết 18/TU)*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
101. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2002), *Báo cáo số 30/BC.SVHTT về hoạt động Văn hóa thông tin năm 2002*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
102. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2003), *Báo cáo số 234/BC.SVHTT về hoạt động Văn hóa thông tin thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
103. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2003), *Báo cáo số 464/BC.SVHTT về hoạt động văn hóa - thông tin 9 tháng năm 2003*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.

104. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2003), *Báo cáo số 638/BC.SVHTT về hoạt động văn hóa - thông tin năm 2003*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
105. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2004), *Văn bản số 232/SVHTT về nâng cấp di tích nhà lao Tân Hiệp*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
106. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai, Trung tâm Quản lý di tích chiến khu Đ (2004), *Đề án A2/TTQLDT về xây dựng thêm một số hạng mục công trình nhằm phục vụ và thu hút khách tham quan*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
107. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2004), *Văn bản số 600/SVHTT về trùng tu Tổ đình Kim Cang*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
108. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2005), *Báo cáo số 262/BC.S.VHTT về Tổng kết các dự án của Chương trình mục tiêu IV "Sưu tầm, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể (giai đoạn 1997 - 2005)*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
109. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2005), *Báo cáo số 699/BC-.SVHTT-VP về hoạt động văn hóa - thông tin năm 2005 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2006*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
110. Sở Văn hóa - Thông tin Đồng Nai (2005), *Báo cáo tổng kết công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa tỉnh Đồng Nai giai đoạn 1997-2004*, TLLT Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
111. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2006), *Quyết định số 185/QĐ-SVHTT về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
112. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2006), *Thông báo số 211/TB SVHTT-KH Kết luận của Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai về kết quả giao chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa thông tin năm 2006 cho các đơn vị trực thuộc và phòng văn hóa thông tin - thể thao các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.

113. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2006), *Chương trình số 645/CTr.SVHTT.NV về xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 - 2010*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
114. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2007), *Báo cáo số 726/BC.SVHTT về hoạt động Văn hóa thông tin trong 2 năm (2006 - 2007) và thực hiện kế hoạch 3 năm (2008 - 2010)*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
115. Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai (2007), *Báo cáo số 728/BC.SVHTT về hoạt động Văn hóa thông tin năm 2007 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2008*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin Đồng Nai.
116. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2008), *Báo cáo số 48/BC-SVHTTDL về kết quả công tác văn hóa, thể thao và du lịch trong 2 năm rưỡi thực hiện kế hoạch 5 năm (2006 - 2010)*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
117. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2008), *Báo cáo số 157/BC-SVHTTDL về kết quả công tác văn hóa, thể thao và du lịch trong giữa kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm (giai đoạn 2006 - 2010)*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
118. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2008), *Báo cáo số 639/SVHTTDL giải trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hai năm rưỡi*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
119. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2008), *Báo cáo số 267/BC-SVHTTDL về công tác văn hóa, thể thao và du lịch năm 2008 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2009*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
120. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2009), *Kế hoạch số 78-KH-SVHTTDL của ngành Du lịch tỉnh Đồng Nai nhằm tăng cường thu hút khách du lịch*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.

121. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2009), *Văn bản số 578/SVHTTDL-VP về chuyển giao Trung tâm Văn miếu Trấn Biên về Sở VHTTDL quản lý*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
122. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2009), *Báo cáo số 349/BC-SVHTTDL về kết quả công tác văn hóa, thể thao và du lịch 4 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (giai đoạn 2006 - 2010)*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
123. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2009), *Báo cáo số 367/BC-SVHTTDL đánh giá kết quả 4 năm thực hiện chương trình phát triển dịch vụ 2006 - 1010*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
124. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2009), *Báo cáo số 433/BC-SVHTTDL về công tác văn hóa, thể thao và du lịch năm 2009 và phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, kế hoạch năm 2010*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
125. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2009), *Báo cáo số 470/BC-SVHTTDL về công tác VHTTDL thực hiện 4 năm 2006 - 2009 kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 (lần 2)*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
126. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2009), *Đề cương báo cáo số 489/ĐCBC-SVHTTDL về công tác văn hóa, thể dục thể thao tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ VIII (2006 - 2010)*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
127. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2010), *Báo cáo số 599/BC-SVHTTDL về công tác văn hóa, thể thao và du lịch và gia đình năm 2010 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2011*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
128. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2011), *Báo cáo số 685/BC-SVHTTDL về công tác văn hóa, thể thao và du lịch và gia đình năm 2011 và*

phương hướng, nhiệm vụ năm 2012, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.

129. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2012), *Báo cáo số 777/BC-SVHTTDL về công tác văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình năm 2012, phương hướng, nhiệm vụ năm 2013*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
130. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2013), *Báo cáo số 204/BC-SVHTTDL tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) về "xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
131. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2013), *Báo cáo số 936/BC-SVHTTDL về công tác văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình năm 2013, phương hướng, nhiệm vụ năm 2014*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
132. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2014), *Kế hoạch số 857/SVHTTDL-KHTC Thực hiện phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2020*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
133. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2014), *Kế hoạch số 983/KH-SVHTTDL Phát triển và dự toán ngân sách Nhà nước của sự nghiệp Văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch năm 2015*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
134. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2014), *Kế hoạch số 399/KH-SVHTTDL Đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
135. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai, Ban Quản lý Di tích và Danh thắng (2014), *Văn bản số 154/BQLDTDT về Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.

136. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2014), *Kế hoạch số 314/SVHTTDL-KHTC về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
137. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2015), *Quyết định số 23-QĐ/SVHTTDL về việc giao chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ năm 2015 cho Ban Quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
138. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2015), *Chương trình hành động số 314/CTr-SVHTTDL Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 3 - 1 - 2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
139. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2015), *Chương trình hành động số 2078/CTr-SVHTTDL Triển khai thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 3 - 1 - 2015 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
140. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2015), *Báo cáo số 431/BC-SVHTTDL về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa, thể thao và du lịch 5 năm (giai đoạn 2010 - 2015)*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
141. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2015), *Kế hoạch số 1363/KH-SVHTTDL Phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
142. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2015), *Kế hoạch số 1407/KH-SVHTTDL Đầu tư phát triển năm 2016 ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch*, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
143. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2015), *Kế hoạch số 1457/KH-SVHTTDL Phát triển sự nghiệp ngành văn hóa, thể thao và du lịch và dự toán*

ngân sách Nhà nước năm 2016, TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.

144. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai (2015), *Báo cáo số 1923/BC-SVHTTDL về tình hình triển khai đề án phát triển xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020,* TLLT Sở Văn hóa Thông tin, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.
145. Văn Tạo (1988), "Di sản lịch sử đối với thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (240-241), tr. 50-53.
146. Hà Văn Tấn (2003), "Bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (2) tr. 3-7.
147. Hà Văn Tấn (2005), "Bảo vệ di tích lịch sử văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (4) tr. 109-114.
148. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg)* ngày 6-5-2009, Hà Nội.
149. Nguyễn Thịnh (2012), *Di sản văn hóa Việt Nam - Bản sắc và những vấn đề về quản lý bảo tồn*, NXB Xây dựng, Hà Nội.
150. Ngô Đức Thọ (chủ biên) (2003), *Từ điển di tích văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
151. Trương Minh Tiến (2017), *Thang Long - Ha Noi national treasures* (Bảo vật quốc gia Thăng Long - Hà Nội), NXB Hà Nội, Hà Nội.
152. Lưu Trần Tiêu (2011), "Mấy vấn đề về hoạt động tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (3), tr. 3-7.
153. Tỉnh ủy Đồng Nai (1997), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai 1930* - 1954, tập 1, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
154. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2001), *Địa chí Đồng Nai*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
155. Tỉnh ủy Đồng Nai (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VI Đảng Bộ tỉnh Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.

156. Tỉnh ủy Đồng Nai (1998), *Nghị quyết số 39-NQ/TU về Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (Khóa VIII) "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*", TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
157. Tỉnh ủy Đồng Nai (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII*, tập 1, NXB Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai.
158. Tỉnh ủy Đồng Nai (2002), *Nghị quyết số 18/NQ-TU về "Phát triển sự nghiệp văn hóa thông tin",* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
159. Tỉnh ủy Đồng Nai (2002), *Nghị quyết số 31-NQ/TU về tăng cường nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
160. Tỉnh ủy Đồng Nai (2003), *Báo cáo số 162-BC/TU về tiến độ kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc,* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
161. Tỉnh ủy Đồng Nai (2003), *Thông báo số 261-TB/TU về ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về Dự án trùng tu tôn tạo di tích căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961 - 1962),* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
162. Tỉnh ủy Đồng Nai (2005), *Thông báo số 369-TB/TU về việc chuẩn bị tổ chức kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng miền Nam (30/4) và lễ khánh thành các Khu di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn tỉnh,* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
163. Tỉnh ủy Đồng Nai (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2005 - 2010),* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
164. Tỉnh ủy Đồng Nai (2008), *Kế hoạch số 62-KH/TU về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) "về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc" và tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW "về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội,* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.

165. Tỉnh ủy Đồng Nai (2008), *Báo cáo số 170-BC/TU Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
166. Tỉnh ủy Đồng Nai (2009), *Chương trình hành động số 78-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X)*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
167. Tỉnh ủy Đồng Nai (2010), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX nhiệm kỳ 2010-2015*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
168. Tỉnh ủy Đồng Nai (2010), *Nghị quyết số 15-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa VIII) về mục tiêu, nhiệm vụ năm 2010*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
169. Tỉnh ủy Đồng Nai (2011), *Nghị quyết số 01-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) về mục tiêu, nhiệm vụ năm 2011*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
170. Tỉnh ủy Đồng Nai (2012), *Kế hoạch số 87-KH/TU tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
171. Tỉnh ủy Đồng Nai (2013), *Quyết định số 342-QĐ/TU về việc thành lập Ban Chỉ đạo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
172. Tỉnh ủy Đồng Nai (2013), *Báo cáo số 254-BC/TU tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
173. Tỉnh ủy Đồng Nai (2015), *Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2015*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.

174. Tỉnh ủy Đồng Nai (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X (nhiệm kỳ 2015 - 2020),* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
175. Tỉnh ủy Đồng Nai (2015), *Tờ trình số 86-TTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự thảo Kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước",* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
176. Tỉnh ủy Đồng Nai (2015), *Công văn số 3762-CV/VPTU báo cáo thẩm định dự thảo Kế hoạch của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của BCH Trung ương (khóa XI) về "xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*", TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
177. Tỉnh ủy Đồng Nai (2015), *Kế hoạch số 257-KH/TU về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước",* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
178. Tỉnh ủy Đồng Nai (2015), *Nghị quyết số 01/NQ-TU Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ X Đảng bộ tỉnh Đồng Nai,* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
179. Trần Quang Toại (2019), *Đồng Nai di tích lịch sử văn hóa*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
180. Nguyễn Hữu Toàn (2013), "Triển khai Nghị quyết số 23/NQ-TW của Bộ Chính trị trên lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (2), tr. 3-6.
181. Nguyễn Hữu Toàn (2013), "Mấy vấn đề về chính sách, pháp luật và thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực bảo tàng", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (4), tr. 92-95.
182. Tổng Cục chính trị, Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam (2013), *Nâng cao chất lượng hoạt động bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

183. Huỳnh Văn Tới (chủ biên) (1998), *Bản sắc dân tộc và văn hóa Đồng Nai*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
184. Huỳnh Văn Tới (2020), *Di tích lịch sử văn hóa Thành cổ Biên Hòa xưa*, NXB Đồng Nai.
185. Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, Nguyễn Trí Nghị (2015), *Di tích - Danh thắng Đồng Nai*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
186. Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên) (1998), *Cù lao phố - Lịch sử và văn hóa*, NXB Đồng Nai, Đồng Nai.
187. Lưu Minh Trị (Chủ biên) (2002), *Tìm trong di sản văn hóa Việt Nam Thăng Long Hà Nội*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
188. Lưu Minh Trị (Chủ biên) (2010), *Hà Nội - Danh thắng và di tích, tập 2*, NXB Hà Nội, Hà Nội.
189. Doãn Đoan Trinh (2003), *Hanoi addresses for cultural tourism* (Hà Nội địa chỉ du lịch văn hóa), NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
190. Đỗ Văn Trụ (2005), "Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc", *Tạp chí Di sản văn hóa* (4), tr. 20-23.
191. Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội (2014), *Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội, di sản văn hóa thế giới*, NXB Hà Nội, Hà Nội.
192. Nguyễn Doãn Tuân (2002), "Công tác quản lý di tích trong quá trình đô thị hóa ở Thủ đô Hà Nội", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (1), tr. 66-69, 98.
193. Nguyễn Tùng (2020), *Di tích lịch sử văn hóa Tây Nguyên*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
194. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (1996), *Công văn số 2500/UBT về các di tích lịch sử - văn hóa bị xâm phạm*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
195. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (1997), *Văn bản số 2649/UBT Về trùng tu các di tích lịch sử - văn hóa*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
196. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (1997), *Văn bản số 2992/UBT đề nghị công nhận di tích*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.

197. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (1999), *Văn bản số 520/UBT đề nghị công nhận di tích*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
198. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2000), *Đồng Nai 25 năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội*, NXB Tổng hợp, Đồng Nai.
199. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2002), *Công văn số 333/UBT về chấp thuận chủ trương cho trùng tu, tôn tạo di tích*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
200. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2002), *Văn bản số 1210/UBT về bảo vệ di tích văn hóa*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
201. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2002), *Chỉ thị số 22/CT.CT.UBT về Bảo vệ di sản văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
202. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2002), *Văn bản số 1902/UBT về quản lý các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
203. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2002), *Văn bản số 5403/UBT về tăng cường công tác quản lý di tích trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
204. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2003), *Văn bản số 3679/UBT về xếp hạng và bảo vệ di tích*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
205. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2004), *Công văn số 933/CV.UBT về cử cán bộ xin ý kiến Bộ Văn hóa - Thông tin về dự án Bảo tồn, tôn tạo di tích*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
206. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2005), *Đồng Nai 30 năm xây dựng và phát triển*, Xí nghiệp in Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai.
207. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2006), *Quyết định số 09/2006/QĐ-UBND về việc sáp nhập Trung tâm quản lý di tích Chiến khu Đ vào Khu dự trữ thiên nhiên Vĩnh Cửu và đổi tên thành Khu Bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.

208. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2006), *Quyết định số 10/2006/QĐ-UBND ban hành bản Quy định về tổ chức và hoạt động của Khu Bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
209. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2007), *Quyết định số 17/2007/QĐ-UBND về Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành Văn hóa Thông tin tỉnh Đồng Nai đến năm 2010*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
210. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2007), *Quyết định số 29/2007/QĐ-UBND ban hành Chương trình xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006 - 2010*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
211. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2008), *Quyết định số 4083/2007/QĐ-UBND cho phép UBND huyện Nhơn Trạch thành lập Ban Quản lý Di tích - Danh thắng huyện Nhơn Trạch*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
212. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2009), *Kế hoạch số 6661/KH-UBND về phát triển xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2010*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
213. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2009), *Văn bản số 4637/UBND-VX về chuyển giao Trung tâm Văn miếu Trấn Biên về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
214. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2009), *Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án phân cấp quản lý di tích - danh thắng xếp hạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
215. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2009), *Kế hoạch số 8655/KH-UBND về triển khai Nghị quyết số 23-NQ/TW về "Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong tình hình mới"*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
216. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2010), *Quyết định số 44/QĐ-UBND về việc thu phí tham quan di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.

217. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2010), *Quyết định số 2208/QĐ-UBND đổi tên Khu Bảo tồn thiên nhiên và di tích Vĩnh Cửu thành Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
218. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2010), *Quyết định số 2399/QĐ-UBND Phê duyệt Đề án phát triển văn hóa nông thôn tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
219. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2010), *Quyết định số 3174/QĐ-UBND về việc chuyển giao Trung tâm Văn miếu Trấn Biên, trực thuộc UBND thành phố Biên Hòa, sang trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
220. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2011), *Quyết định số 1067/QĐ-UBND về việc phê duyệt mức thu phí vào cổng các khu di tích tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
221. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2011), *Quyết định số 3125/QĐ-UBND chấp thuận chuyển giao quyền quản lý, đầu tư và khai thác Trung tâm Văn miếu Trấn Biên từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sang Ban Quản lý dự án Bửu Long (DOFICO)*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
222. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2012), *Quyết định số 203/QĐ-UBND cho phé UBND huyện Long Thành thành lập Ban Quản lý Di tích - Danh thắng huyện Long Thành*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
223. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2012), *Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ban hành Quy định chính sách hỗ trợ di dời, bảo tồn và phát triển các cơ sở sản xuất gốm mỹ nghệ truyền thống trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
224. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2012), *Quyết định số 2277/QĐ-UBND phê duyệt Đề án "Xây dựng và Phát triển Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2020"*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.

225. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2012), *Quyết định số 2697/QĐ-UBND quy hoạch lộ trình xếp hạng di tích - danh thắng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2020,* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
226. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2013), *Quyết định số 2528/QĐ-UBND về Phê duyệt Đề án Bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
227. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2014), *Kế hoạch số 9543/KH-UBND về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
228. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2014), *Quyết định số 3866/QĐ-UBND về Phê duyệt Đề án phát triển xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020,* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
229. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2014), *Quyết định số 2137/QĐ-UBND ban hành Đề án đưa các chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2020*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
230. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2014), *Quyết định số 3866/QĐ-UBND về Phê duyệt Đề án Phát triển xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020,* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
231. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2014), *Kế hoạch số 4417/KH-UBND về triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
232. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2014), *Quyết định số 2137/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án đưa các chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2020,* TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.

233. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2015), *Báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa, thể thao và du lịch 5 năm (giai đoạn 2010 - 2015)*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
234. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2015), *Kế hoạch số 4523/KH-UBND về thực hiện công tác văn hóa, thể thao và du lịch vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
235. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2015), *Quyết định số 2366/QĐ-UBND về Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm* 2030, TLLT Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Nai.
236. Hoàng Văn Vân (2018), *Đảng bộ tỉnh Nghệ An lãnh đạo bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử cách mạng từ năm 1996 đến năm 2015*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
237. Trí Thức Việt (2019), *Các di tích lịch sử - văn hóa tín ngưỡng nổi tiếng Việt Nam*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
238. Hoàng Vinh (1997), *Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
239. Lê Thành Vinh (2005), "Bảo tồn di tích, nhân tố quan trọng của phát triển bền vững", *Tạp chí Di sản Văn hóa* (4), tr. 24-26.
240. Nguyễn Như Ý (2004), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa, Hà Nội.
241. Nguyễn Thị Hải Yến (2016), *In search of the Thang Long imperial citadel heritage sit* (Tìm hiểu khu di sản Hoàng Thành Thăng Long), NXB Thế giới, Hà Nội.

Tiếng Anh

242. Anupama Mallik. Santanu Chaudhury, Vijay Chandru. Sharada Srinivasan (2017), *Digital Hampi: preserving Indian cultural heritage*, Technical Contribution from K.R Marali Mohan, Department of Science and Technology, Springer Nature Singapore Pte Ltd.
243. Douglas C. Comer (2011), *Tourism and archaeological heritage management at Petra: driver to development or destruction?*, Spring Street, New York, USA.

244. Hirai Yukihiro (2019), *International symposium proceeding: Sustainable management and appropriate utilization of the cultural landscape and historical-eco system at royal tombs of Nguyen dynasty and Huong river's upstream basin* (Tài liệu hội thảo quốc tế: Quản lý và sử dụng bền vững cảnh quan văn hoá, hệ thống sinh thái - lịch sử tại các lăng tẩm Hoàng gia triều Nguyễn và khu vực thượng nguồn sông Hương), NXB Đại học Huế, Huế.
245. Jorge Gamboa (2015), *Archaeological Heritage in a Modern Urban Landscape The Ancient Moche in Trujillo, Peru*, Springer Cham Heidelberg New York Dordrecht London.
246. Michael A.Tomlan (2015), *Historic preservation: Caring for our expanding legacy*", Springer International Publishing Switzerland.
247. Simon Makuvaza (2014), *The management of cultural world heritage sites and development in Africa: history, nomination processes and representation on the World Heritage list*, Springer New York Heidelberg Dordrecht London.
248. The National Committee for The International Symposium on The Ancient Town of Hoi An (2003), *Ancient Town of Hoi An*, Publishers.

Website

249. Kim Bằng (2023), *Phục hồi, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, Bảo tàng Đồng Nai, https://baotangdongnai.com.vn/blog/phuc-hoi-ton-tao-va-phat-huy-gia-tri-di-tich-lich-su-cach-mang-tren-dia-ban-tinh-dong-nai/, ngày truy cập 3-2-2023.
250. Cổng thông tin điện tử Chính phủ (2017), *Quyết định số 1211/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012 - 2015*, https://chinhphu.vn/, truy cập ngày 17-11-2024.
251. *Ngành du lịch Đồng Nai đạt doanh thu trên 900 tỷ đồng* (2016), Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, https://vietnamtourism.gov.vn/, ngày truy cập 14-4-2025.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI

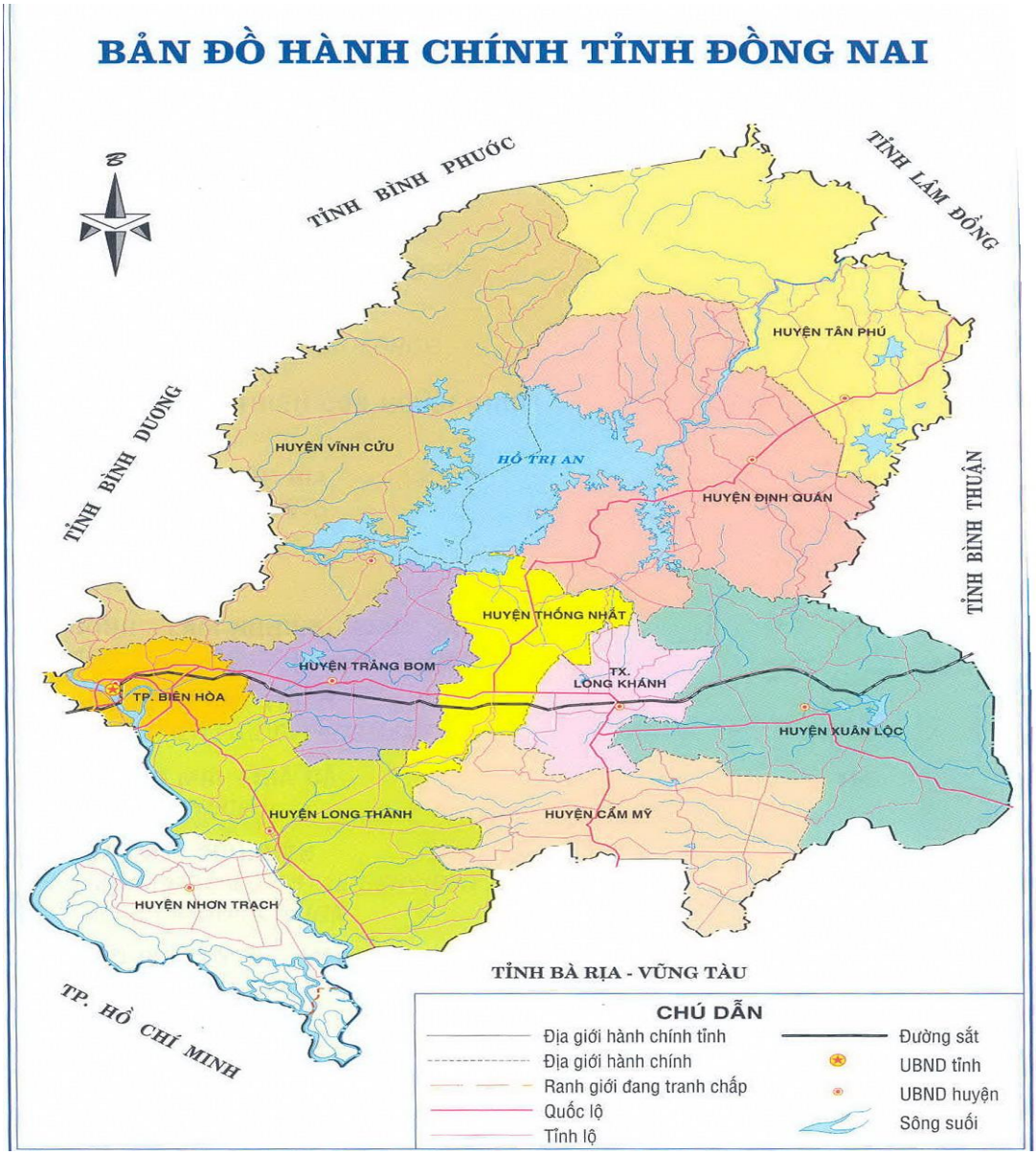

(*Nguồn*: http://laws.dongnai.gov.vn/2001_to_2010/2006/200609/200609290014)

PHỤ LỤC 2

CÁC DI TÍCH ĐƯỢC XẾP HẠNG TRONG GIAI ĐOẠN (1976 - 1995)

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Ghi chú
1	Bửu Hưng tự (Chùa Cô hồn)	62/QĐ.UBT	16/02/1979	P. Quang Vinh, TP.Biên Hòa, Đồng Nai	Tỉnh xếp hạng Di tích CM (loại B)
2	Tòa bố Biên Hòa	62/QĐ.UBT	16/02/1979	P. Thanh Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	Tỉnh xếp hạng Di tích CM (loại B)
3	Mộ Cự thạch Hàng Gòn	147/VH-QĐ	24/12/1982	Xã Hàng Gòn, TX.Long Khánh Đồng Nai	Bộ VH xếp hạng Di tích khảo cổ học.
4	Nhà Xanh	235/VH-QĐ	12/12/1986	P.Thống Nhất, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VH xếp hạng Di tích lịch sử
5	Địa điểm chiến thắng La Ngà	235/VH-QĐ	12/12/1986	xã Phú Ngọc, H.Định Quán, tỉnh Đồng Nai	Bộ VH xếp hạng. Di tích lịch sử.
6	Đài Chiến sĩ (Đài kỷ niệm)	1288/VH-QĐ	16/11/1988	P.Trung Dũng, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VH xếp hạng Di tích lịch sử
7	Tòa hành chánh tỉnh Long Khánh	1288/VH-QĐ	16/11/1988	P.Xuân An, TP. Long Khánh, Đồng Nai	Bộ VH xếp hạng Di tích lịch sử
8	Đá chồng Định Quán	1288/VH-QĐ	16/11/1988	TT.Định Quán, H. Định Quán, Đồng Nai	Bộ VH xếp hạng Di tích thắng cảnh

9	Đình An Hòa	100/VH-QĐ	21/01/1989	xã An Hòa, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Bộ VH xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật.
10	Khu Danh thắng Bửu Long	208/VH-QĐ	13/03/1990	P.Bửu Long, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VH xếp hạng Di tích thắng cảnh
11	Chùa Đại Giác	993-QĐ	28/09/1990	xã Hiệp Hòa, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VH-TT-TT&DL xếp hạng Di tích lịch sử và nghệ thuật
12	Mộ Trịnh Hoài Đức	1539-QĐ	27/12/1990	P.Trung Dũng, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VH-TT-TT&DL xếp hạng Di tích lịch sử
13	Đình Tân Lân	457-QĐ	25/03/1991	P.Hòa Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VH-TT-TT&DL xếp hạng Di tích lịch sử và nghệ thuật
14	Đền thờ, mộ Nguyễn Hữu Cảnh	457-QĐ	25/03/1991	xã Hiệp Hòa, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VH-TT-TT&DL xếp hạng Di tích lịch sử
15	Chùa Long Thiền	1057-QĐ	14/06/1991	P.Bửu Hòa, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VH-TT-TT&DL xếp hạng Di tích lịch sử
16	Nhà hội Bình Trước	2307/QĐ	30/12/1991	P.Thanh Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VHTT-TT xếp hạng Di tích lịch sử
17	Quảng trường Sông phố	2307/QĐ	30/12/1991	P.Thanh Bình, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VHTT-TT xếp hạng Di tích lịch sử.

18	Đền thờ Nguyễn Tri Phương	97/QĐ	21/01/1992	P.Bửu Hòa, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VHTT-TT xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa.
19	Nơi diễn ra cuộc nổi dậy phá Nhà lao Tân Hiệp 02/12/1956	2754/QĐ/BT	15/10/1994	P. Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	Bộ VHTT xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa.
20	Mộ Nguyễn Đức Ứng và 27 Nghĩa binh chống Pháp	2754/QĐ/BT	15/10/1994	xã Long Phước, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Bộ VHTT xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa.

(*Nguồn:* Tư liệu Bảo tàng Đồng Nai)

PHỤ LỤC 3

TỔNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM ĐỊA PHƯƠNG GRDP VÀ CƠ CẤU KINH TẾ THEO GIÁ THỰC TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Hạng mục	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I	**Tổng giá trị sản phẩm địa phương GRDP, theo giá thực tế**	**76.025**	**98.759**	**117.414**	**140.092**	**156.273**
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	6.537	7.409	7.984	8.826	9.376
2	Công nghiệp và xây dựng	43.488	56.590	66.926	79.712	88.919
3	Dịch vụ	25.999	34.760	42.504	51.554	57.977
3.1	Thương mại và dịch vụ	23.641	31.911	39.604	48.301	54.330
3.2	Thuế nhập khẩu	2.358	2.849	2.900	3.252	3.647
II	**Tỷ trọng (%)**	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**	**100,00**
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	8,60	7,50	6,80	6,30	6,0
2	Công nghiệp và xây dựng	57,20	57,30	57,00	56,90	56,9
3	Dịch vụ	34,20	35,20	36,20	36,80	37,1
3.1	Thương mại và dịch vụ	31,10	32,31	33,73	34,48	34,77
3.2	Thuế nhập khẩu	3,10	2,88	2,47	2,32	2,33

(*Nguồn:* Niên giám thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2014)

PHỤ LỤC 4

PHÂN LOẠI DI TÍCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên đơn vị hành chính	Loại hình		Cấp xếp hạng		Tổng số di tích
		Di tích lịch sử, cách mạng	Di tích thắng cảnh, kiến trúc, nghệ thuật hoặc khảo cổ	Tỉnh	Quốc gia	
1	Thành phố Biên Hòa	11	9	5	15	20
2	Huyện Long Thành	1	3	2	2	4
3	Thị xã Long Khánh	2	2	3	1	4
4	Huyện Nhơn Trạch	3	3	3	3	6
5	Huyện Vĩnh Cửu	4	3	4	3	7
6	Huyện Định Quán	1	1		2	2
7	Huyện Trảng Bom	1		1		1
8	Huyện Thống Nhất	3		3		3
9	Huyện Xuân Lộc		1		1	1
10	Huyện Tân Phú		1		1	1
11	Huyện Cẩm Mỹ	1			1	1
	Tổng cộng	**27**	**23**	**21**	**29**	**50**

(*Nguồn:* SVHTTDL tỉnh Đồng Nai năm 2015)

PHỤ LỤC 5

TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ TRÙNG TU, TÔN TẠO DI TÍCH

TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN (1996 - 2018)

Đơn vị tính: (triệu đồng)

STT	Tên Di tích	Năm thực hiện	Nguồn đầu tư			
			Trung ương (CTMTQG)	Ngân sách tỉnh	Xã hội hóa	Tổng
1	Văn miếu Trấn Biên	1998 - 2002		20.000		**20.000**
2	Nhà cổ Trần Ngọc Du	1999			700	**700**
3	Mộ cự thạch Hàng Gòn	2010 - 2017	18.049	9.550		**27.599**
4	Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961 - 1962)	2004	30.000	70.000		**100.000**
5	Đình An hòa	2009	684	4.742	500	**5.926**
6	Đình Tân Lân	2009; 2018	1.100		400	1.500
7	Chùa Ông	2009 - 2010			7.000	**7.000**
8	Chùa Đại Giác	2009 - 2010	1.200			**1.200**
9	Chùa Long Thiền	2010	800	2.369	2.000	**5.169**
10	Mộ Nguyễn Đắc Ứng và 27 nghĩa binh	2010		12.000		**12.000**

11	Miếu Tổ sư	2010 - 2012			5.000	**5.000**
12	Chùa Bửu Phong	2013 - 2016		900		**900**
13	Nhà Lao Tân Hiệp	2014		20.500	3.500	**24.000**
14	Di tích Thành Biên Hòa	2014 - 2018		40.114		**40.114**
15	Chùa Bửu Quang	2015 - 2016		200	100	**300**
16	Nguyễn Tri Phương	2017	300			**300**
17	Đền thờ Nguyễn Hửu Cảnh	2018 - 2019		146.000		**146.000**
18	Chùa Bửu Hưng	2018			1.000	**1.000**
19	Nhà xanh	2018 - 2019	1.100	2.165		**3.265**
Tổng cộng		**1998 - 2018**	**53.233**	**326.375**	**20.200**	**399.808**

(*Nguồn*: Ban Quản lý Di tích Đồng Nai năm 2018)

PHỤ LỤC 6

HIỆN TRẠNG BẢO TÀNG, NHÀ TRUYỀN THỐNG

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên Bảo tàng, Nhà truyền thống	Quy mô				Hiện trạng
		Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích Trưng bày (m^2)	Số hiện vật, tài liệu khoa học phụ		
				Trưng bày	Lưu kho	
1	Bảo tàng tỉnh (số 1 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Phong, Tp. Biên Hòa)	13.000	3.333	2.000	19.756	Nội dung trưng bày đã cũ, cần được chỉnh lý, nâng cấp
2	Nhà truyền thống thị xã Long Khánh	3020	61,28	207	0	Bảo quản, hoạt động tốt
3	Nhà truyền thống Tổng Công ty Cao su Đồng Nai (xã Suối Tre, thị xã Long Khánh)	600	40	450	50	Bảo quản hoạt động tốt
4	Nhà truyền thống nông trường cao su Cẩm Mỹ (xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ)	150	80	130	0	Đã xuống cấp, công ty đang lập kế hoạch trùng tu
5	Nhà truyền thống La Ngà (xã La Ngà, huyện Định Quán)	96	70	336		Bảo quản hoạt động tốt
6	Thư viện - Nhà truyền thống huyện Trảng Bom (thị trấn Trảng		60	180	100	Bảo quản hoạt động tốt

STT	Tên Bảo tàng, Nhà truyền thống	Quy mô				Hiện trạng
		Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích Trưng bày (m^2)	Số hiện vật, tài liệu khoa học phụ		
				Trưng bày	Lưu kho	
	Bom, huyện Trảng Bom)					
7	Nhà trưng bày tại di tích Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961-1962) (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu)	214	140	200	0	Đã cũ, cần được chỉnh lý trưng bày
8	Nhà trưng bày tại di tích Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam bộ (xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu)	250	150	153	169	Đã cũ, cần được chỉnh lý trưng bày
9	Nhà trưng bày tại di tích Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa (xã Bình Sơn, huyện Long Thành)	1000	100	160	0	Bảo quản, hoạt động tốt
11	Nhà trưng bày tại di tích căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa (xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom)	120	18	300	0	Bảo quản, hoạt động tốt
12	Thư viện Nhà truyền thống huyện Tân Phú (thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú)	110	46	150	0	Mới khánh thành trưng bày đưa vào sử dụng
13	Nhà truyền thống Lữ đoàn Pháo	120	80	250	0	Bảo quản, hoạt động tốt

STT	Tên Bảo tàng, Nhà truyền thống	Quy mô				Hiện trạng
		Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích Trưng bày (m^2)	Số hiện vật, tài liệu khoa học phụ		
				Trưng bày	Lưu kho	
	binh 75 (phường Tân Phong, Tp Biên Hòa)					
14	Nhà truyền thống Công an tỉnh Đồng Nai (phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa)	520	520	410	0	Bảo quản, hoạt động tốt
15	Nhà trưng bày di tích Địa đạo Nhơn Trạch (xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch)	420	182	364	0	Nền nhà trưng bày đã xuống cấp, thiếu cơ sơ vật chất
16	Nhà Văn hóa dân tộc Chơro (ấp Lý Lịch 1, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu)	4600	324	153	0	Bảo quản hoạt động tốt
17	Nhà truyền thống thành phố Biên Hòa (*Nhà hội Bình Trước*) (phường Thanh Bình, Tp. Biên Hòa)	578,70	133,5	141	0	Đã xuống cấp, cần được tu bổ, tôn tạo
18	Nhà Văn hóa dân tộc Chơro xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc	200	80	35	0	Thiếu cơ sở vật chất và hiện vật trưng bày.
19	Nhà truyền thống nghĩa trang liệt sĩ huyện Long		110	47	0	Hoạt động tốt

STT	Tên Bảo tàng, Nhà truyền thống	Quy mô				Hiện trạng
		Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích Trưng bày (m^2)	Số hiện vật, tài liệu khoa học phụ		
				Trưng bày	Lưu kho	
	Thành (huyện Long Thành)					
20	Nhà Văn hóa các dân tộc Tà Lài (xã Tà Lài, huyện Tân Phú)	5000	60	45	0	Đã xuống cấp, thiếu cơ sở vật chất phục vụ hoạt động
22	Nhà Văn hóa dân tộc Chơro xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc	1200	100	30	0	Bảo quản, hoạt động tốt
23	Nhà Văn hóa dân tộc Chơro xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất	200	150	95	0	Bảo quản, hoạt động tốt
24	Nhà Văn hóa dân tộc Chơro xã Phước Bình, huyện Long Thành	150	80	45	0	Bảo quản, hoạt động tốt
25	Nhà Văn hóa dân tộc Xtiêng xã Tân Hiệp, huyện Long Thành	2200	160	55	0	Bảo quản, hoạt động tốt
26	Nhà Văn hóa dân tộc Chăm xã Bình Sơn, huyện Long Thành	200	150	35	0	Bảo quản, hoạt động tốt
27	Nhà Văn hóa dân tộc Chơro xã Túc Trưng, huyện Định Quán	300	100	50	0	Đã xuống cấp

STT	Tên Bảo tàng, Nhà truyền thống	Quy mô				Hiện trạng
		Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích Trưng bày (m^2)	Số hiện vật, tài liệu khoa học phụ		
				Trưng bày	Lưu kho	
28	Phòng truyền thống trường dân tộc nội trú liên huyện Tân Phú - Định Quán (thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú	24	15	144	0	Bảo quản, hoạt động tốt
29	Nhà truyền thống trường dân nội trú tỉnh Đồng Nai (xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom)		100	120	0	Bảo quản, hoạt động tốt
30	Nhà truyền thống trường Trung cấp An ninh nhân dân II		24	250	0	Bảo quản, hoạt động tốt
31	Nhà truyền thống trường THPT Điểu Cải (huyện Thống Nhất)		40	120	0	Bảo quản, hoạt động tốt
32	Nhà truyền thống trường THPT Xuân Lộc		35	100	0	Bảo quản, hoạt động tốt
33	Nhà truyền thống trường THPT Nguyễn Trãi (phường Hố Nai, Tp. Biên Hòa)		40	150	0	Bảo quản, hoạt động tốt
34	Nhà truyền thống trường THPT Tân Phú (huyện Định Quán)	64	64	217	0	Bảo quản, hoạt động tốt

(*Nguồn:* SVHTTDL tỉnh Đồng Nai năm 2015)

PHỤ LỤC 7

HIỆN TRẠNG TỔNG SỐ LƯỢT KHÁCH DU LỊCH TỈNH ĐỒNG NAI

GIAI ĐOẠN 2010-2014

Hạng mục	**Đơn vị**	**Năm 2010**	**Năm 2011**	**Năm 2012**	**Năm 2013**	**Năm 2014**	**Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2010 – 2014 (%)**
1- Tổng số lượt khách du lịch	**1.000 lượt.khách**	**2.110**	**2.475**	**2.500**	**2.800**	**2.830**	**22,5**
+ Khách trong nước	1.000 lượt.khách	**2.070**	**2.432**	**2.453**	**2.746**	**2.777**	22,7
Tỷ trọng	%	98,1	98,3	98,1	98,1	98,2	
+ Khách quốc tế	1.000 lượt.khách	**40**	**43**	**47**	**54**	53	16,4
Tỷ trọng	%	1,9	1,7	1,9	1,9	1,8	
2- Tổng số lượt khách lưu trú	**1.000 lượt.khách**	**998**	**1.147**	**1.350**	**1.331**	**1.412**	**35,4**
+ Khách trong nước	1.000 lượt.khách	958	1.104	1.303	1.277	1.360	36,2
Tỷ trọng	%	96,0	96,2	96,5	96,0	96,3	
+ Khách quốc tế	1.000 lượt.khách	28	30	33	38	52	18,1
Tỷ trọng	%	4,0	3,8	3,5	4,0	3,7	
3- Số ngày lưu trú trung bình							
+ Khách trong nước	Ngày	1,1	1,1	1,0	1,2	1,4	2,1

+ Khách quốc tế	Ngày	3,0	3,5	3,2	2,8	3,7	- 0,4
4- Tổng số ngày khách lưu trú	**1.000 ngày.khách**	**1.173**	**1.309**	**1.492**	**1.682**	**17.774**	**35,4**
+ Khách trong nước	1.000 ngày.khách	1.053	1.159	1.342	1.532	1.585	37,5
Tỷ trọng	%	89,8	88,5	90,0	91,0	89	
+ Khách quốc tế	1.000 ngày.khách	120	150	150	151	1.924	22,9
Tỷ trọng	%	10,2	11,5	10,0	9,0	11	
5- Mức chi tiêu trung bình của khách							
+ Khách trong nước	1.000 đồng	190	220	250	260	300	5,5
+ Khách quốc tế	USD	115	120	120	135	160	6,8

(*Nguồn:* SVHTTDL tỉnh Đồng Nai năm 2014)

PHỤ LỤC 8

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH PHÂN THEO PHÒNG, BAN VÀ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

NĂM 2015

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	**56**	**1**	**4**	**42**	**1**	**7**	**1**
1	Ban lãnh đạo	3	1	0	2	0	0	0
	Văn phòng	14	0	1	6	0	7	0
2	Phòng Tổ chức cán bộ	4	0	0	4	0	0	0
3	Phòng Nghiệp vụ Văn hóa	6	0	1	5	0	0	0
4	Phòng Kế hoạch - Tài chính	6	0	0	6	0	0	0
5	Thanh tra	7	0	0	7	0	0	0
6	Văn phòng Ban chỉ đạo phong trào TDĐKXDĐSVH	4	0	0	4	0	0	0
7	Phòng Nghiệp vụ Du lịch	4	0	0	4	0	0	0
8	Phòng Xây dựng nếp sống văn hoá và Gia đình	4	0	1	2	1	0	0
9	Phòng Nghiệp vụ Thể dục thể thao	4	0	1	2	0	0	1

(*Nguồn*: SVHTTDL tỉnh Đồng Nai năm 2015)

PHỤ LỤC 9

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH PHÂN THEO ĐƠN VỊ VÀ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NĂM 2015

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác
	Tổng cộng	**409**	**0**	**4**	**202**	**10**	**193**
1	Bảo tàng	38	0	1	26	1	10
2	Đoàn Ca múa nhạc	32	0	0	6	1	25
3	Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật	40	0	0	33	1	6
4	Thư viện	34	0	0	23	0	11
5	Trung tâm Văn hóa	31	0	0	14	0	17
6	Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện	34	0	0	11	2	21
7	Ban quản lý Di tích - Danh thắng	26	0	0	15	2	9
8	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng	34	0	0	9	0	25
9	Đoàn Nghệ thuật Cải lương	42	0	0	4	1	37
10	Trung tâm Thể dục thể thao	55	0	1	27	0	27
11	Trung tâm Xúc tiến du lịch	11	0	1	8	1	1
12	Trường Phổ thông năng khiếu Thể thao	32	0	1	26	1	4

(*Nguồn*: SVHTTDL tỉnh Đồng Nai năm 2015)

PHỤ LỤC 10

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VĂN HOÁ CẤP HUYỆN, XÃ PHÂN THEO ĐƠN VỊ VÀ TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN NĂM 2015

Đơn vị hành chính	Tổng số	Số lượng cán bộ văn hóa cơ sở				Trình độ học vấn				
		Phòng VHTT	Thư viện	Trung tâm VH-TT	Xã, Phường	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại
	599	**113**	**91**	**175**	**220**	**1**	**360**	**54**	**82**	**102**
Biên Hòa	55	11	1	13	30	0	47	3	0	5
Long Khánh	45	11	12	7	15	0	29	8	6	2
Vĩnh Cửu	47	10	11	14	12	0	22	8	10	7
Tân Phú	62	11	7	26	18	0	29	7	15	11
Định Quán	67	14	9	17	27	0	37	6	14	10
Xuân Lộc	54	7	7	13	27	1	36	5	6	6
Trảng Bom	78	10	20	17	31	0	42	2	12	22
Thống Nhất	61	12	9	20	20	0	29	7	7	18
Long Thành	51	9	7	20	15	0	36	2	3	10
Nhơn Trạch	38	10	4	12	12	0	29	4	1	4
Cẩm Mỹ	41	8	4	16	13	0	24	2	8	7

(*Nguồn*: SVHTTDL tỉnh Đồng Nai năm 2015)

PHỤ LỤC 11

DANH MỤC CÁC DI TÍCH - DANH THẮNG

PHÂN CẤP CHO UBND CẤP HUYỆN TRỰC TIẾP QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018

của UBND tỉnh)

I. UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Thành cổ Biên Hòa	3995/QĐ-BVHTTDL	12/11/2013	129 Phan Chu Trinh, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng - Di tích lịch sử
2	Nơi diễn ra cuộc nổi dậy phá Nhà lao Tân Hiệp ngày 02/12/1956	2754/QĐ/BT	15/10/1994	Phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa và Thông tin xếp hạng - Di tích lịch sử văn hóa
3	Đài Chiến sĩ (Đài kỷ niệm)	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa xếp hạng - Di tích lịch sử
4	Quảng trường Sông Phố	2307/QĐ	30/12/1991	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thông tin và Thể thao xếp hạng - Di tích lịch sử

5	Nhà hội Bình Trước	2307/QĐ	30/12/1991	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thông tin và Thể thao xếp hạng - Di tích lịch sử
6	Lăng mộ Trịnh Hoài Đức	1539-QĐ	27/12/1990	Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thông tin Thể thao và Du lịch xếp hạng - Di tích lịch sử
7	Nhà Xanh	235/VH-QĐ	12/12/1986	Phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa xếp hạng - Di tích lịch sử
8	Tòa bố Biên Hòa	62/QĐ.UBT	16/02/1979	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	- UBND tỉnh ĐN xếp hạng - Di tích CM (loại B)
9	Nhà cổ Trần Ngọc Du	3524QĐ-CT.UBND	10/10/2005	Phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	- UBND tỉnh ĐN xếp hạng - Di tích lịch sử Kiến trúc nghệ thuật

II. UBND THỊ XÃ LONG KHÁNH

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Mộ Cự thạch Hàng Gòn	2367/QĐ-TTg	23/12/2015	Xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh,	- Thủ tướng Chính phủ xếp hạng - Di tích khảo cổ

				Đồng Nai	
2	Tòa Hành chính tỉnh Long Khánh	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Phường Xuân An, thị xã Long Khánh, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa xếp hạng - Di tích lịch sử
3	Địa điểm Căn cứ Thị ủy Long Khánh	3703/QĐ-UBND	23/11/2015	Xã Bàu Trâm và xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh	- UBND tỉnh ĐN xếp hạng - Di tích lịch sử
4	Nhà chủ công ty cao su SIPH	67/QĐ-UBND	05/1/2012	Ấp Dưỡng Dưỡng, xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, Đồng Nai	- UBND tỉnh ĐN xếp hạng - Di tích lịch sử - Kiến trúc nghệ thuật

III. UBND HUYỆN NHƠN TRẠCH

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Địa đạo Nhơn Trạch	04/2001/QĐ - BVHTT	19/01/2001	Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng - Di tích lịch sử văn hóa
2	Vụ thảm sát Giồng Sắn	3068QĐ - BVHTTDL	23/9/2014	Xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng - Di tích lịch sử
3	Di tích Căn cứ Sở Chỉ huy đặc khu quân sự Rừng Sác và Đoàn 10 đặc công Rừng Sác	2105/QĐ - BVHTTDL	08/7/2014	Xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng - Di tích lịch sử

4	Địa điểm diễn ra trận đánh giữa Tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 4, Sư đoàn 5) và Đại đội 240 Biên Hòa với Tiểu đoàn Mãng Xà Vương Thái Lan vào ngày 20/12/1967 tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	636/QĐ-UBND	01/3/2013	Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai	- UBND tỉnh ĐN xếp hạng - Di tích lịch sử

IV. UBND HUYỆN LONG THÀNH

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Địa điểm Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa nông thôn (U3)	1566/QĐ-UBND	21/4/2005	Xã Bình Sơn, huyện Long Thành	- UBND tỉnh ĐN xếp hạng - Di tích lịch sử

V. UBND HUYỆN TRẢNG BOM

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Địa điểm Chiến thắng Yếu khu Quân sự Trảng Bom	3277/QĐ-UBND	23/10/2015	Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom	- UBND tỉnh ĐN xếp hạng - Di tích lịch sử
2	Địa điểm Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đô thị (U1)	1566/QĐ-UBND	21/4/2005	Xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom	- UBND tỉnh ĐN xếp hạng. - Di tích lịch sử

VI. UBND HUYỆN ĐỊNH QUÁN

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Địa điểm chiến thắng La Ngà	235/VH-QĐ	12/12/1986	Xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai	- Bộ Văn hóa xếp hạng - Di tích lịch sử
2	Danh thắng Đá chồng Định Quán	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa xếp hạng - Di tích thắng cảnh

VII. UBND HUYỆN XUÂN LỘC

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Danh lam thắng cảnh núi Chứa Chan	1204/QĐ BVHTTDL	29/3/2012	Xã Xuân Trường, Xuân Thọ, Suối Cát, Xuân Hiệp, thị trấn Gia Ray thuộc huyện Xuân Lộc, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng - Danh lam thắng cảnh

VIII. UBND HUYỆN VĨNH CỬU

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước Tân Triều và Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa	224/QĐ-UBND	23/01/2007	Ấp Tân Triều, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai	- UBND tỉnh ĐN xếp hạng - Di tích lịch sử

(*Nguồn*: UBND tỉnh Đồng Nai năm 2018)

PHỤ LỤC 11

DANH MỤC CÁC DI TÍCH - DANH THẮNG ỦY QUYỀN CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh)

A. CÁC ĐƠN VỊ ĐÓNG CHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. Vườn Quốc gia Cát Tiên (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Di tích danh lam thắng cảnh Vườn Quốc gia Cát Tiên	1419/QĐ-TTg	29/9/2012	Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng	- Thủ tướng Chính phủ xếp hạng - Danh lam thắng cảnh

II. Tổng Công ty Cao su Đồng Nai (Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam)

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Vườn Cao su đầu tiên, Sân điểm đồn điền cao su Dầu Giây	2084/QĐ-UBND	24/7/2009	Xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử

III. Sư đoàn 302 (Quân khu 7)

STT		Tên di tích	Số Quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích

1		Địa điểm thành lập Đoàn 125 - Tiền thân của lực lượng vũ trang đoàn kết cứu nước Campuchia	4317/QĐ-BVHTTDL	29/12/2011	Xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng - Di tích lịch sử

B. CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC TỈNH

I. Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Bửu Long

STT	Tên di tích	Số Quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Danh thắng Bửu Long (nằm trong di tích Danh thắng Bửu Long và Chùa Bửu Phong)	- Số 208/VH-QĐ - Số 1535/QĐ BVHTTDL (QĐ sửa đổi Điều 1 QĐ số 208	13/3/1990 25/4/2013	Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa xếp hạng - Di tích thắng cảnh
2	Văn miếu Trấn Biên	2894/QĐ-BVHTTDL	18/8/2016	Khu phố 5, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa.	- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng - Di tích lịch sử

II. Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai

STT	Tên di tích	Số Quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961-1962)	02/2001 QĐ-BVHTT	19/01/2001	Xã Phú Lý, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng - Di tích lịch sử văn hóa

2	Căn cứ Khu ủy miền Đông (Chiến khu Đ)	3744QĐ/ BVHTT	29/11/1997	Xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng - Di tích lịch sử văn hóa
3	Địa đạo Suối Linh	61/1999 QĐ/BVHTT	13/9/1999	Xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng - Di tích lịch sử văn hóa

C. CÁC BAN QUẢN LÝ/ BAN QUÝ TẾ CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG, BAN TRỊ SỰ CƠ SỞ TÔN GIÁO

I. Địa bàn thành phố Biên Hòa

STT	Tên di tích	Số Quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Đền thờ, mộ Nguyễn Hữu Cảnh	457-QĐ	25/3/1991	Xã Hiệp Hòa, TP Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch xếp hạng - Di tích lịch sử
2	Đền thờ Nguyễn Tri Phương	97/QĐ	21/01/1992	Phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thông tin và Thể thao xếp hạng - Di tích lịch sử văn hóa
3	Mộ, Đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh Thiên Địa Hội	722QĐ/BVHTT	25/4/1998	Phường Long Bình, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng - Di tích lịch sử văn hóa
4	Chùa Long Thiền	1057-QĐ	14/6/1991	Phường Bửu Hòa, TP. Biên	- Bộ Văn hóa, Thông tin, Thể

				Hòa, Đồng Nai	thao và Du lịch xếp hạng - Di tích lịch sử
5	Chùa Bửu Phong (nằm trong di tích Danh thắng Bửu Long và Chùa Bửu Phong)	- Số 208/VH-QĐ - Số 1535/QĐ BVHTTDL (QĐ sửa đổi điều 1 QĐ số 208	13/3/1990 25/4/2013	Phường Bửu Long, TP Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa xếp hạng - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng - Di tích thắng cảnh
6	Chùa Đại Giác	993-QĐ	28/9/1990	Xã Hiệp Hòa, TP Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch xếp hạng - Di tích lịch sử và nghệ thuật
7	Chùa Ông	04/2001/QĐ-BVHTT	19/01/2001	Xã Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng - Di tích lịch sử văn hóa
8	Đình Tân Lân	457-QĐ	25/3/1991	Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch xếp hạng - Di tích lịch sử và nghệ thuật
9	Đình An Hòa	100/VH-QĐ	21/01/1989	Xã An Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	- Bộ Văn hóa xếp hạng - Di tích kiến trúc nghệ thuật
10	Miếu Tổ Sư (Chùa Bà Thiên Hậu)	981/QĐ-UBND	28/3/2008	Khu phố 5, Bửu Long, TP Biên Hòa, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng

					- Di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật
11	Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương	3704/QĐ-UBND	23/11/2015	Khu phố 3, Bình Đa, TP Biên Hòa, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử
12	Bửu Hưng Tự (Chùa Cô hồn)	62/QĐ.UBT	16/02/1979	Phường Quang Vinh, TP Biên Hòa, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích cách mạng
13	Đình Bình Quan	6527/QĐ.CTUBT	21/12/2004	Xã Hiệp Hòa, TP Biên Hòa, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử

II. Địa bàn thị xã Long khánh

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Đình Xuân Lộc - Chùa Xuân Hòa	982/QĐ-UBND	28/3/2008	Phường Xuân An, TX Long Khánh, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử

III. Địa bàn huyện Thống Nhất

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Đình Hưng Lộc	4070/QĐ-UBND	02/12/2008	Xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử
2	Đình Dầu Giây	3969/QĐ-UBND	04/12/2013	Xã Bàu Hàm 2	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử

				Huyện Thống Nhất	

IV. Địa bàn huyện Long Thành

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Mộ Nguyễn Đức Ứng và 27 nghĩa binh chống Pháp	2754/QĐ/BT	15/10/1994	Xã Long Phước, huyện Long Thành, Đồng Nai	- Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng - Di tích lịch sử văn hóa
2	Đình Phước Lộc	2368/QĐ-UBND	30/7/2007	Khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, Đồng Nai.	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích kiến trúc nghệ thuật
3	Đền thờ Trần Hưng Đạo	3640/QĐ-UBND	29/12/2010	Ấp 4, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử

V. Địa bàn huyện Nhơn Trạch

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Đình Phước Thiền	3607/QĐ - UBND	07/12/2009	Xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật

2	Đình Phú Mỹ	3525/QĐ CT - UBND	10/10/2005	Xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật

VI. Địa bàn huyện Vĩnh Cửu

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Đình Long Chiến	1783/ QĐ. UBND	15/7/2011	Ấp 2, xã Bình Lợi, Vĩnh Cửu, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử
2	Đình Phú Trạch	3698/QĐ. UBND	26/12/2011	Ấp 2, xã Thạnh Phú, Vĩnh Cửu, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử
3	Đình Cẩm Vinh	3968/QĐ-UBND	04/12/2013	Ấp Vĩnh Hiệp, xã Tân Bình, Vĩnh Cửu, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử

VII. Địa bàn huyện Tân Phú

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Địa điểm di tích	Cấp xếp hạng Loại hình di tích
1	Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương	985/QĐ-UBND	30/3/2017	Xã Phú Sơn, Tân Phú, Đồng Nai	- UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng - Di tích lịch sử

(*Nguồn*: UBND tỉnh Đồng Nai năm 2018)

PHỤ LỤC 12

HIỆN TRẠNG CÁC DI TÍCH VĂN HÓA LỊCH SỬ

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI (TÍNH ĐẾN THÁNG 8 - 2015)

I . Di tích Quốc gia đặc biệt: 02

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
1	Vườn Quốc gia Cát Tiên	1419/QĐ-TTg	27/9/2012	Danh lam thắng cảnh	Các tỉnh: Đồng Nai, Lâm Đồng và Bình Phước	Bảo quản tốt
2	Mộ Cự thạch Hàng Gòn	2367/QĐ-TTg	23/12/2015	Di tích khảo cổ	Tỉnh Đồng Nai	Bảo quản tốt

II. Di tích quốc gia: 28

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
1	Mộ Cự thạch Hàng Gòn	147/VH-QĐ	24/12/1982	Di tích khảo cổ học	Xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
2	Nhà Xanh	235/VH-QĐ	12/12/1986	Di tích lịch sử	Phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
3	Địa điểm chiến thắng La Ngà	235/VH-QĐ	12/12/1986	Di tích lịch sử	Xã Phú Ngọc, huyện Định Quán	Tượng đài đang xuống cấp, cần trùng tu
4	Đài Chiến sĩ *(Đài Kỷ niệm)*	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Di tích lịch sử	Phường Trung Dũng, thành	Đã trùng tu, bảo quản tốt

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
					phố Biên Hòa	
5	Tòa hành chánh tỉnh Long Khánh	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Di tích lịch sử	Phường Xuân An, thị xã Long Khánh	Đang xuống cấp, công trình đã hết hạn sử dụng theo thông báo của Pháp
6	Đá chồng Định Quán	1288/VH-QĐ	16/11/1988	Di tích thắng cảnh	Thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	Bảo quản tốt
7	Đình An Hòa	100/VH-QĐ	21/01/1989	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Xã An Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
8	Chùa Đại Giác	993-QĐ	28/9/1990	Di tích lịch sử và nghệ thuật	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
9	Mộ Trịnh Hoài Đức	1539-QĐ	27/12/1990	Di tích lịch sử	Phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
10	Đình Tân Lân	457-QĐ	25/3/1991	Di tích lịch sử và nghệ thuật	Phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
11	Đền thờ, mộ Nguyễn Hữu Cảnh	457-QĐ	25/3/1991	Di tích lịch sử	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt. Đang có KH di dời

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
						chỉnh trang đình
12	Chùa Long Thiền	1057-QĐ	14/6/1991	Di tích lịch sử	Phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
13	Nhà hội Bình Trước	2307/QĐ	30/12/1991	Di tích lịch sử	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
14	Quảng trường Sông Phố	2307/QĐ	30/12/1991	Di tích lịch sử	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
15	Đền thờ Nguyễn Tri Phương	97/QĐ	21/01/1992	Di tích lịch sử văn hóa	Phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
16	Mộ Nguyễn Đức Ứng và 27 nghĩa binh chống Pháp	2754/QĐ/ BT	15/10/1994	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Long Phước, huyện Long Thành	Đã trùng tu, bảo quản tốt
17	Nơi diễn ra cuộc nổi dậy phá nhà lao Tân Hiệp (02/12/1956)	2754/QĐ/ BT	15/10/1994	Di tích lịch sử văn hóa	Phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa	Đang trùng tu, tôn tạo, nâng cao toàn bộ di tích trong năm 2014-2015
18	Căn cứ Khu ủy miền Đông Nam	3744/QĐ-BVHTT	29/11/1997	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu	Đã trùng tu, tôn tạo,

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
	Bộ *(Chiến khu Đ)*					bảo quản tốt
19	Mộ, đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh Thiên Địa Hội	722/QĐ-BVHTT	25/4/1998	Di tích lịch sử văn hóa	Phường Long Bình và phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
20	Địa đạo Suối Linh	61/1999/QĐ-BVHTT	13/9/1999	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu	Bảo quản tốt
21	Căn cứ Trung ương Cục miền Nam (1961-1962)	02/2001/QĐ-BVHTT	19/01/2001	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
22	Chùa Ông (*Thất phủ cổ miếu*)	04/2001/QĐ-BVHTT	19/01/2001	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
23	Địa đạo Nhơn Trạch	04/2001/QĐ-BVHTT	19/01/2001	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Long Thọ,huyện Nhơn Trạch	Đã trùng tu, bảo quản tốt
24	Địa điểm thành lập Đoàn 125 - Tiền thân lực lượng vũ trang đoàn kết cứu nước Campuchia	4317/QĐ-BVHTTDL	29/12/2011	Di tích lịch sử văn hóa	Xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ	Bảo quản tốt, xây dựng nhà lưu niệm, nghĩa trang liệt sỹ Campuchia

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
25	Núi Chứa Chan	1204/QĐ-BVHTTDL	29/3/2012	Danh lam thắng cảnh	Các xã: Xuân Trường, Xuân Thọ, Suối Cát, Xuân Hiệp và thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Bảo quản tốt, đang khai thác du lịch hiệu quả. Dự kiến khai thác cáp treo
26	Khu danh thắng Bửu Long và chùa Bửu Phong	1535/QĐ-BVHTTDL	25/4/2013	Danh lam thắng cảnh	Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa	
27	Căn cứ Sở Chỉ huy đặc khu Quân sự rừng Sác và Đoàn 10 Đặc công rừng Sác	2150/ QĐ-BVHTTDL	08/7/2014	Di tích lịch sử	Xã Phước An, huyện Nhơn Trạch	Bảo quản tốt. Chưa trùng tu, tôn tạo, khai thác
28	Địa điểm vụ thảm sát Giồng Sắn	3068/QĐ-BVHTTDL	23 /9/2014	Di tích lịch sử	Xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch	Bảo quản tốt. Chưa trùng tu, tôn tạo, khai thác

III. Di tích cấp tỉnh: 21

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
1	Bửu Hưng tự (*Chùa Cô hồn*)	62/QĐ.UBT	16/02/1979	Di tích cách mạng (loại B)	Phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa	Bảo quản tốt

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
2	Tòa bố Biên Hòa	62/QĐ.UBT	16/02/1979	Di tích cách mạng (loại B)	Phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa	Nay là Trụ sở UBND tỉnh.
3	Đình Bình Quan	6527/QĐ-CT.UBT	21/12/2004	Di tích lịch sử	Xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, bảo quản tốt
4	Địa điểm Căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa	1566/QĐ.CT.UBND	21/4/2005	Di tích lịch sử	Xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom và xã Bình Sơn, huyện Long Thành	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
5	Nhà cổ Trần Ngọc Du	3524/QĐ-CT.UBND	10/10/2005	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
6	Đình Phú Mỹ	3525/ QĐ-CT.UBND	10/10/2005	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
7	Địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy Lâm thời tỉnh Biên Hòa	224/QĐ.UBND	23/01/2007	Di tích lịch sử	Ấp Tân Triều, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
8	Đình Phước Lộc	2368/QĐ-UBND	30/7/2007	Di tích kiến trúc nghệ thuật	Khu Cầu Xéo, thị trấn.Long Thành,	Bảo quản tốt

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
					huyện Long Thành	
9	Thành Biên Hòa	876/QĐ-UBND	21/3/2008	Di tích lịch sử	Phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa	Đang xuống cấp nghiêm trọng. Kế hoạch trùng tu, tôn tạo năm 2014-2015
10	Miếu Tổ Sư	981/QĐ-UBND	28/3/2008	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
11	Đình Xuân Lộc - chùa Xuân Hòa	982/QĐ-UBND	28/3/2008	Di tích lịch sử	Phường Xuân An, thị xã Long Khánh	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
12	Đình Hưng Lộc	4070/QĐ-UBND	02/12/2008	Di tích lịch sử	Xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất	Đã trùng tu, tôn tạo, bảo quản tốt
13	Vườn cao su đầu tiên, sân điểm đồn điền cao su Dầu Giây	2084/QĐ-UBND	24/7/2009	Di tích lịch sử	Xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất	Bảo quản tốt
14	Đình Phước Thiền	3607/QĐ - UBND	07/12/2009	Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật	Xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch	Bảo quản tốt
15	Đền thờ Trần Hưng Đạo	3640/QĐ-UBND	29/12/2010	Di tích lịch sử	Ấp 4, xã Bình Sơn,	Bảo quản tốt

STT	Tên di tích	Số quyết định	Thời gian	Loại hình	Địa điểm	Hiện trạng
					huyện Long Thành	
16	Đình Long Chiến	1783/ QĐ.UBND	15/7/2011	Di tích lịch sử	Ấp 2, xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu	Bảo quản tốt
17	Đình Phú Trạch	3698/QĐ-UBND	26/12/2011	Di tích lịch sử	Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu	Bảo quản tốt
18	Nhà chủ Công ty cao su SIPH	67/QĐ-UBND	05/01/2012	Di tích lịch sử	Xã Suối Tre, thị xã Long Khánh	Bảo quản tốt
19	Địa điểm diễn ra trận đánh giữa Tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 4, Sư đoàn 5) và Đại đội 240 Biên Hòa với Tiểu đoàn Mãng Xà Vương Thái Lan vào ngày 20/12/1967 tại xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	636/QĐ-UBND	01/3/2013	Di tích lịch sử	Xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch	Bảo quản tốt
20	Đình Cẩm Vinh	3968/QĐ-UBND	04/12/2013	Di tích lịch sử	Xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu	Bảo quản tốt
21	Đình Dầu Giây	3969/QĐ-UBND	04/12/2013	Di tích lịch sử	Xã Bàu Hàm II, huyện Thống Nhất	Bảo quản tốt

(*Nguồn*: Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030)